

15 THÁNG 4 NĂM 1967

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ A I

năm mười một

CUNG GIỮ NGUYÊN ý-niệm quốc gia trong thời đại
mới * HỒ HỮU TƯỜNG về sự cần thiết của khoa
Nhân-danh-học ở Việt Nam * NGÔ DI phương pháp
nghiên cứu lịch sử tư tưởng Trung - quốc * HỒ DÃ
TƯỜNG lương tâm và chính trị * NGUYỄN HIÊN LÊ
ông bà La Fayette * MỘNG TRUNG hôn nhân dị
chủng * LÊ TẮT ĐIỀU buổi chiều

LÊ PHƯƠNG CHI nếp sống hôm nay của các văn
nghệ sĩ : nhà văn Nhật Tiến * ĐỖ TIẾN ĐỨC
má hồng * TỪ TRÌ thể giới trong những tuần
qua * TRẦN QUÝ SÁCH những ngày ghi vội *

SINH HOẠT Bách Khoa

Thời Đại đọc sách giúp bạn

* Thời sự văn nghệ *

247





Tifomycine



VOIE GÉNÉRALE

- dragées à 0,250g
- dragées à 0,100g
- poudre aromatisée
- suspension buvable
- ampoules injectables
- suppositoires à 0,250g

VOIE LOCALE

- collyre
- gouttes auriculaires
- ovules secs

TRAITEMENT D'ATTAQUE..

Distributeur :
UFFARMA CONG-TY
20A, Ben Bach-Dang
SAIGON



BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 247 ngày 15 - 4 - 1967

CUNG GIỮ NGUYÊN ý - niệm quốc - gia trong thời đại mới	3
HỒ HỮU TƯỜNG về sự cần thiết của khoa Nhân - danh - học ở Việt - Nam	8
NGÔ DI phương pháp nghiên cứu lịch-sử tư-tưởng Trung-quốc (ĐINH TẤN DUNG dịch)	13
HỒ DÃ TƯƠNG lương tâm và chính trị	20
NGUYỄN HIỂN LÊ ông bà La Fayette (2)	22
MỘNG TRUNG hôn nhân dị chủng	34
LÊ TẤT ĐIỀU buổi chiều (truyện ngắn)	41
LÊ PHƯƠNG CHI nếp sống hôm nay của các văn nghệ sĩ ; nhà văn Nhật Tiến	53
ĐỖ TIẾN ĐỨC má hồng (truyện dài)	59
TỪ TRÌ thế giới, trong những tuần qua	71
THỤC, MINH TÂM, QUỐC THÁI đọc sách giúp bạn : Bao khô, Quê nhà, Tiền đồn, Hoa bướm bướm; Mộng ngân sơn, Hiện thân.	75
TRẦN QUÍ SÁCH những ngày ghi vội (truyện ngắn)	82
TRÀNG THIÊN thời sự văn nghệ	87

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa-soạn :
 160 Phan Đình Phùng Saigon
 Đ.T. 25.539
 H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
 133 Võ Tánh Saigon
GIÁ: 20\$ - Công sở : Giá gấp đôi
 Cao Nguyên và Miền Trung :
 thêm cước phí máy bay

HỘP THƯ

— *Bách-khoa Thời-đại đã nhận được những bài sau đây :*

Giang san rừng và biển ưu tư của chim (Quang-Hoài). Nói với quê hương (Nguyễn nho Nhuận). Một thằng bạn tên là Dũng ; Lời tình tự (Trầm-Tích-Duyên). Nga, Mai và một người (Lê-văn-tinh Huyền). Nỗi chết trên cành ; Từ đó (Trần đình Cường). Một lần cho bé (Hoàng hà Tĩnh. — Vỡ ; Đêm chưa còn dài (Lynli-Thảo). Hoang lạnh ; Đêm (Thái-kim - Băg). Ngựa hoang ; Mai người đi (Thủy Triều) — Chuyện kể của gió đông (Ng. đình Hoàng). Về phố (Trần Dza Lữ). Nỗi buồn mùa xuân ; Phận con ; Niềm đau thân phận (Trần Hoàng Nga). Xuân (Minh Tường). Trời mưa ; Khi xa mẹ ; Ngủ trong tay mẹ (Dạm Thúy). Tượng số ; Tuổi chị (Văn Trần Mỹ). Ru con (Châu toàn Dũng). Lỡ nhịp cầu (Đình tấn Tuấn). Hoa ngỗ trước (Hà-nhạc Thanh Thảo). Cuối cùng (Nguyễn Phong). Vết đen thời con gái (Lý thị đăng Phạm). Con lốc trong hồn (Lê kim Ân). Đây vùng quê tôi (Hoàng Ni). Nói với bạn bè ; Tuổi mù sương (Chu thị ngọc Xuân). Khúc hát cho tôi mỗi lần thức dậy (Trần Thụy Lộc). Niềm tình khôi ; Thời gian (Buồn thị đông

phương). Tin buồn ; Con mê (Trần Dza Lữ). Những nghe như ; Mừng tuổi em (Tô đình Sự) Nói với người làm thơ ; Nhìn về quê hương bây giờ (Yến nguyên Thaph). Cánh rừng quê hương ; Màu xanh lá bẹ ; Thầy giáo làng xưa ; Ngày đầu làm lính ; Lá thư quê hương ; Món quà đầu xuân ; Quà sinh nhật cho bé ; Trời thương (Trần Hoài Thư).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ THƠ và trường hợp đặc biệt có thư riêng) thì các bạn coi như là không đăng được mà thông cảm cho. Đa tạ.

— *Cùng quý bạn gửi bài cho Bách Khoa Thời-Đại ;*

Xin lưu ý quý bạn viết một mặt giấy, (nếu không đánh máy thì viết chữ lớn và rõ ràng để khi sắp chữ khỏi lầm) và nhất là ghi rõ tên thực cùng địa chỉ hiện tại để tòa soạn tiện liên lạc.

— Ô. Vũ-Hoàng (KBC 4919). Đã nhận được thư của ông. Xin ông gửi về tòa báo bưu phiếu 220đ và chúng tôi sẽ gửi báo đến ông từ số 248.

SÁCH MỚI

— *Hai mươi năm qua (1945 - 1964 ; Việc từng ngày) của Đoàn Thêm do Nam Chi từng-thư xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 424 trang, ghi lại từng ngày những sự việc quan trọng, đã xảy ra trong nước và trên thế giới trong 20 năm qua, ở các địa hạt chánh trị,*

quân sự, văn hóa, xã hội, kinh tế, khoa học, tổ chức công quyền v.v... Giá 300đ.

— *Chết non tập truyện của Trần văn Minh do Bùi Hoàng Khải xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 180 trang gồm 7 truyện ngắn. Bản đặt biệt. Giá 100đ.*

Ý-niệm quốc-gia trong thời-đại mới

Chủ nghĩa quốc-gia là một huyền-thoại chính-trị quan-trọng lay chuyển cuộc sống nhân loại trong mấy năm qua hơn cả huyền-thoại về giai-cấp. Nếu chủ-nghĩa quốc-gia đã thúc đẩy việc dân-tộc tự-quyết và giải phóng thuộc-địa, chủ-nghĩa ấy cũng là động-cơ tâm-lý của đế quốc xâm lăng và mưu đồ quốc-xã phát xít, chủ-nghĩa ấy là một nguyên-nhân cuộc khủng hoảng trầm-trong hiện thời của thế-giới và mãi đe-doạ hoà bình yên vui của nhân loại.

Một dân-tộc trở thành một quốc-gia không nhờ nơi điều-kiện lịch-sử hay địa-lý, mà chỉ khi nào dân-tộc ý-thức mình như thế. Một số yếu-tố khách-quan dựng lên chủ-thuyết quốc-gia từ thế-kỷ 19 ở Âu châu. Chủ-thuyết lan truyền nhanh chóng khắp nơi, được đón nhận như một linh-được có khả-năng hồi dương những đám người đang chết dờ dưới sự áp-bức của thực dân hay trong vòng ngu muội.

Huyền-thoại chính-trị vẫn đóng vai tuồng lớn lao trong lịch-sử con người. Đó là triệu-chứng của những ý-tưởng mạnh mẽ tại một nơi, trong một thời. Huyền thoại phản ảnh bản-năng quần bầy hay sự thúc-dẩy trong tiềm-thức

đề tấn công hay đề được tương trợ. Huyền-thoại nêu một hiện tượng tranh đấu để sống còn, hay một lối nhĩ-thái để khỏi bị tiêu diệt. Có người xem huyền thoại là lý-trí của nhân loại trong khi có người khác lại nghĩ rằng về chính trị một phần lớn nhân loại không suy nghĩ gì hết, mà chỉ cảm thấy. Chủ nghĩa quốc-gia khi đã là một huyền-thoại chính-trị, có thể làm ngăn cản sự tiến-bô chung. Trong cảnh-vực xã hội đã biến đổi, ý-niệm đẹp đẽ trước kia trở nên lỗi thời. Nếu những chủ-thuyết hay danh-từ rõ ràng được dùng để bao trùm những cảm-giác mơ-hồ hay những sự-kiện giả-tạo, thì còn rất nhiều người phải chết oan vì lỗi-lầm về nhận thức ấy. Bên ngoài, thì chủ-nghĩa quốc-gia hiện nay có vẻ rất mạnh, chủ nghĩa đem lại sự thỏa-mãn về tâm-lý cho quần chúng, được sự ủng-hộ của thề-chế, của dư-luận. Nhưng sự trỗi dậy của chủ-nghĩa chẳng khác tiếng hát cuối cùng của bạch nga.

Sự phát-triển vượt bậc của kỹ-nghệ tại một vài nơi, cảnh đói kém kinh-niên của nhiều vùng rộng lớn nhấn mạnh cảnh bất bình đẳng xã-hội và ung đúc sự hận thù, sự đe dọa của một chiến tranh diệt loại., đồng thời

tiến-bộ trong việc chinh-phục không gian hứa-hẹn cho con người một cuộc phiêu-lưu vĩ-đại, thu hẹp kích thước của địa-cầu và việc người trên mặt đất. Bao nhiêu sự-kiện mới mẻ ấy đòi hỏi sự thay đổi những thể-chế và nhất là những ý-niệm chính-trị, theo một đường hướng tiến-bộ, hợp lẽ và nhân-đạo. Việc này không phải dễ và nhanh chóng được, vì phải vượt lên nhiều thành-kiến, một số quyền-lợi tinh-thần hay vật chất, có thể chính đáng, nhưng hẹp hòi ích kỷ. Nhưng trong lịch-sử, loài người đã gặp những thách đố cam go hơn nữa, loài người đã đủ thông minh và tài-nghệ để đáp ứng một cách vẻ vang.

Ý-niệm uyên-chuyên về quốc-gia.

Quốc-gia là một cộng-đồng chính-trị, một đơn-vị biệt-lập đối với những đám người khác, có đầy đủ chủ-quyền, không để ai xen lẫn vào công việc nội bộ, không lệ thuộc về tinh-thần hay vật chất một cộng-đồng nào cả.

Quốc-gia còn được định-nghĩa theo các yếu-tố cấu thành, như lãnh-thò, dân tộc, chính-quyền trung-ương. Ngoài ra, yếu tố tinh-thần, mà Renan đã nêu lên một trong một bài diễn-thuyết lừng danh, được xem như là yếu-tố thứ tư và là yếu-tố quan-trọng hơn cả, đến nỗi định-nghĩa có thể thu gọn theo tác-giả ấy : Quốc-gia, là một nguyên-tắc tinh-thần.

Quan-niệm trên là một quan-niệm mới, xuất phát từ Tây-phương, khác hẳn với quan-niệm những đời trước, trên mọi lục-địa, khi các dân-tộc định-cư trên lãnh-thò có biên-thùy, khi một

hay nhiều sắc-dân, chấp nhận cuộc sống chung vì cùng một giá-trị tinh-thần, cùng một quyền-lợi vật-chất, có những công trình và dự-định chung, khi dân-tộc vượt khỏi lối sống man rợ, vô kỷ-luật, vô trật-tự, nhận thấy sự cần-thiết có Nhà-nước và Luật-pháp.

Lúc đó, việc dựng nước chứng tỏ một sự tiến-bộ tinh-thần, không có tánh-cách phân tán và chia rẽ như bây giờ. Ảnh hưởng của tôn-giáo và đạo-lý khiến cho những nước không ngăn ngại liên kết mật thiết với những cộng-đồng rộng lớn. Văn-hóa dân-tộc có thể sinh nở một cách hồn-nhiên, mà chẳng hoạch-định vị-tri đối-nghịch với nền văn-hóa rộng-rãi bao trùm những phong - tục và lối suy nghĩ riêng biệt của mình. Văn-minh Cồ-Hi, như văn-minh Trung-hoa trước kia, văn-minh Ấn-độ thời Ấn-giáo hay của các nước Hồi-giáo, có căn-bản tôn-giáo, đạo-đức hơn là chính-trị, nên có thể chung hòa nhiều nước, nhiều dân-tộc, mà không gây ra mâu-thuẫn quan-trọng về quyền-lợi. Thiều-số thụ-hưởng hay chịu đựng nền văn-minh ấy lại là hạng người được ưu-đãi trong cộng đồng riêng của mình; đó là những người trí-thức, nho-sĩ, tăng-lữ, quân-nhân, một số nhà thương-mãi. Đa số còn lại là những nông-dân chắt-phác, không có chút ý-thức chính-trị nào, vì hy-vọng tiến nhập vào đám thượng-lưu, hoặc vì tuân theo luật-lệ và tập-quán để tồn tại, phải đón nhận quan-niệm văn-minh của thiểu-số thống-trị. Với những ý nghĩ mơ-hồ, với một đức tin cuồng nhiệt nơi tôn-giáo chung, đa số dân-chúng đặt số kiếp mình nơi sự thăng trầm của các vua chúa lãnh đạo.

Trung-quân và ái-quốc chỉ là một. Dân Việt dựng nước từ lâu, nhưng trong khoảng thời gian khá dài, vẫn bị nền văn-hóa chung hướng-dẫn. Không ai bất bình khi Lê-Lợi sau khi đánh đuổi quân-Minh, dành quyền tự-chủ, còn sai sứ qua Trung-hoa đề cầu phong. Quan-niệm về quốc-gia hoàn-toàn độc-lập đến với dân Việt rất gần đây, khi tiếp xúc với Tây phương, học được kinh nghiệm của Tây-phương, dùng khí-giói lý-thuyết của Tây-phương để chống lại xâm lăng. Tư tưởng người trước kia phò Mạc, phò Trịnh hay phò Nguyễn, của những người cùng một giống nòi chém giết nhau trên một lãnh-thổ chung, khác hẳn tư-tưởng dân Việt thời kháng Pháp, hy-sinh không phải cho một người, một họ hay một ý-niệm về chính-thống, mà cho quốc-gia theo một quan niệm mới: kẻ thù không phải là người phò một chúa khác chúa mình, kẻ thù là ngoại bang, không phải thành phần dân-tộc, không có quyền đặt chân trên lãnh-thổ của tổ tiên. Ý - thức chính-trị đã biến-đổi, khuôn khổ và đặc-tính quốc-gia được nhận định theo một lối khác, nên việc nhà vua một nước tự-chủ đặt uy-quyền mình nhờ nơi chiếu chỉ của một đấng «thiên-tử», được xem là một truyền thống tốt đẹp và cần thiết, mà một Việt-Nam độc-lập khi nhất quyết từ chối thứ «độc-lập trong vòng Liên-Hiệp-Pháp» đã nói lên sự ràng buộc tuyệt-đối của danh-từ độc-lập, và ý-niệm mới về chủ-quyền dân-tộc.

Xét trong đại-cương, sự biến-đổi về ý-niệm quốc-gia tại Việt-Nam không khác gì, (nếu gác ra ngoài những yếu-tố thời-gian và trường hợp linh-hội),

sự biến-đổi tư-tưởng chính-trị tại Trung-Hoa thời Tôn - Dật - Tiên hay Thồ - Nhi - Kỳ thời Mustapha Kemal, hay sau này tại nhiều nước Á Phi. Lý do là tư-tưởng cách-mạng, quốc-gia hay xã-hội, đánh thức những dân tộc bị áp bức, đều cùng một nguồn gốc ở Tây Âu. Đề hiệu tánh-chất và sự biến-chuyển của chủ-nghĩa quốc-gia, cần dựa vào lịch-sử Tây-phương.

Ba giai-đoạn trong quan-hệ quốc-tế.

Khi ở Tây phương, trật-tự giữa các nước trong mười mấy thế kỷ được xã-hội theo Thiên-chúa-giáo duy-trì, bị tan vỡ, thì những quốc-gia đã xuất-hiện. Nền quân-chủ chuyên-chế đang còn mạnh. Tách ra khỏi giáo-quyền, thế quyền của vua chúa tiêu-biểu cho tánh-cách cá-nhân phiêu-lưu và ngạo mạn. Mỗi quan-hệ giữa các quốc gia được đặt lại từ thời Phục-Hưng. Vào thế-kỷ 16 và 17, đã có vài sự thoả-thuận về lối đối xử trong khi chiến tranh, một quốc-tế công-pháp đã thành hình.

Có thể chia diễn biến quan hệ giữa các quốc-gia làm ba giai-đoạn (1) không hẳn kế tiếp nhau trong thời gian nhưng cho thấy những trạng thái khác nhau. Giai đoạn đầu chấm dứt vào lúc cách-mạng Pháp và chiến tranh bành-trướng lãnh thổ của Nã-phá-luân, mà Hội nghị Vienne là điểm cuối. Giai đoạn thứ hai bao trùm những hậu quả của Cách-mạng 1789, mặc dầu nền tảng đã bị lung lay từ 1870, vẫn kéo dài đến thế-chiến thứ nhất với hiệp - ước Versailles, như là màn kết thúc hạ xuống hơi chậm. Giai-đoạn thứ ba bắt đầu sau chiến - tranh

(1) Theo E. H. Carr, *Nationalism and After*. Mac-Millan London. 1946.

Pháp Phò năm 1870 và tiếp diễn đến khoảng thế-chiến thứ hai. Hiện nay thế-giới đang sống trong một giai-đoạn mới, cực kỳ khó khăn với khi hậu chiến-tranh lạnh đầu độc mọi mối tương quan giữa các quốc gia và các dân tộc, với chiến tranh nóng tại vài điểm, mà điểm đau đớn nhất là Việt Nam, làm nên những mối đe dọa cho hòa-bình thế-giới. Những giai đoạn hiện thời cũng mang nhiều mầm móng của một sự thay đổi hữu ích về giao-tế quốc-tế và sự thiết lập một xã-hội cấp tiến.

Giai-đoạn thứ nhất: quốc-gia là quân vương.

Với sự tan rã của trật tự tôn - giáo chung, nhiều quốc gia thành hình, và đồng thời cũng có những giáo-hội quốc-gia. Những quân-vương thụ-hưởng giáo lý thần-quyền, thâu đoạt mọi quyền hành. Quốc gia là vua, Vua là quốc gia. Cũng một thứ nguyên-tắc chính-trị như ở Đông phương, trung-quân ái-quốc chi-phối bốn-phận của dân-chúng. Nhờ sự trung thành ấy, quân-vương hoàn-toàn tự-do trong ngoại giao, có thể thực-hiện tình hữu-nghị ích-lợi hay đem đặt dân-chúng mình dưới sự đô-hộ của ngoại-bang. Quân-vương tùy hứng ký hoà hay xô đẩy dân vào những chiến-tranh phiêu lưu. Quan-hệ giữa các quốc-gia chỉ là quan-hệ giữa các vua chúa. Luật quốc-tế khởi đầu với những điều quy-định tương-quan giữa những cá-nhân trên cương-vị lãnh-đạo. Một hiệp-ước là một bản giao-kèo giữa quân-vương với nhau, hình-thức ấy đến nay vẫn còn dùng. Thành tâm thiện-chí của quân-vương bảo-đảm sự tôn-trọng các điều cam kết. Sở dĩ quân-vương giữ lời hứa được, không chỉ nhờ uy-quyền tuất-

đối của mình đối với dân chúng, mà còn nhờ những tập tục cao thượng thấm nhuần nếp sống các triều đình. Tuy uy-thế của tôn-giáo bị phai mờ, tuy thế-quyền cũng hay xung đột với giáo-quyền, nhưng đức-tin của các quân-vương chỉ là một, và họ dựa theo một thứ ràng buộc tinh-thần hay ít ra cũng giữ một thứ hình-thức đạo-đức. Chắc quân-vương cũng cảm thấy sự nguy-hiềm, nếu tách rời những giá-trị tôn-giáo, vì đúng hay không đúng, uy-quyền của họ đã được xem là thiên-mệnh. Họ phải cố gắng xem những luật lệ là thiêng liêng để cho dân-chúng xem luật lệ quân-vương ban hành là thiêng liêng vậy. Thêm nữa, quý-tộc cũng như đám thượng-lưu đã thọ-hưởng một sự bồi-dưỡng văn-minh, hay đã sống theo những nghi-lễ và tập-tục được trọng vọng. Vua chúa phải nêu cao những đức tánh cao quý nhất, phải là những bậc quân-tử, có tinh thần thượng-võ, biết trọng danh-dự. Trong sự giao-thiệp giữa các quốc-gia, nghĩa là giữa các quân-vương với nhau, không có những lối cư-xử — ít ra là ngoài mặt — những lối cư-xử tiểu-nhân, lưu-manh hạ cấp hay phi-đạo. Không có lý lẽ quốc-gia nào đủ sức khiến cho vua chúa bào chữa hay đề cao những lỗi lầm hay tội ác của mình. Không phải từ trong hàng ngũ bạo chúa, mà chính từ nơi một chính-khách dân-chủ của Hoa-Kỳ, ở thế-kỷ 19, mới xuất phát câu, thường được dùng đến một cách không ngại ngùng, một câu đầy tình-cảm, nhưng trái ngược với luật đạo-đức tối thượng, trái ngược với chân-lý đáng lẽ phải được sùng kính: "Phải hay quấy, cũng là nước tôi!" (*My country, right or wrong*).

Cho đến khi thứ lý-thuyết quý-quyết

loại Machiavel căm dỗ những kẻ căm quyền và ham quyền, chính-trị vẫn được xem như một phần của đạo-lý. Quân-vương trị nước trị dân vì một sứ-mệnh cao cả. Công-lý được xem như hợp với lẽ Trời. Ý bảo vệ công lý thúc đẩy vua chúa gây chiến hay ứng chiến, chẳng khác thường dân vì công-lý phải kiện tụng để bảo vệ quyền lợi bị va chạm. Một quân vương đánh giặc không cốt sát hại đám dân thuộc kẻ thù nghịch, cũng như thường dân kiện tụng một người khác không nghĩ đến việc hơn thua với gia nhân của đối thủ. Chiến-tranh dĩ nhiên khủng khiếp tàn nhẫn, dân chúng phải gián-tiếp đón nhận tai họa, nhưng đôi bên đều ở trong một tình cảnh như nhau.

Một phần lớn luật quốc-tế đầu tiên bảo vệ tài sản và công cuộc làm ăn của những dân không tham chiến. Điều có thể làm cho ngư ời đời nay ngạc nhiên, vì khác hẳn với những luật lệ gắt gao về việc thông đồng với ngoại bang, bắt giam dân của nước lâm chiến, tịch thu hay phong tỏa tiền bạc của cải của ngoại-kiều, trong thời kỳ giặc giã liên miên ở Âu-châu vào thế-kỷ 18, đám thượng-lưu của những nước đang xung đột vẫn giao thiệp với nhau một cách tự-do và thân-hữu. Tiếng Pháp làm ngôn-ngữ chung cho những trí-thức nhiều nước thù nghịch, nhưng không có nước nào xem việc cấm đoán tiếng nước ngoài là thiết yếu. Trong khi vua chúa đánh nhau, thường dân vẫn qua lại từ nước này sang nước khác, tiếp tục buôn bán.

Một đặc-điểm của thời-đại ấy là chính sách kinh tế. Nguồn lợi tức quan-trọng là thương mại. Mục phiêu của những nhà lãnh đạo trong phạm-vi này không

phải là nâng cao đời sống dân chúng, tạo nên sự thịnh-vượng cho cộng đồng, mà đề tăng sức mạnh của nhà nước, nghĩa là của quân-vương. Thương mại được khuyến khích, vì thu hút nhiều tiền của cho nước, mà tiền của là khả năng chiến đấu và chiến thắng. Chính sách kinh-tế trực lợi cho quốc-gia sẽ được thể hiện một cách đầy đủ trong giai-đoạn kế-tiếp. Những luật lệ và ràng buộc bảo vệ lợi-tức và quyền lợi địa-phương bị xóa bỏ. Quốc-gia trở thành một đơn-vị kinh tế và kỹ-nghệ. Quân vương không còn chinh-chiến vì công lý nữa. Chiến-tranh là cần thiết để chiếm thị-trường, để nhờ thương-mại thu đoạt của cải, để cho quốc-gia tồn tại, nghĩa là để cho quân-vương đủ tiền bạc duy-trì địa-vị mình. Đa số dân chúng có được sung sướng nhờ chánh-sách ấy không, điều đó chắc hẳn quân vương không bận tâm đến.

(Còn tiếp)

CUNG GIỮ NGUYÊN

BÁO MŌI

Bách-Khoa vừa nhận được :

— **Vấn-đề** (nguyệt-san chính-trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật), số 1 tháng 4-1967. Chủ nhiệm sáng lập : Vũ Công-Trực ; Chủ biên : Vũ-Khắc-Khoan. Thư ký tòa soạn : Thanh - Tâm - Tuyền. Tòa soạn đặt tại 129 Lê văn Duyệt Saigon. Mỗi số khổ 15 x 21, dày 112 trang, Giá 40đ.

Xin chân thành chúc đồng nghiệp "Vấn đề" mạnh tiến trên đường ngôn luận và trân trọng giới thiệu cùng quý vị độc giả thân mến.

Về sự cần thiết của khoa *NHÂN - DANH - HỌC* ở Việt - Nam.

Trong tập *Nói tại Phú Xuân*, tôi có kể việc tôi đến ngưỡng cửa Đại Học, tôi đã lưỡng lự thế nào, mà tôi nhất định không học sử, là môn mà khi ở trung học, tôi có khả năng hơn ở môn nào khác. Chỉ vì phương pháp của sử còn quá phôi thai. Mà khi về xứ, áp dụng những phương pháp từ *a*, từ *b*, của Âu Tây, tôi thấy phương pháp ấy dẫn kẻ nghiên cứu nệ tài liệu đến những lầm lẫn không sao tha thứ được.

Lập luận lý thuyết ấy, tôi có nhiều lượt thấy rằng ông bạn vong niên và thâm niên (rất lớn tuổi hơn tôi, và đã quen từ ba mươi sáu năm nay), ông Lê Thọ Xuân, do nơi sự thực nghiệm mà cũng kết luận như vậy. Ông vốn xuất thân là một nhà giáo, làm việc tại Bến Tre, là quê nhà, sống ngay nơi có rất nhiều di tích về hai cụ Nguyễn đình Chiểu và nhứt là Phan Thanh Giản, đọc thấy người ta viết quá nhiều sai lầm về hai bậc chí sĩ này, nên viết bài cho tuần báo *Đồng Nai*, đề mà dính ngoa. Tuần báo này, do ông Đoàn Quang Tấn chủ trương, gom hầu hết các vị khoa cử tân học ở Pháp về, hầu hết là tín đồ của

Seignobos và Langlois. Nhưng mà lý thuyết của Tây Phương có huy hoàng đến đâu, thắng sao nỗi sự thật mộc mạc do một nhà giáo quê mùa đưa ra ? Trong nhóm *Đồng Nai* tôi là một trong những kẻ chủ trương bắt bớ thân mật với nhà giáo siêng năng này. Từ ấy (1931), cỡi chiếc xe đạp, ông Lê thọ Xuân, tên thiệt là Lê Văn Phúc đi khắp nước Việt Nam, lượm ngoài sách vở, rất nhiều tài liệu làm cho ai nệ sách vở, nệ từ *a*, từ *b* phải lác mắt. Rất tiếc là ông khiêm tốn (mà phải chăng ông còn sợ bằng cấp, hay nường tay đối với bằng cấp) ông không đăng hết những tai hại của phương pháp từ *a*, từ *b* trong sử học ở nước này. Nay tôi viết bài này, đề mách cho những sanh viên làm luận án thi Cao Học, thi tiến sĩ đến cầu hỏi ánh sáng nơi nhà giáo, xét-ti-phi-ca, thì chắc là có rồi, nhưng mà bằng đíp-bờ-lôm không biết có không.

Tôi còn dám nói ngay là các vị có tiến sĩ ở Sorbonne, có bằng tiến sĩ mặc dầu, cũng phải đến ông Lê thọ Xuân mà làm lễ cầu sư, nếu các vị tiến sĩ ấy muốn nắm lấy những sự thật về "sử liệu", mà trót hơn ba mươi năm, ông Lê thọ Xuân

đã lượm được nhờ chiếc xe đạp. Các vị «học giả» nhẹ tay viết *Tam Phụ* mà chẳng biết xứ đó là ở đâu, sẽ được ông mách cho đó là *Ba Giồng*, luôn dịp sẽ nghe ông cắt nghĩa cho hiểu rằng (nhờ ông là người *Bến Tre*) khi đọc sử liệu, thấy các cụ viết là *Trúc Giang*, thì phải hiểu đây là tỉnh lỵ của Kiến Hòa bây giờ... Tôi xin ngừng ở hai ví dụ ấy thôi. Chẳng lẽ công phu cỡi xe đạp tìm tòi từ Nam chí Bắc, suốt ba mươi năm của ông bạn tôi, tôi lại cuốim mà khoa trương đề cho thiên hạ tưởng tôi đâu là một nhà bác học.

Nãy giờ tôi nói đến ông Lê Thọ Xuân, không phải là đề kể về tài học của ông, đề cho thiên hạ ngán rằng sao mà tôi lại được làm bạn với những học giả có thực học. Thằng mõ làng Cồ Nhuế, nó nổi danh nào phải nhờ là cùng làng với cụ Nguyễn Mạnh Tường? Đó chẳng qua là một lối tôi vô đề, một lối tôi mở cửa, đề mời độc giả đi vào một khoa học mới, khoa *nhân-danh-học*. Hãy trả cho ông Lê Thọ Xuân cái gì của ông, cũng như Jésum đã khuyên hãy trả cho Chúa cái gì của Chúa.

Sở dĩ tôi nhắc đến ông Lê Thọ Xuân, ấy bởi vì, nếu tôi không nói bây giờ, có mấy học giả biết rằng ông chính là thầy giáo Phúc? Thật ra, thầy giáo Phúc mà đi vào lịch sử văn học với tên Lê Thọ Xuân là một vấn đề lý thú, có cái hay riêng của nó, Người ta sẽ nhắc đến việc Nguyễn Sinh Cung đi vào sử với tên Hồ chí Minh, thì các sử gia cũng có bốn phần nghiên cứu tại sao thầy giáo Phúc đi vào văn học với tên Lê Thọ Xuân. Đây cũng là một đề tài cho những nhà viết sử nữa. Tôi xin mách đề tài ấy cho một sinh viên nào chọn luận án thi Cao Học. Ông Lê Thọ Xuân hãy còn sống và chưa «lắm cầm». Mau đi, kéo

tiếc cơ hội hỏi ông, đề cho ông phân trần cặn kẽ. Tôi bao giờ cũng muốn cho bạn tôi trường thọ. Nhưng bình tĩnh mà nói, rủi ông bà gọi ông, có phải là chừng đó chỉ có nêu ra giả thuyết, viết tiểu thuyết mà cắt nghĩa chuyện ấy chẳng? Tôi tưởng tượng sẽ có một lý thuyết như vậy. Một thầy giáo ở vùng quê mùa, thầy giáo thì tất nhiên sợ những bằng cấp mang từ Paris về, nhứt là sợ dư luận có thành kiến «Ồ! hơi nào mà đề ý đến thứ thầy giáo quèn», muốn cho bài của mình được khảo cứu một cách thận trọng hơn, bèn chọn một bút hiệu...

Nhưng mà, lập luận ấy, dầu có lý đến đâu cũng chỉ là giả thiết. Biết đâu, khi ông cụ sinh ra, đã thêm cho tên Phúc, cái biệt hiệu là Thọ Xuân? Sở dĩ tôi nêu cái tưởng tượng trên, ấy đề dặn rằng đừng có nệ sách, nệ tài liệu. Nếu trong sự thật, Thọ Xuân là cái biệt hiệu của ông cụ đặt cho, thì cái giả thuyết kia, dầu cho nên thơ đến đâu, cũng chỉ là tiểu thuyết mà thôi.

Còn như tôi, nếu hoàn cảnh không bắt buộc tôi đi thi, phải nạp khai sanh, chắc chắn đến một trăm phần trăm là tôi sẽ mang trọn đời tên Thuộc. Còn trường hợp mà tự mình đổi tên thay họ, tôi biết có hơn mấy trăm. Riêng tôi, khi mới về xứ mà hoạt động cách mạng, thì Trần Hải Thoại và Đào Hưng Long làm cho tôi một cái thẻ thuế thân giả đề lộn lưng, tên gì, đến nay tôi quên mất. Tôi có biết hai người thay tên đổi họ năm lần, mỗi lần có giấy tờ hợp pháp hẳn hoi. Và tôi tự hỏi mãi, không biết ngày kia, khi viết về âm nhạc Việt Nam, tác phẩm đếm cũng khá khá, phải đề tên là Tống Ngọc Hạp sáng tác, là Trần Hữu Dư sáng tác, Trần Bửu Đức đặt ra? Không khỏi rồi, nhà viết sử âm nhạc

Việt Nam hớp tốp, lại nói mạnh dạn rằng miền Nam giàu tác giả, vì có một mà đếm ra tới ba...

Nãy giờ, tôi rút kinh nghiệm cá nhân ra mà nói. Nhưng thử giở tài liệu rút ở nhà hình, thì có lắm cái hình có hàng chục tên khác nhau. Và có những cái fiche không có hình. Biết đâu mỗi cái fiche không hình ấy là một nhân vật, hay là năm bảy cái fiches chỉ chung một người? Ai có qua sở công an, ắt thấy rằng sở này cho cái hiện tượng có nhiều tên là một hiện tượng phổ thông, nên bao giờ vẫn hỏi: «Còn tên nào khác nữa không»?

Nhân-danh-học là một khoa học, đầu là một khoa học mới, Nó miêu tả hiện tượng. Mà nó cũng tìm lời giải thích tại làm sao có hiện tượng ấy. Khi tìm ra nhiều lời giải thích khác nhau, nó còn phải hệ thống hoá các lời giải thích, lập thành lý thuyết khoa học, và lấy lý thuyết ấy mà giải thích những chỗ uẩn trong những khoa học khác có tương quan đến tên người, chẳng hạn trong khoa «tội phạm học», trong khoa sử học, trong nhân chủng học. Và, mặc dầu tôi chưa phải là một nhà nhân-danh-học có bằng cấp, hay không có bằng cấp, mới nhận xét rất đơn sơ của tôi đã giúp cho tôi thấy rằng lắm sử gia đã nói lắm điều láo lếu, khiến cho tôi mắc cỡ mà không dám học sử.

Ở xứ ta, đầu chưa phải là nhà nhân - danh - học, ai cũng nhận thấy một hiện tượng rất hiển nhiên là sự thay tên đổi họ. Trong thời Pháp thuộc, không biết bao nhiêu người tóc đen da vàng, chưa hề có một giọt máu gô-loa trong mình, mà tên Tây đến một trăm phần trăm. Hết Pháp thuộc rồi, vẫn có người làm trông làm tréo, cho có tên Tây, quốc tịch Pháp... hầu trốn đi lính. Năm 1945, tại Hà Nội, có một giáo sư

người Pháp đến một trăm phần trăm, chưa nói được tiếng Việt, tên trong giấy tờ là Lallemand, mà vì khoái cộng sản, nên đổi lấy tên rất Việt là Hồ Chí Đức. Và cũng trong năm ấy, không thiếu chi thanh niên thay đổi họ là Hồ Chí... Thậm chí cho thẳng con trai của tôi, tên Kỳ và tuổi tuất, cũng theo cái mốt ấy mà tự xưng là Hồ Chí Cò (nói lái là chó Kỳ). Hiện tượng này là hiện tượng vọng ngoại và cũng là hưởng thượng. Lắm ả giang hồ, gót chơn còn phèn, mà đã vội đổi cái tên cúng cháo của cha mẹ đặt cho để tự xưng là con Rỉ (Marie), con Rinh (Catherine), con Bết (Elisabeth)... Nhứt đi, nhứt gian... hễ đi mà thay tên đổi họ, thì các lão Việt gian thay tên đổi họ theo. Không đầy trăm năm, nếu làm thống kê mà đếm, hỏi có bao nhiêu người bỏ họ Việt Nam mà tình nguyện theo họ Gô loa?

Ngoài hiện tượng tình nguyện thay tên đổi họ, còn hiện tượng bị bắt buộc. Các sử gia đều chép rằng khi Trần Thủ Độ cướp ngôi của nhà Lý mà đem về cho nhà Trần, thì ép con cháu nhà Lý bỏ họ Lý mà lấy họ Nguyễn. Việc bắt đổi họ này có tánh chất tào bạo, nên có ghi vào tờ a, tờ b. Nhưng trong dòng Nam tiến, người Việt đâu có giết hết người Chăm, thì hỏi tại sao không còn sót họ Chăm nào, ngoài vòng nhỏ nhít của đồng bào thiểu số ấy? Về khoản này, tôi mắc phải một sự lầm lẫn quá buồn cười. Cách đây hơn hai mươi năm, tôi có đọc một tập thơ khá hay, than thân phận của đám người mất nước, và ký tên là Chế Lan Viên. Tôi mừng quá cho rằng Chế Bằng Nga cũng được ngâm cười nơi chín suối mà thấy rằng hậu duệ mình chưa mất hẳn hồn thương

dân tộc. Té ra, điều tra kỹ, Chế Lan Viên chỉ là một bút hiệu của một người còn Việt Nam hơn tôi nữa.

Hết phiên họ Chăm mất (quá trình này khởi từ Lê Đại Hành, đến nay chỉ vào ngàn năm mà thôi), lại đến phiên họ Miên tiêu. Những họ Miên đa âm, như Monnivong, Norodom, khó cho lưỡi Việt, không còn. Còn lại vốn vẹn có họ Thạch đơn âm, dễ nói. Quá trình này chưa đầy bốn trăm năm...

Tôi nêu hai số ở trên đề nhắc cho độc giả nhớ rằng chúng ta mắc phải một ngàn năm đô hộ của người Tàu. Họ thi hành một chánh sách đồng hóa cay nghiệt. Chịu áp lực của chánh sách cay nghiệt này, thử hỏi có bao nhiêu họ Việt Nam « sức mấy » mà chẳng thay bằng họ Tàu? Nếu hai bà Trưng không khởi nghĩa, lập một triều đại thì chắc chắn là không có một người Việt-Nam biết rằng có một họ Trưng. Hỏi toàn xứ Việt-Nam, ai đâu là họ Trưng? Tôi hỏi như vậy. Có lẽ một

ngày kia, sẽ có một tác phẩm văn chương, ký tên là Trưng gì đó, phát hịch kêu gọi phụ nữ Việt Nam đứng lên mà bảo vệ danh dự cho phụ nữ Việt Nam. Nhưng đó cũng chỉ là một xảo thuật, như của... Chế Lan Viên mà thôi.

Căn cứ vào sự mất họ của người Chăm, của người Miên, của họ Trưng Việt Nam, tôi dám quả quyết mà tuyên bố rằng thuở xưa, chúng ta có những họ thật là dân tộc. Rồi do hiện tượng mất họ (vì vọng ngoại, vì bị bắt buộc) những họ ấy mất đi. Tôi dám thách các người tán thành phương pháp từ a từ b dám nói rằng tôi nói láo.

Vì tôi sẽ hỏi vặn lại họ rằng, trước khi giống Lạc Việt di cư đến đây, đất này là trống không, hay có người ở, và những người thô sơ ấy, do lý do nào, mà có họ Tàu?

HỒ HỮU TƯỜNG

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

**Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...**

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de garothérapie

**NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.**

B. N. P.



BANQUE NATIONALE DE PARIS

S. A. au capital de : 210 Millions de Francs

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 9^e

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — Tel. 21.902 (3 lignes) — 24.995

BUREAU DE QUARTIER :

136, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Tel. 22.797

B.P. E-5

BUREAU DE REPRÉSENTATION

DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

Téléphone : 24.37 et 24 38

B.P. N° 122

SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central

Téléphones : 93 — 2171 (8 lignes)

P.O. Box No 763

75 et 77 — Wyndham Street

BUREAUX DE KOWLOON :

Sham Shui Po 290 et 292 Castle Peak Road

TSIM SHA TSUI — Milton

Mansion 96 Nathan Road

La B.N.P. et ses filiales possèdent plus de 2.050 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F., Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Phương-pháp nghiên-cứu lịch-sử tư-tưởng Trung-quốc

Tác giả : NGÔ-DI

Người dịch : ĐINH-TẤN-DUNG

(Nguyên văn bài tiểu-luận này đăng trong tuần báo
Đài Loan «Trung quốc nhất châu». Tác giả hiện
là giáo sư Đại học giảng dạy về môn Triết ở Đài loan.

Tư tưởng Trung-quốc không phải như học-thuật triết-học Tây phương, nhất là về căn bản không có cái gọi là phương pháp nghiên cứu. Mà như các tư-tưởng gia cổ-đại đã từng nói rõ, tư-tưởng của Trung quốc không phải là phương pháp đề câu tri thức, mà thật ra chỉ là thứ đạo-lý để làm người và xử-thế. Đạo-lý ấy lại không hề cố gắng hiển cho chúng ta những tài-liệu khả dĩ chứng minh, hay những bản văn bác học rõ ràng, mà chỉ mong cho chúng ta thực-hiện trong cuộc sống hằng ngày. Rồi trong sự thực hiện ấy chúng ta tự tâm-đắc, tự thề-nghiệm, tự lãnh-hội lấy, cái đó chính là tư tưởng của cổ nhân, mà cũng là tư tưởng của chúng ta.

Tư tưởng của Trung quốc giống như một mâm ăn thịnh soạn để cho chúng ta tự thưởng thức lấy mà lĩnh hội các mùi vị. Đặc-biệt kể thưởng - thức không phân-tích món ăn xem có những yếu-tố gì bao gồm bao nhiêu thịt, mỡ, bao nhiêu chất bổ v.v...

Các nhà nghiên cứu triết-học Tây-phương thường hay đề cập đến, nào là quy-nạp pháp, diễn-dịch pháp, nào là phê-phán biện-chứng cũng là biết bao thứ la-tập khác ; họ giống như một vị chuyên môn về doanh-dưỡng, dùng các phương-pháp để phân-tách các tổ-chất hàm chứa trong món ăn ; còn các tư-tưởng-gia của Trung quốc chỉ có mỗi một phương pháp là bảo hãy «ăn» đi thôi, hay cứ ngốn nuốt vào bụng. Cho nên muốn hiểu rõ được tư tưởng Trung quốc, phương pháp tốt nhất là hãy thực hành. Như đối với tư tưởng của Khổng tử, dù bảo rằng Ngài nói ngang nói dọc, giảng giải ra hàng vạn lời và bảo rằng đấy là Đạo, trong khi đó chính bản-thân của chúng ta lại không ôm ấp tư-tưởng cứu đời thì trong con mắt của Khổng tử, chúng ta chỉ là bọn làm công việc chạm rỗng vẽ rỗng của bọn hủ nho mà thôi.

Tuy nhiên nói về tính chất thì như vậy, ngày nay chúng ta cũng cứ coi tư tưởng Trung quốc như một học-thuật

triết học Tây phương mà nghiên cứu, nhưng tất nhiên là phải chú ý đến phương pháp — dù là phương pháp «hãy ăn đi», mà trong cái ăn tự nó cũng có phương pháp vậy.

Do đó, phương pháp nghiên-cứu tư-tưởng Trung quốc phải trải qua ba giai đoạn :

- 1/ lý trí
- 2/ con đường thực-hiện
- 3/ là con đường thần-bí.

oOo

Tuân tử đã phê-bình các nhà tư-tưởng đương thời, nhận rằng họ đều là kẻ «duy trì những cái cố-hữu, cái nguyên nhân, mà lập ngôn thì thành chân lý» (Kỳ trì chi hữu cố, kỳ ngôn chi thành lý) cho nên ngôn-lý của họ vốn là tư-tưởng của tư tưởng. Vậy muốn nghiên-cứu tư tưởng tất nhiên chúng ta phải xem các nhà tư tưởng ấy trong phần lập-ngôn của họ có hợp lý không ?

Hơn nữa ngày nay văn-hóa của Trung quốc đã cùng với Tây phương có sự giao lưu, nên chúng ta thường có thái-độ lý-luận của triết-học Tây phương ; trong khi tư-tưởng Trung quốc tuy cũng gọi là cái học nghĩa-lý, nhưng trong hình-thức lý-luận không có hệ-thống nghiêm-chỉnh như triết học Tây phương. Vì lẽ đó, ngày nay chúng ta nghiên cứu tư tưởng Trung quốc nên có thái-độ bồi trường bổ đoán cho nhau.

Và đầu cho tư-tưởng Trung quốc cùng với triết học Tây phương không có chung một đường lối đi nữa, chúng ta cũng chớ bị mê-hoặc bởi cái học la-tập, cái học tri-thức-luận của họ mà rồi to gan lớn mật xông vào tìm kiếm trong vườn tư tưởng Trung quốc, kết quả

mọi móc đầu ra được một danh gia, hay một bản kinh sách rồi tuyên-dương phát huy với vẻ tự-đắc, thì thật là tự mình đi làm trò hề mà thôi.

Thật ra, nói thế không phải là chúng ta phủ nhận hẳn lý-trí vì tư-tưởng Trung quốc cũng như các dòng tư tưởng khác vẫn cần nhiều đến lý-trí để khai thác các vùng hoang-vu của nó. Như chúng ta muốn hiểu rõ các nhà tư-tưởng của Trung-quốc, thế tất phải lần mò cái bối - cảnh lịch-sử trong đó đã sản-sanh ra họ, cũng như phải hiểu rõ nếp sống cùng kinh-nghiệm của Trung quốc thời đó, chúng ta mới mong hiểu được phần trí-tuệ của các nhà tư tưởng ấy, và có theo dõi cái quá-trình tranh đấu suốt đời của họ, chúng ta mới thấu rõ chí-hướng cùng hoài-bảo của họ ra làm sao. Có thể, sau đó chúng ta mới tiến đến việc nghiên - cứu bản-thân tư tưởng, xem họ có nắm vững được trọng - tâm của vấn đề cũng như có hợp với nhu-cầu của thời đại không ? Và phải chăng chính nó đã tiếp tục dòng truyền-thống nào của dĩ vãng mà khai sáng cho một tương lai không ?

Đó là phương pháp dùng lý-trí nghiên cứu, nhưng là cái lý-trí khai sáng.

oOo

Phương pháp nghiên-cứu của lý-trí, giống như cách phân-tách của nhà doanh-dưỡng hay như cách nấu nướng của tay đầu bếp giỏi. Kết quả cuối cùng vẫn là « ăn », không ăn tất không có sự doanh-dưỡng, không ăn tất không biết nấu nướng ngon hay dở.

Vương-Dương-Minh từng nói với

môn-đề rằng: Tôi cùng với các ông giảng về « tri tri cách vật », ngày ngày vẫn như thế đó, giảng cho đến một hai mươi năm vẫn như vậy. Các ông nghe lời giảng của ta rồi dụng công mà thực - hiện thì một lần nghe giảng tự thấy tiến-bộ thêm. Nếu chỉ đàm-đạo thảo-luận suông thì dù có nghe cũng chẳng ích lợi gì đâu. Chẳng những học-thuyết của Vương - dương - Minh như vậy mà tư-tưởng các danh-gia của Trung-quốc không ai là không như vậy. Tư-tưởng Trung-quốc là một thứ tri-tuệ, tri-tuệ ấy do kinh-nghiệm ung đúc mà thành. Vì vậy khi nghiên cứu tư tưởng Trung-quốc không thể rời bỏ kinh-nghiệm mà kinh-nghiệm thì lại dựa vào sự thực-hiện.

Thí dụ « Đạo của người quân tử bắt đầu mỗi ở tình vợ chồng » (Quân tử chi đạo tạo đoan hồ phu phụ); nếu các người không có kinh nghiệm về đạo vợ chồng, làm sao có thể nói chuyện vợ chồng, thì cũng làm sao có thể hiểu được đạo quân-tử. Hay nếu các người đã có kinh nghiệm về vợ chồng, nhưng kinh nghiệm ấy chỉ hạn hẹp trong phạm vi hiện-tượng do sự kích-thích và phản-ứng sinh-lý mà thôi thì làm sao có thể hiểu được cái ý nghĩa thâm-thúy của vợ chồng, cũng như làm sao có thể hiểu được mệnh-đề sau là: « Cặp kỳ chi đã sát hồ thiên địa » (Cho đến chỗ cùng tột thì có thể thấu hiểu được đạo trời đất). Cho nên chúng ta phải có kinh nghiệm, và kinh nghiệm lại phải có tính chất thẳng-hoa hướng-thượng.

Cứ lấy sách Luận ngữ mà nói, có lẽ trong chúng ta thuở nhỏ ai cũng tụng qua, nhưng thật là không biết trong

ấy nói gì. Đến lúc lớn lên vào cấp bậc Đại-học đọc trở lại thì sự giải thích chương cú trong sách đã không thành vấn đề nhưng ý nghĩa sâu xa trong sách cũng chưa chắc đã nắm hết được. Mà phải đợi đến tuổi trưởng thành, đường đời từng trải mấy phen chìm nổi, kinh nghiệm sống dồi dào, bấy giờ trở lại nghiên cứu Luận-ngữ mới thấy từng câu, từng chữ trong ấy, như đập mạnh vào tâm não của ta, so với sự nhận thức theo mặt chữ của buổi ấu - thơ thật không chút gì giống nhau.

Đọc Luận ngữ như thế mà cho đến Lão tử, Trang tử hay Tống nho, Minh nho cũng như thế. Cho nên muốn rõ được chính xác tư tưởng của Trung quốc tất phải rèn đúc lấy tri-tuệ của cổ nhân, đem kinh nghiệm của chúng ta đúc thành tri-tuệ rồi mới soi rọi vào tri - tuệ của cổ nhân. Chỉ có phương pháp ấy mới có thể có trạng thái « tâm tâm tương ấn » (Nghĩa là lấy tâm của ta mà hiểu được tâm của người xưa) cùng với cổ-nhân sống trong một cảnh giới. Cái phương pháp nghiên cứu thực-hành ấy là cả một công trình phê - phán và thưởng - thức tác phẩm, chỉ có trải qua sự phê-thưởng rồi may ra mới lãnh hội được ý vị sâu xa của nó.

oOo

Dùng lý-trí nghiên cứu cổ nhiên

NGUYỆT SAN

VẤN ĐỀ

Số 1 phát hành 1-4-67

giá 40 đ.

chúng ta tiếp xúc được với cái bên ngoài của tư tưởng, còn nghiên cứu bằng cách thực-hiện cũng chỉ có thể tiếp xúc được về mặt nhân-tính. Nhưng tư tưởng Trung quốc lại còn có một bản-thể sống-động. Cái sống-động ấy không thể dùng lý trí mà miêu tả lại được, nó cũng chẳng liên quan đến đời sống đạo-đức của chúng ta mấy, tuy nhiên nó lại chi phối cả đời sống tinh-thần và ý-thức của chúng ta. Đối với sự nghiên-cứu đầy sống động ấy chúng ta tất phải đi qua con đường thần-bí.

Trong con mắt của các tư tưởng gia Trung quốc, vũ-trụ là một bản-thể sống động, mà sự sống con người là hình ảnh vi-tế cụ-thể-hóa của cuộc sống vũ-trụ ấy. Nhưng chúng ta thường bị hình-hài nó ràng buộc câu-thúc cho đến đời đã cắt đứt dòng sống, hóa ra vũ-trụ và nhân-sinh là hai thể-tài không có sự tương-thông, rồi nguồn sống của con người bị khô cạn. Do đó, chúng ta muốn cho cuộc sống thành một dòng trôi chảy với vũ-trụ thì phải cùng với vũ trụ hòa thành một khối, ấy thể mới gọi là « Thiên nhân hợp nhất » (Trời và người cùng hợp làm một) và vật với ta cùng ở trong cảnh đồng một thể (vật ngã đồng thể) Phép « Thiên định » hay « Đốn ngộ » của nhà Phật, cách « đã tọa » hay « luyện đan » của Đạo giáo đều phải dùng phương pháp thần-bí mới có thể nhập vào cảnh giới ấy.

Nếu chúng ta chỉ coi tư tưởng Trung quốc như là một thứ tri-thức mà trình bày, thì phương pháp thần-bí không phải là trọng-yếu, nhưng nếu chúng ta muốn nhập vào cảnh giới huyền ảo của tư-tưởng Trung quốc thì

việc áp dụng phương pháp thần bí là sự tối cần thiết. Cứ lấy đạo Phật mà nói, nếu chỉ dùng lý-luận giải-thích thì đó là cách « gãi ngứa ngoài chiếc dầy » của văn-tự, cũng như chỉ làm công-đức bố-thí vẫn là sự chấp ngã khá sâu, chấp pháp khá lớn. Vậy muốn gãi trúng chỗ ngứa của Như lai thì phải đạt đến ý nghĩa của Đệ nhất đế là « khở đế » và còn phải dùng hết cả sức lực mà trực nhập vào cảnh giới đốn-ngộ (một phép tu theo thuyền định, nhờ thuyền định mà trực ngộ tức thị thành Phật vì Tâm tức Phật, Phật tức tâm). Đốn-ngộ là một phương pháp thần bí, nhưng cái thần-bí ấy không phải là không biết được, mà phải thoát bỏ ngôn từ, lý-trí, thoát bỏ kinh-nghiệm của thể-tục và dụng tâm hướng nội quan-chiếu, dụng con mắt tinh thần mà nhìn thấu-triệt cuộc sống.

Không có phương pháp thần-bí ấy, chúng ta không sao đọc thông kinh Kim-cang, cũng không hiểu rõ được chân ý của Thiền-tông. Không dựa vào phương pháp thần-bí ấy, chúng ta sẽ cho học-thuyết Lão tử là thuật quyền mưu giả trá, và Trang tử là giữa ban ngày mà ngưng mộng.

Nếu không hiểu rõ phương pháp ấy chúng ta sẽ lấy làm lạ vì sao có một người anh-hùng như Vương-Dương-Minh, vừa là nhà Nho giỏi chính trị lại muốn học phép « đã tọa » (ngồi thuyền) của một vị hòa thượng. Cho nên chúng ta muốn tiến sâu vào khía cạnh sống động của tư tưởng Trung quốc thì tất phải biết vận dụng phương pháp thần-bí.

Trên kia chúng tôi đã giới thiệu phương pháp nghiên-cứu lịch-sử tư-tưởng Trung quốc, giờ đây hãy nói đến phương pháp nghiên cứu lịch sử tư tưởng Trung quốc. Theo tính chất nghiên-cứu lịch-sử tư-tưởng mà nói thì có hai điểm trọng-yếu :

1. — Sự kế thừa của các tư tưởng.
2. — Vấn đề diễn-biến của tư tưởng.

Hai điểm ấy lại hỗ tương kết-hợp với nhau như đường ngang đường dọc, và khi nào có thể kết hợp hai điểm trọng yếu ấy lại với nhau mới có thể gọi đó là một lịch-sử tư tưởng hoàn hảo.

Những bộ lịch sử tư tưởng Trung quốc có từ trước đến nay dường như không có đầy đủ hai điểm chủ yếu vừa nói. Đến như những bộ sách Tống Nguyên học-án, Minh nho học-án rất xưa cũng chỉ là những bộ trích sao ngữ-lục bình-sinh của các tư tưởng gia chứ không xứng đáng để gọi là tư tưởng sử. Gần đây có những bộ lịch sử tư tưởng (hay gọi là triết học cũng thể) của Hồ-Thích, Phùng-hữu-Lan, nhưng những nhân tài ấy là những kẻ chịu ảnh hưởng sâu xa của khoa học và triết học Tây phương. Họ rất thích thú đi vào khu đất của tư tưởng Trung-quốc mà đào sâu vấn đề giống như khoa học và triết học Tây phương. Do đó những bộ triết học sử Trung-quốc mà họ trứ-tác đều mang đầy khí vị của Tây phương. Như Trần Dần-Lạc phê bình bộ Trung-quốc triết học-sử đại-cương của Hồ Thích đã nói :

«Khi chúng tôi đọc bộ sách ấy không sao khỏi có một ấn-tượng lạ lùng, là có lắm lúc cảm thấy tác-giả bộ sách ấy như là một người Mỹ nghiên-cứu tư-tưởng Trung quốc vậy» !

Đến như bộ Trung quốc triết-học-sử của họ Phùng, tuy có thấy dấu xe đi trước của Hồ Thích nhưng rồi Phùng-hữu-Lan cũng phạm nhiều sơ hở, đề Trương-Âm-Lân trong một bài phê bình đã vạch ra không biết bao là lỗi lầm. Gần đây Mâu - Tông - Tam cũng bảo rằng : Ông có cảm giác họ Phùng là một nhà đã dùng kiến giải «Tân thức tại luận» mà xem Tống Minh lý học, cho nên Phùng tiên sinh vẫn là kẻ chưa am hiểu thấu-triệt tư-tưởng Trung quốc.

Đối với sự nghiên cứu lịch-sử tư tưởng Trung quốc khá đầy đủ lại phải nói đến những học-giả của Nhật bản như Vũ-Dã Trên phương diện thành kiến, người Nhật-bản không bị Tây phương hóa như Trung quốc. Nhưng dầu sao họ vẫn là người ngoại-quốc, thủy-chung đối với tư-tưởng Trung quốc họ vẫn chỉ như người xem hoa trong sương. Cho nên người Nhật cũng chỉ có thể phân-tách tư tưởng từng cá nhân mà không có thể trình bày thông-suốt toàn-thể ảnh-hưởng cũng như sự biến-thiên của tư tưởng Trung quốc. Hơn nữa người Nhật thường hay đem cắt xén tinh-lực nền Phật học đời Tùy Đường. Vậy với cái phương pháp chặt ngang xương lưng ấy làm sao có thể đem tinh thần Nho giáo của các đời Tống Minh mà giảng-giải cho rõ ràng được.

Nhưng nói như trên không phải chúng tôi có ý phẩm bình cái hay cái dở của các nhà trứ-tác, mà thật ra chỉ là mượn họ để nói lên sự sai lầm. Đối với sự nghiên-cứu lịch-sử tư tưởng Trung-quốc chúng tôi có ba điểm nhận-định trọng yếu sau đây :

1. — Phải nắm chắc cái bối cảnh cùng mấu chốt sự diễn biến của tư tưởng.

2. — Cần phải nhận định rõ phương-diện đặc-thù cùng phương diện đồng-nhất của các tư tưởng gia.

4. — Phải lặn ngụp thường ngoạn trong vòng tư tưởng ấy.

oOo

Đã gọi là tư tưởng sử, đương nhiên chúng ta không thể bỏ qua nhân-tố lịch sử. Hơn nữa Trung quốc không giống như triết học Tây Phương cho nên có sự cách-biệt với các khoa khác, nhưng lại bắt gốc ở nơi văn-học, giáo-dục và chính-trị. Vì vậy, khi chúng ta nghiên-cứu lịch-sử tư-tưởng Trung-quốc tất phải dồn cả văn-học, giáo-dục và chính-trị với tư tưởng vào một lò. Mà các môn học ấy đều có thời - đại - tính của nó, trong khi tư-tưởng lại bắt rễ từ trong đó tự nhiên nó cũng mang tính chất thời-đại của nó. Thí dụ như tư tưởng Đạo gia, dù là một học thuyết luôn luôn đi tìm cái «Đạo thường» bất biến, nhưng vì thời đại không giống nhau nên ở Xuân thu lại có bộ mặt Đạo giáo của thời Xuân Thu, thời Chiến quốc lại có bộ mặt Đạo giáo của thời Chiến-quốc, cho đến buổi Tần Hán, Ngụy Tấn, Tùy Đường về sau mỗi thời cũng đều có một bộ mặt Đạo giáo khác nhau. Nếu chúng ta không hiểu rõ bối cảnh của nó, thì khác nào cùng bạn bè giao-du mà lại không biết gì về thân thể của họ.

Hiểu rõ tư tưởng và bối cảnh mới là thuộc phương diện tĩnh, chúng ta còn phải tìm hiểu phương diện động là chú ý đến các mấu chốt diễn biến. Như cái mấu chốt từ cuối đời Chu đến đời Chiến quốc nếu khai-thông ra được thì mới có thể hiểu được tư tưởng của chư tử vì sao thời ấy lại lên cao. Rồi đến

quãng cuối đời Chiến quốc, đến Tần Hán cũng là một khúc ngoặt, có đả-thông được khúc ngoặt diễn biến ấy thì mới hiểu có sao đến thời ấy tư tưởng của các nhà lại thống nhất? Tiếp theo đến khúc ngoặt cuối đời Hán đến Ngụy Tấn, cũng như cuối Đường đến Tống, cuối Minh đến Thanh, nếu nắm chắc được các dòng biến chuyển mấu chốt ấy, chúng ta mới có thể cời mở được toàn thể tư tưởng Trung quốc.

oOo

Điều cốt cán cấu-tạo nên lịch-sử tư-tưởng, tất nhiên nó là sự kế-thừa trước sau của các tư-tưởng-gia. Mà đối với sự nhận định của mỗi tư tưởng gia, chúng ta phải chú ý đến khía cạnh dị-biệt cũng như khía cạnh tương-đồng của họ. Thí dụ trong lịch - sử tư tưởng, chúng ta nghiên cứu các nhà như Khổng - tử, Mạnh tử, Tuân tử, thì trước hết phải hiểu rõ khía cạnh dị-biệt, thì mới có thể biết được sau Khổng-tử, Mạnh - tử đã cống-hiến cho dòng tư-tưởng cái gì mới, cũng như sau Mạnh tử, Tuân tử đã có những kiến-giải gì mới lạ. Như thế thì mỗi triết-nhân đều có một tinh-thần dị biệt, và toàn thể trào lưu tư-tưởng như lớp thủy triều, sóng sau thúc đẩy sóng trước mới gây ra cảnh ba-đào, nếu không tạo ra được cái gì mới thì kẻ hậu sinh chỉ là một thứ «ứng thanh trùn» (con sâu phụ họa tiếng kêu) của tiền - nhân hay chỉ là kẻ ghi chép trung-thực tư tưởng của tiền - nhân và như thế chỉ có bình diện tĩnh chứ không có trạng thái động, tất nhiên không có đủ tính-chất lịch-sử.

Đồng thời ngoài khía cạnh đặc-thù lại còn phải nhận - định rõ khía cạnh

tương-đồng của dòng tư-tưởng, nếu không, chúng ta không có cách nào hiểu rõ được vì sao Mạnh tử khi nói về điểm «dưỡng khí» lại giống Trang tử, có nhiều sắc-thái thần bí trong khi Mạnh tử lại chẳng phải là tín-đồ của Lão tử. Hay là vì sao Tuân tử lại kịch liệt phê bình đả-kích Mạnh tử, và học trò của ông là Lý Tư, Hàn Phi lại trở nên những nhà Pháp-gia, trong khi Lý, Hàn vẫn cùng với Mạnh tử thuộc vào hàng truyền - thống Nho gia.

Muốn giải rõ được các vấn đề ấy tất phải hiểu rõ tinh thần và lý tưởng tương-đồng của họ.

Chúng ta nhận rõ ra chỗ tương-đồng của Mạnh tử, Tuân tử, tiếp theo chúng ta phải tìm ra sự dị biệt của Nho gia, rồi lại nghiên cứu vì sao Nho gia không giống các nhà Đạo, Mặc, Danh, Pháp. Sau đó lại khuếch-đại mà nghiên-cứu các điểm tương đồng của các dòng tư-tưởng lớn để nhận thức tinh-thần của các nhà tư-tưởng thời Tiên Tần, và từ sự cội-gốc đồng biến ra đặc-thù, do sự so sánh mà có tung có hợp, do tung hợp mà có so sánh, như do từng hạt chuỗi mà tạo thành một xâu tư tưởng chặt chẽ.

Sự tìm tòi trong lịch sử, sau khi nhận định rõ diện mạo các tư tưởng gia xong, cuối cùng lại phải đem tư tưởng ấy trả về cho dòng tư tưởng rồi nhập vào đấy mà thưởng thức.

Có nhiều nhà nghiên-cứu tư-tưởng tiền-nhân giống như bắt cá đem lên thớt mà mổ xẻ rồi còn thêm mắm muối,

dầu mỡ vào, kết quả nghiên cứu dù có được cũng chỉ là một mớ mảnh vụn chi li, chứ tuyệt nhiên không có chút sinh khí gì của tư tưởng. Như nhà nghiên-cứu tôn sùng tư tưởng «sinh vật tiến hóa» (học thuyết của Darwin) rồi khi chộp được tư tưởng của Trang tử lại cứ theo thành-kiến cố-định của mình mà say sưa với tế thuộc tiến-hóa-luận, khiến cho tư tưởng Trang tử hóa thành một con vật có mười chân. Thiết tưởng cái phương pháp nghiên-cứu ấy làm sao nắm được tinh thần của triết học người xưa và hiểu được tiếng nói thâm sâu tự đáy lòng của họ.

Ngày nay chúng ta nghiên-cứu lịch-sử tư tưởng Trung quốc nên áp dụng một phương pháp sống-động chứ nên nuôi sẵn những thành kiến, mà nên có thái-độ khách-quan, cứ để cho các dòng tư tưởng di-chuyển chúng ta, như đứng trong dòng sông xem cá bơi lội, chúng ta cứ theo với cá khi nổi khi chìm nơi dòng nước, có thể mới tìm thấy những thích thú.

Một bộ tư-tưởng sử Trung quốc lý-tưởng là sau khi chúng ta đọc xong giống như xem chiếu bóng hay tiểu-thuyết, trong trí óc như còn in sâu những nhân vật bằng xương thịt, sự-kiện đó là do ống kính thu thập được những hình-ảnh những âm-thanh có tiết-điệu rõ ràng chứ không phải là một mớ danh-từ, một đống khái-niệm hay một chồng lý thuyết khô khan.

NGÔ - DI

Người dịch : ĐINH-TẤN-DUNG

Lương tâm và chính trị

• HỒ - DÃ - TƯƠNG

Nhà bác học Oppenheimer đã chết vì bệnh. Khắp nơi người ta viết bài ca tụng thương tiếc ông, không phải thương tiếc một bậc anh tài của nhân loại, mà thương tiếc một nhà bác học «có lương tâm». Than khóc Oppenheimer để chê bai nhà cầm quyền Mỹ hẹp hòi, đề cao Oppenheimer để hạ nhục hữu phái ở Mỹ. Trong cảnh ồn ào náo nhiệt đó, một nhà bác học khác đang đau khổ nhục nhằn. Đó là Edward Teller người kế vị Oppenheimer trong việc chế tạo bom H.

Sau khi Nga thử bom nguyên tử, Teller thúc đẩy chính phủ Mỹ làm bom khinh khí H, còn Oppenheimer thì cố tình trì hoãn. Bực mình, Teller thường tỏ ra gay gắt với Oppenheimer. Việc Oppenheimer do dự trùng hợp với sự giao du thân mật của ông cùng các bạn-hữu cực tả khiến sở phản gián Mỹ nghi ngờ. Tuy không nắm được bằng cứ nào buộc ông vào tội phản gián, nhưng chính phủ Mỹ cũng đề phòng bằng cách loại trừ ông khỏi các chức vụ có liên quan đến bí mật quốc phòng.

Về phần Teller, vốn là người Hoa kỳ gốc Hung-Gia-Lợi, ông dần vật đau đớn trước cảnh quê hương ông bị dày xéo bởi hồng quân Nga-sô. Lòng

kinh sợ cộng sản khiến ông làm tất cả để vớt vát bảo vệ phần đất còn lại. Ông không ngần ngại đòi Mỹ làm bom khinh khí sau khi Nga đã có bom nguyên-tử. Dư luận sủa sói ông là kẻ quá khích, hiếu chiến, không xứng đáng làm một nhà bác học có lương tâm. Ông đau khổ sống với bản án cay độc của tòa án dư luận.

Trong khi đó Oppenheimer trở về Đại-học làm giáo sư giữa tiếng hoan hô của báo chí.

Trong hai nhà bác học trên đây, ai thật sự là nạn nhân của chính trị ? Hay cả hai đều là nạn nhân ?

Ngược dòng thời gian trở về khoảng 1945, ta sẽ thấy vị trí của hai người đổi ngược lại. Oppenheimer hăng say làm bom nguyên tử. Chính ông tuyên bố rằng khi làm bom A ông nghĩ đến sự tàn bạo của Đức Quốc xã. Có lẽ ông định dùng vũ khí khủng khiếp đó để tiêu diệt chế độ quốc-xã. Khi chính phủ Mỹ quyết định dội bom nguyên tử trên đất Nhật thì chính Teller lại dè dặt, còn Oppenheimer thì không phản ứng gì cả. Oppenheimer đã mặc nhiên đồng hóa chế-độ Quốc-xã với dân tộc Đức, chế độ quân phiệt với dân tộc Nhật. Cái câu ; « Một nhà bác học

không có quyền góp phần vào cuộc tiêu diệt loài người dù để giúp ích cho tổ quốc mình », Oppenheimer chỉ nói lên sau này khi tổ quốc ông đương đầu với Nga sô, còn trước kia ông vẫn ráo riết phụng sự tổ quốc ông trong ý chỉ tiêu diệt Đức, Nhật.

Biết bao nhà bác học Mỹ đã cần mẫn chế tạo và bảo mật nhiều vũ khí giết người tối tân để chống Đức nhưng lại trao tài liệu nguyên tử cho Nga để « tái lập thể quân bình » hầu « tránh chiến tranh ».

Biết bao nhà trí thức hăng say cuồng nhiệt nhìn phi cơ đồng minh giết hai trăm ngàn thường dân Đức tại hải cảng Hambourg trong một đêm, nhưng lại kêu than thảm thiết khi không quân Mỹ dội bom cầu cống ở Bắc Việt.

Đó là tấn thảm kịch mà các nhà bác học và trí thức trong thế giới tự do đang trải qua. Một thông lệ đã in sâu vào truyền thống một số đông trí thức là chỉ xúc động, chán ghét chiến tranh khi nó làm hại đến các chế độ xã-hội chủ-nghĩa, chỉ căm thù độc tài khi nền độc-tài đó từ phía hữu đưa đến. Những thí dụ điển hình thật không thiếu. Bà quả phụ của cố Tổng thống Roosevelt thường lớn tiếng chống độc tài (của hữu phái và quân phiệt) nhưng lại niềm nở

đón tiếp, đãi đằng Krouchtchev khi ông này sang Mỹ năm 1960. Bà thừa sức nhớ rằng mới đó Krouchtchev đã nhúng tay vào máu của nhân dân Hung-gia-Lợi. Như thế bà không còn coi Krouchtchev là kẻ phạm tội nữa. Cũng trường hợp tương tự, nhà bác học Nhật Hideki Yukawa (giải Nobel khoa học) thường vận động ráo riết chống các cuộc thí nghiệm nguyên tử ở Mỹ nhưng ông đã im lặng một cách đầy ý-nghĩa khi Nga thử một lượt 25 quả bom H tại Tây bá Lợi Á. Ông Yukawa giận dữ đòi giải tán « Ủy Ban Vận động Hòa bình Thế giới » của Nhật Bản khi Ủy ban này cả gan mời đức Đạt lai Lạt ma sang viếng Nhật. Yukawa lên án những kẻ « hiếu chiến » muốn giết các dân tộc Đông-Nam-Á bằng cách trốn tránh việc tìm kiếm một giải pháp hòa bình, nhưng đồng thời ông tỏ ra bức bối nếu ai nhắc nhở đến những điều ông không muốn nghe như là nạn diệt chủng ở Tây-Tạng chẳng hạn.

Tất cả những sự kiện đó khiến nhiều người đặt câu hỏi :

— Phải chăng điều mà thiên hạ gọi là lương-tâm của các nhà bác-học, của các nhà trí-thức thật ra chỉ là một hình thái của tư tưởng chính trị ?

HỒ-DÃ-TƯƠNG

• Hoa Kỳ có tuần báo Newsweek, Time • Pháp có tuần L'Express và...

● Việt Nam có Tuần Báo

VIỆT - NAM THỜI MỚI

Tờ báo đầu tiên tại Việt-Nam ấn loát đẹp như báo Âu Mỹ, bài vở giá trị đặc sắc do những cây bút chuyên nghiệp, chủ chương. Giá bán phổ thông.



Ông bà LA FAYETTE

1757 - 1834

1759 - 1807

Bà La Fayette

(Xin xem BK.TĐ. từ số 246)

Ngày 21-1-1782, ông về tới Paris trong khi dân chúng ùn ùn kéo lại Đô-sảnh đề hoan hô Hoàng hậu Marie Antoinette vì bà mới sanh được một hoàng tử. Có người nhận ra được mặt ông, hô «Vạn tuế La Fayette!», thế là dân chúng lại ùa về dinh thự của gia đình De Noailles đã tặng vị anh hùng hai cành nguyệt quế, y như thời xưa dân La Mã tặng những vị anh hùng của họ.

Trong nhà không có ai cả. Adrienne và cả nhà đã lại Đô Sảnh đề chúc mừng Hoàng hậu. Tin ông về đã tới tai nhà vua, Vua Louis XVI và Marie Antoinette kêu bà lại, cho phép bà về trước nhưng bà lễ phép xin ở lại tới hết buổi lễ.

Mấy bữa sau danh vọng của ông bà lên tới tuyệt đỉnh. Ông đã thành «vị anh hùng của hai thế giới» được vua tiếp ở điện Versailles. Các bà quý phái tranh nhau mời hai ông bà lại dự tiệc. Thống chế Richelieu đặt một bữa tiệc mời tất cả các thống chế của Pháp lại mừng một vị tướng mới 24 tuổi. Ở

dại kịch trường Paris, trong buổi diễn vở Iphigénie en Aulide, một đào hát tặng La Fayette một vòng nguyệt quế cả rạp đều vỗ tay.

Bà Aglaé d'Hunolstein và bà De Simiane đều niềm nở với ông mà trong hai bà ấy, De Simiane đẹp nhất. Quần chúng đều gán bà cho La Fayette: «Ai anh hùng nhất thì được người đẹp nhất» đúng như tục cồ. Không ai ghen với ông cả, ai cũng nhận rằng ông xứng đáng nhất.

Đã tới tuổi trưởng thành (hồi đó 25 tuổi mới trưởng thành) ông mượn nhà ở riêng tại đường Rue Bourbon. Bà khéo chiều ý chồng trang hoàng phòng làm việc hợp với ý ông: ở tường treo hai cái khung một cái có bản Tuyên ngôn nhân quyền của Mỹ, một cái bỏ trống, khách khứa hỏi tại sao, ông đáp: «Đóng khung sẵn đề sau này treo bản Tuyên ngôn nhân quyền của Pháp». Có người khen, có kẻ mỉa cười, có kẻ lại bêu môi. Lúc đó ông có ý làm chính trị. Chủ trương

của ông là vẫn giữ chế độ quân chủ — giòng họ Bourbons vẫn được dân chúng kính mến, chứng cứ là cả toàn quốc vui mừng khi Marie Antoinette sanh hoàng tử — nhưng mong rằng Pháp có được một hiến pháp và một ông vua tư cách cao như Washington.

Các bạn Mỹ của ông như Franklin, Jeffreson, John Adams tới thăm ông rất thường. Adrienne tiếp đón họ niềm nở mà chân thành ; họ thấy bà giản dị, tự nhiên, không kiêu cách như các bà quý phái khác lại càng thêm lòng kính trọng.

Chiến tranh giữa Mỹ và Anh chấm dứt vào cuối năm 1782 và hiệp ước kí ở Paris tháng 9 năm sau. Giành được độc lập cho dân tộc rồi, Washington không ham danh vọng gì cả, rút lui về vườn ở Mount Vernon, y như các hiền triết thời cổ. Ngày 1-2-1784 ông báo tin đó cho La Fayette :

« Hầu tước thân mến.

Bây giờ tôi chỉ là một người dân thường trên bờ sông Potomac (...) Tôi có thể tìm lại được sự cô tịch và sống lại quãng đời tư của tôi một cách khoan khoái hơn. Không ganh tị với ai cả, tôi mãn nguyện về mọi cảnh, và trong tâm trạng đó, bạn thân ạ, tôi sẽ từ từ theo dòng đời, cho tới khi được nằm nghỉ bên cạnh ông bà tôi».

Hai tháng sau ông mời ông bà La Fayette qua Mỹ chơi. La Fayette nhận lời, ông muốn thăm những chiến hữu cũ, và lại chính phủ Mỹ, để trả ơn ông, đã tặng ông nhiều khu đất mênh mông mà ông không thể từ chối được. Rất tiếc là bà quá bận việc nhà, không thể theo ông được. Dân tộc Mỹ tiếp đãi ông như một ông hoàng : người ta bắn

súng, chẳng đèn, mở hội linh đình để đón ông, nhà thờ thì kéo chuông mà lính thì bồng súng Quốc hội long trọng tuyên bố rằng ông là ân nhân của dân tộc. Từ Philadelphie ông lại Baltimore rồi Mount Vernon, ở chơi với Washington mấy ngày. Ôi ! nếu Adrienne đi theo ông thì bà sẽ sung sướng biết bao khi thấy cả một dân tộc ngưỡng mộ chồng mình. Bà vẫn mong lỡ cơ hội ấy còn cơ hội khác, nhưng số bà hẩm hiu, không được thấy châu Mỹ, không được hưởng chung cái vinh quang của chồng trên đất Mỹ.

Từ biệt Washington ông trở về Baltimore rồi lại New York. Đâu đâu người ta cũng coi ông là một vị nhân. Nhất là các thổ dân da đỏ ngưỡng mộ ông như một vị thần, bồng con nhỏ lại quỳ mọp trước mặt ông để xin ban phước.

Ông đi thăm lại những chiến trường cũ ; có nơi như Marble Head chỉ còn toàn đàn bà góa và trẻ em vì tất cả đàn ông đều tử trận. Ngày 15 tháng 11 ông gặp lại Washington ở Richmond rồi hai ông cùng nhau về Mount Vernon trong sự hoan hô nhiệt liệt của quần chúng. Khi từ biệt nhau, cả hai đều sa lệ, tình thân thiết như cha con.

Cuối năm ông xuống tàu White Hall để về nước. Mười ba tiếng súng chào. Ông về tới Brest ngày 20-1-1785.

oOo

Biến cố dồn dập tới :

- Quốc hội kí bản Tuyên ngôn dân quyền ;

- Ngày mùng 5 tháng 10, hàng ngàn người đàn bà rách rưới ùn ùn kéo tới điện Versailles (cách Paris 20 cây số) đòi phát bánh và bắt nhà vua phải về điện Tuileries ở Paris, để giam lỏng nhà vua ;

● Tháng sáu 1791, cả vương thất cải trang lên lên phía đông nhưng bị nhận mặt, rồi đưa trở về Paris ;

● Quốc hội tuyên bố Hiến pháp ;

● Rồi Quốc hội tự giải tán, nhường chỗ cho Hội nghị lập pháp ;

● Rất nhiều người quí phái trốn ra khỏi nước, muốn nhờ ngoại quốc đem quân dẹp giùm cách mạng ;

● Dân Paris trước nguy cơ ngoại xâm đó, nổi giận, uà vào điện Tuileries giết vệ binh của nhà vua và bắt giam vương thất ;

● Quyền hành về cả Công xã Paris ;

● Rồi xảy ra cuộc tàn sát rừng rợn vào tháng 9 năm 1792 ;

● Chính phủ Cộng Hòa thành lập ;

● Louis XVI và Hoàng hậu lên đoạn đầu đài năm 1793.

Những biến cố đó đều được chép kĩ trong mọi cuốn sử ; ở đây chúng tôi chỉ xin kể những hoạt động của ông bà La Fayette.

Trong ba năm, từ 1789 đến 1792, ông phá sản, nhiệt tâm lo việc nước, nhưng tên ông trong sử Cách mạng không chói lọi bằng những tên Mirabeau, Danton Marat, Robespierre vì ông là một người ôn hòa, đã không giúp gì được nhiều cho phong trào mà cũng chẳng giúp cho Louis XVI khỏi bị lên đoạn đầu đài, rồi cuộc lại bị cả hai bên nghi ngờ, rồi còn bị giam trong ngục nước Áo nữa.

Trước ngày 14-7-1789, ông ngây thơ đến nỗi chủ trương rằng có thể khuấy động quần chúng vừa đủ cho nhà vua

sợ thôi, chứ, không gây ra nội chiến ; có thể hô hào quân đội đe dọa nhà vua nhưng vẫn bắt quân đội phải tuân lệnh triều đình ; về thuế khóa bắt triều đình phải thuận ý dân, nhưng cũng giữ cho khỏi xảy ra sự đổ vỡ hoàn toàn trên phương diện tài chánh ; về chính trị không đổ máu mà giành được sự tự do, sự thành lập Hiến pháp. Ông là một người có lý tưởng đẹp mà thiếu thực tế, nhiệt huyết thì hữu dư mà tài chính trị thì bất túc. Chương trình của ông, gặp một ông vua sáng suốt và một thời nào khác kia thì may ra còn có thể thi hành được ; ở vào thời đó mà cả nước Pháp đã thành một thùng thuốc súng châm ngòi rồi, thì đúng là một cái mộng diên rồ, lỗ bịch nữa. André Maurois mặc dầu khen lòng trong sạch, cao cả, hi sinh của ông, cũng phải gọi ông là một « apprenti sorcier ».

Sau ngày 14-7, ông được dân chúng bầu lên chức thống suất Vệ quốc quân ở Paris. Chưa bao giờ uy tín ông đối với dân lên cao như vậy. Bà luôn luôn tin ông, chấp nhận tư tưởng của ông, bỏ ra bao nhiêu tiền cũng không tiếc để lo việc cách mạng : tiếp đãi khách khứa, cứu mang các Vệ quốc quân nghèo, giúp cả quần áo, khí giới cho họ nữa. Tất nhiên gia đình bên bà bất đồng ý kiến với La Fayette, bà phải tìm cách khéo léo hòa giải để khỏi có những sự xích mích.

Ngày 5-10-1789, nhờ được Vệ quốc quân kính phục, nhờ lòng can đảm và cũng nhờ tài ăn nói, ông cứu vua Louis XVI khỏi bị quần chúng hành hung.

Khi hay tin dân nghèo kéo nhau tới ;

điện Versailles, ông đem Vệ quốc quân lại đóng ở cửa điện, giao cho họ nhiệm vụ che chở Vương thất, ngăn dân chúng khỏi ủa vào rồi ông giảng tình hình cho Louis XVI hay; Vua và hoàng hậu nghe lời ông, chịu trở về Paris. Từ đó ông đóng vai trọng tài giữa triều đình và quần chúng.

Ông nhận Mirabeau có tài, nhưng ghét con người đó không trong sạch — Mirabeau tiêu xài xa xỉ, thiếu nợ lung tung và không từ một phương tiện nào để kiếm tiền — nên mấy lần Mirabeau đề nghị hợp tác với ông, thành lập một nội các mà hai ông sẽ cầm đầu để cứu chính thể quân chủ, ông từ chối. Sau này trong tập hội ký, ông ân hận đã có thái độ đó: nếu ông nhận lời thì có thể biến cố đã thay đổi, mà dân tộc đỡ phải đổ máu.

Tháng 4 năm 1791 Mirabeau đau ít bữa rồi tắt thở. Nhà vua mất người cố vấn thông minh nhất và khá trung thành — vì dù sao Mirabeau cũng ở trong giai cấp quý phái, không muốn lật chính thể quân chủ, chỉ lợi dụng lòng phẫn uất của quần chúng để mưu địa vị cho mình thôi — đâm ra hành động quàng xiên. Đêm 20 rạng ngày 21 tháng 6, ông và hoàng hậu cải trang lên ra khỏi điện. La Fayette đi tuần ban đêm, gặp xe nhà vua mà không nhận ra.

Sáu bảy giờ sáng hôm sau, ông mới biết tin, nhảy xuống sàn, hộc tốc lại điện Tuileries. Ông có trách nhiệm rất nặng nề trong vụ này: ông đã hứa với dân chúng là không để cho nhà Vua trốn khỏi. Ông vội vàng phái sĩ quan trong Vệ quốc đoàn đi tìm khắp các con đường. Dân chúng nổi giận muốn hành hung ông. Ông vẫn can đảm đi bộ lại Quốc hội. Ngày

22.6, có kẻ bảo: «Tại sao chưa chặt đầu La Fayette mà bêu trên ngọn giáo?» Cũng may hôm đó người ta được tin đã nhận mặt được nhà vua. Quốc hội ra lệnh cho giải nhà vua và hoàng hậu về Paris. La Fayette bảo: «Ai mà hoan hô nhà vua thì bị phạt tử hình, ai mà chửi nhà vua thì bị treo cổ.»

Khi Louis XVI về tới điện Tuileries rồi, ông vô ýết kiến, kính cần thưa:

— Tâu Bệ hạ, Bệ hạ đã rõ lòng trung của hạ thần; nhưng xin Bệ hạ hiểu cho hạ thần rằng nếu Bệ hạ chống lại dân chúng thì hạ thần sẽ phải đứng về phía dân chúng.

Giam lỏng được Louis XVI ở điện Tuileries rồi, dân Paris muốn tiến một bước nữa, ngày 17.10.1791 hàng ngàn tờ thỉnh nguyện phát khắp nơi, xin truất ngôi vua. Dân chúng đổ xô lại Champ de Mars để kí vào bản thỉnh nguyện. Người ta bắt được hai tên núp dưới bàn thờ tổ quốc không hiểu vì lẽ gì. Một số thù địch của La Fayette ghét câu: «Bệ hạ đã rõ được lòng trung của hạ thần», mấy tháng trước đã loan tin bậy rằng ông được hoàng hậu mua chuộc, bây giờ được dịp hạ ông, vu cho hai tên cướp núp dưới bàn thờ là do thám cho ông rồi đem ra giết tức khắc, đầu lâu bêu trên ngọn giáo. Có tiếng la lớn: «Chém đầu La Fayette!» Một viên đạn bay vèo, xuyết trúng ông. Ông phải ra lệnh cho Vệ quốc quân bắn chỉ thiên. Quần chúng ném đá, rồi bắn lại. Vệ quốc quân muốn nổi đại bác, ông vội vàng chạy lại đứng trước họng đại bác; nhờ sự can đảm đó mà ngăn được sự đổ máu. Trước sau có mười người chết, nhưng hôm sau người ta đồn rằng có số vạn.

Hôm đó ở nhà, bà nghe thấy dân chúng lại vây nhà, la lớn : « Phải giết vợ nó đi, rồi chặt đầu đem lại cho thằng chồng coi ». Cả nhà hoảng hốt, riêng bà bình tĩnh, mừng rằng tự họ tới đây thì chắc chắn là ở Champ de Mars họ đã rút hết đi rồi mà tính mạng chồng được an toàn. Từ đó ông không còn kiểm soát được quần chúng nữa.

Ngày 14-9 năm ấy, Hiến pháp thảo xong. Louis XVI thân hành tới Quốc-hội để chấp nhận Hiến pháp và tuyên bố trước công chúng : « Cách mạng đã tới giai đoạn cuối, thế là xong, từ nay dân tộc sẽ vui vẻ trở lại ». Nhiều người đã tưởng là êm. Chính La Fayette cũng tin như vậy, thấy lí tưởng của mình đã thực hiện được, muốn noi gương Washington, xin từ chức về vườn. Ngày 8-10, ông trao quyền lại cho người thay chân ông, từ biệt vệ quốc quân. Thành Paris tặng ông một chiếc gương trên đó khắc hàng chữ « Dân chúng Paris mang ơn La Fayette ». Ông cảm ơn bắt tay mọi người mà lòng thất lại.

Chiến tranh độc lập của Mỹ và cách mạng của Pháp làm gia tài của ông mất mát gần nửa.

Nhưng tình hình êm sao được. Đột sóng cách mạng hạ xuống chưa được bao lâu thì lại dâng lên dữ dội.

Ông về quê nghỉ được hai tháng thì vị Thượng Thư bộ Chiến tranh vời ông lên Paris. Bọn quý phái xuất ngoại vận động với vua Áo đem quân dầy xéo đất Pháp để dẹp cách mạng. La Fayette là một trong ba vị tướng được nội các giao phó cho nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc. Ông đề nghị tấn công trước chứ không nên

giữ thế thủ, và ý kiến của ông được chấp thuận. Ông tiến quân đánh quân đội Áo lúc đó đã vô địa phận Hòa Lan. Tướng Pháp là Dumouriez không có tài chỉ huy, đội quân của Biron thua ở Quiévrain, La Fayette lại cứu không kịp. Hình như trong quân đội có kẻ phản quốc, hình như bí mật quân sự bị tiết lộ. Đại tá Berthier bị chính quân lính của mình giết. La Fayette phải rút lui về cố thủ ở Maubeuge.

Quân Áo thắng thì Louis XVI và Marie Antoinette càng bị dân chúng ghét. Phe Jacobin độc tài trong Quốc hội chỉ trích vương thất dữ. Nhà vua thấy thua trận, muốn tỏ ra mình vẫn còn uy quyền, cách chức các thương thư trong đảng Girondin. Dumouriez phải xin từ chức. Đảng Jacobin phản động lại, ngày 20-tháng 6 năm 1792 lại xảy ra một vụ y hệt ngày 5-10-1789. Quần chúng ủa tới xâm chiếm điện Tuileries, đòi hạ bệ Louis XVI. Không có một vệ binh nào dám che chở cho vua. Quần chúng cầm khí giới dẫn Vua vào thành một cửa sổ, chụp một cái mũ đỏ (màu đỏ là màu của cách mạng) lên đầu Louis XVI, rồi buộc vua phải uống một li rượu để chúc quốc gia trường thọ.

Hay tin đó, La Fayette bắt bệnh, bỏ mặt trận, về Paris, lại Quốc hội, đòi trừng phạt những kẻ đã không còn trọng pháp luật, ông được hoan hô, đề nghị dùng Vệ quốc quân để dẹp đảng Jacobin, trong khi nhà vua và hoàng hậu tạm lánh ra khỏi Paris ; nhưng Marie Antoinette ghét ông, không chịu mang ơn ông, bảo : « Thà chịu chết còn hơn ! »

Ngày tối đó, La Fayette trở về Maubeuge, thấy tình hình mặt trận nguy ngập, quân Áo vẫn thắng.

Đảng Jacobin ghét ông, buộc tội ông phản quốc. Quốc hội không nghe, quần chúng đá đảo ông và luôn cả quốc hội.

Ngày 10-8, quần chúng lại tấn công điện Tuileries, bắt giam Louis XVI vào khám. Thế là cách mạng đã qua hai giai đoạn : quân chủ chuyên chế đã đổ, bây giờ quân chủ lập hiến cũng đổ nốt. La Fayette muốn đem quân về dẹp loạn, lập lại chế độ lập hiến, nhưng không ai nghe ông nữa và Quốc hội không dám bênh vực ông. Ông thành một tên phản quốc, uy tín tiêu tan hết. Muốn chiến đấu ư ? Khí giới đâu ? Binh sĩ đâu ? Không thề đầu hàng quân Áo, nhục lắm. Mà đi đâu bây giờ ? Chỉ còn cách tạm trốn sang một nước trung lập. Ông vượt biên giới lên qua Hòa Lan để tiếp xúc với Đại sứ Mỹ, nhưng bị quân đội Áo bắt làm tù binh ở Rochefort.

oOo

Trong lúc đó cảnh nước cảnh nhà thật đau lòng. Quốc hội tuyên bố thành lập chính phủ cộng hòa. Vua Louis XVI mất ngôi, thành một nhân vật thừa có thể nguy cho vận mạng quốc gia. Thế tất người ta phải thủ tiêu ông. Sau một cuộc quyết nghị (334 phiếu xin thả cho ông, 387 phiếu đòi xử tử, trong số này có một phiếu của một người trong vương tộc), người ta đưa ông lên đoạn đầu đài. Tới phút chót (21.1.1793), ông vẫn cho là quốc dân không hiểu ông. Và ông bị giết oan vì lúc nào ông cũng yêu dân. Sự thực ông cũng là người tốt : lỗi của ông là không nhận định rõ tình hình trong nước, nhu nhược nghe lời hoàng hậu mà không biết quyết đoán hợp lúc. Khi đầu ông rơi, Danton gầm lên như sự

tử : «Các ông vua Châu Âu dọa chúng ta thì chúng ta lấy đầu một ông vua mà liệng cho họ để khiêu khích họ».

Sau khi Louis XVI mất, tình hình lại càng rối beng. Ở ngoài thì các vua Âu châu đoàn kết với nhau tiến đánh, ở trong thì miền Vendée nổi loạn : Dân chúng do các giáo sĩ và quí tộc xúi giục không chịu tòng quân để cứu nước ; miền Nam như Marseille, Toulon cũng có nhiều kẻ liên lạc với địch.

Tại Quốc hội sự chia rẽ rõ rệt : Hai nhóm Girondin (Cộng hòa) và Jacobin (quá khích) chống đối nhau. Nội loạn phát lên dữ dội : Ba phần tư nước Pháp chống Quốc hội. Marat bị một thiếu nữ trong đảng Girondin ám sát. Sức đàn áp vì vậy càng phải tăng. Quốc hội tuyên bố thành lập chính phủ Cộng-Hòa Cách Mạng, và khủng bố diễn ra ghê gớm. Đúng là lúc «quỷ thần khát máu», như một chính khách thời nó đã nói. Mới đầu là cuộc khủng hoảng tháng 9 (1792). Hạng cùng dân cuồng nhiệt ở Paris ủa vào các khám đường, gươm búa trong tay, lôi những kẻ bị giam ra tra hỏi qua loa rồi xử tử. Họ đâm chém, băm rằm, chặt lấy thủ cấp, cắm vào ngọn giáo đem đi khắp thành phố. Rồi khi chính phủ cách mạng thành lập, cuộc khủng bố lại tái diễn. Ngày 16-10-1793, Marie Antoinette bị đưa lên đoạn đầu đài. Những kẻ thù của Robespierre đều bị đưa lên đoạn đầu đài, tới Danton cũng bị đưa lên đoạn đầu đài, chỉ vì ông lỡ miệng phàn nàn rằng người ta đưa nhiều người lên đoạn đầu đài quá. Cả nước Pháp thành một lò sát sinh. Mọi người nghi kỵ lẫn nhau, không ai thấy tính mạng mình được yên ổn. Có ngày hàng chục chiếc xe bò chở đầy tội nhân tới pháp trường. Nghe tiếng xe lộc cộc qua

trước nhà, dân chúng Paris nín thính, run sợ như nghe tiếng tử thần gõ cửa.

Cũng may quân Pháp thắng ở Valmy, quân Phổ phải tạm bỏ ý xâm chiếm Pháp mà rút về sông Rhin. Rồi năm 1794 một số nghị sĩ trong Quốc hội sợ tới lượt mình bay đầu, liên hiệp với nhau chống lại Robespierre, nhà độc tài đã cầm đầu cuộc khủng bố, nhờ vậy mọi sự giết chóc ngưng hẳn và thành Paris vui sống trở lại. Tính ra trước sau có khoảng 4000 người bị chém.

Đó là việc nước.

oOo

Và đây là việc nhà của La Fayette.

Ngày 24.8.1792 hay tin chồng đã bị Quốc hội kết tội phản quốc, Adrienne lo lắng vô cùng. Ít bữa sau mới có người cho biết rằng ông đã ra khỏi nước, bà thở ra nhẹ nhàng. Khỏi lo cho tính mạng của ông, từ đây bà một mình chống đỡ gia đình, bảo vệ sinh mạng cho người thân và ta sẽ được thấy tư cách cương quyết, bất khuất, thấy tấm lòng hi sinh, gan dạ, kiên nhẫn của bà.

André Maurois nói : «Dư luận như một con diêm, sẵn sàng hiến thân cho kẻ mạnh». Trong những thời loạn lạc, lời đó thường đúng. Trước kia dân chúng trọng bà bao nhiêu thì bây giờ thù ghét bà bấy nhiêu. Vợ một vị anh hùng mà «dân chúng Paris mang ơn» đã thành vợ một tên phản loạn.

Trong những thời khủng bố, một người khác ở vào hoàn cảnh của bà, tất đã lay lục chính quyền, có thể còn theo chính quyền, trở lại mặt sát, nguyện rửa chồng, xin li dị để được an thân mà giữ một phần gia sản.

Bà thì vẫn giữ chủ trương của chồng vẫn bên vực chồng, ai bảo chồng mình là quân quí phái trốn ra ngoài để dắt voi về giã y mồ thì bà cãi lại, bảo rằng không khi nào chồng bà làm việc ô nhục đó, nếu quả thực như vậy thì «người ta cứ chặt đầu bà đi».

Bà vẫn ký tên là «Vợ La Fayette», Tài sản của chồng bị tịch thu, bà vẫn thản nhiên.

Khi lính lại bắt — lúc đó bà đã về quê chồng tại Chavaniac — bà thu xếp việc nhà xong rồi đi theo họ tới Puy để người ta điều tra. Bà không hề xin một ân huệ nào hết. Một số dân trong miền còn giữ được cảm tình với bà, nên người ta phải trả bà về Chavaniac, nhưng phải sáu người lại dinh thự của bà để canh gác. Bà phản đối :

— Tôi đã hứa với các ông là tôi không trốn đi đâu cả. Nếu các ông tin tôi thì đừng cho lính canh gác, nếu không tin thì đừng bắt tôi hứa.

Nhờ đại sứ Mỹ giúp, bà có tiền tiêu xài trong thời gian đó và cho cậu George qua Mỹ được. Bà viết thư cho Washington nhờ can thiệp với Phổ, Áo để chồng được thả ra và giải qua Mỹ. Nhưng chính phủ Mỹ lúc đó muốn hoàn toàn trung lập, không can thiệp vào việc Châu Âu, thành thử Washington không giúp được gì. Thái độ đó chẳng đẹp chút cả !

Phong trào khủng bố tăng lên, người ta tỏ ra khắc nghiệt hơn, không cho bà ở nhà nữa, mà giam bà ở Brioude.

Trong khám bà tỏ ra rất bình dân và nhân từ, làm mọi việc nấu nướng, giặt giũ, quét tước như các tù nhân khác, lại an ủi, giúp đỡ, chia thức ăn với kẻ

nghèo nữa Sống với sáu nữ tù nhân trong một phòng nhỏ ở sát ngay hành lang, bà khó chịu. Trong khám người ta cãi nhau còn nhiều hơn ở ngoài, cãi nhau vì quyền lợi, vì chính kiến. Bà không để ý tới, chỉ buồn rằng bà nội, thân mẫu, chị bà ở Paris đã bị nhốt khám. Biết bao nhiêu thân nhân, bạn bè lần lượt bị « cắt cụt » đi (raccourci), theo tiếng lóng hồi đó, trong quốc hội có người đề nghị lập một ủy ban khoan hồng để tha một số người tình nghi, Robespierre găm lên : « Không ! Sự khủng bố là sự công bằng nhanh chóng nhất ». Chẳng cần xét hỏi điều tra gì cả : hễ qui phái tức thì là phản quốc rồi.

Khi phong trào khủng bố lên tới mức cao nhất, bà bị đưa lên Paris, giam ở khám Petite Force. Ở đây bà mới được mục kích những nỗi ghê tởm mà bà không tưởng tượng nổi. « Ôi Tự do, nhân danh người, người ta đã làm biết bao tội ác ! » Nửa tháng sau người ta dời bà qua khám Plessis. Khám này là trạm cuối cùng đưa tới khám Concergerie và vào Concergerie rồi tức là đợi lúc lên đoạn đầu đài. Mỗi buổi sáng người ta kêu tên hai chục tội nhân đưa ra tòa án cách mạng. Bà biết sắp tới lúc chết, viết chúc thư.

« Tôi hết lòng tha thứ kẻ thù của tôi, nếu tôi có kẻ thù ; tha thứ những người đã ngược đãi tôi... Tôi cầu trời tha thứ họ và cho họ được đầy đủ hạnh phúc.

Tôi tuyên bố rằng đã luôn luôn trung thành với Tổ quốc ; không bao giờ dự một cuộc âm mưu nào để phá rối trị

an ; tôi thành thực chúc tổ quốc được sung sướng ; lòng yêu Tổ quốc của tôi không thể lay chuyển được dù tôi có bị ngược đãi đi nữa. Một người rất thân của tôi đã cho tôi cái gương ái quốc đó.

Tôi xin trời ban phước cho các con tôi, phù hộ cho chúng có tư cách xứng đáng với người sinh thành ra chúng... »

oOo

Nhưng có lẽ nhờ Monroe đại sứ Mỹ ở Paris (1) mà bà không bị giết. Ít lâu sau phong trào khủng bố dứt hẳn và ngày 21-1-1795 bà được thả. Lúc đó bà mới hay những tin thê thảm về gia đình : bà nội, thân mẫu và chị ruột đều bị lên đoạn đầu đài. Duy có thân phụ là trốn được qua Thụy Sĩ từ trước. Chồng thì bị giam ở Spandau, rồi qua khám Wesel tại Westphalie.

Ở Wesel ông còn tương đối được dễ chịu, dùng một cây tăm viết lên được một bức thư, gửi cho người quen nhờ báo tin cho bà. Trong thư ông kể tình cảnh ở khám, không biết chút gì về những biến cố xảy ra ở nước nhà cả ; cuối thư ông còn dặn bà tiếp tục giải phóng người nô lệ da đen ở Cayenne. Lòng ông thực đáng quý.

Ít lâu sau người ta dời ông qua khám Olmutz.

Olmutz lúc đó thuộc Áo, rất ghét La Fayette, nên tình cảnh của ông rất cực khổ. Khi mới bước vào khám, người ta đã bảo rằng : « Ở đây, Olmutz, tội nhân không còn được chút tin

(1) Sau Monroe làm Tổng thống Mỹ luôn hai khóa 1816-1820 và 1820-1824

tức gì ở ngoài, tên tội nhân không được nói ra vì nhân loại cho họ là ghê tởm ; thế giới coi họ như chết rồi. ».

Mới đầu thỉnh thoảng người ta còn cho ông dạo mát ở chung quanh, tất nhiên là có lính theo sát. Nhờ vậy một lần được một người Mỹ giúp, ông vật được một tên lính canh, nhảy lên ngựa phi. Người bạn bảo ông :

— Chạy lại Hoff ! (Get to Hoff !)

Hoff là một là một địa điểm ở biên giới Phổ. Ông nghe lầm ra là :

— Đông đi (Get off !) và ông đông tới Sterneberg để bị tóm rồi dẫn trở về Olmutz. Từ đó sự canh phòng càng nghiêm, ông không được ra khỏi xà lim nữa.

oOo

Khi được tự do rồi, bà La Fayette về thăm con ở Chavaniac, nhờ bạn bè đưa cậu George qua học Mỹ, rồi lại viết thư xin Washington vận động cho chồng được thả. Vẫn không có kết quả. Thấy vậy, bà nhất định lên đường đi tìm chồng để sống chung với chồng trong khám. Ai cũng bảo bà điên. Còn bị nghị kị, làm sao bà ra khỏi Pháp mà sang Áo được ? Mà dù có qua được Áo thì người ta có cho phép bà vô khám sống chung với chồng không ? Bà tin chắc là được và lòng tin đó giúp bà thắng được mọi trở ngại.

Đại sứ Mỹ giúp tiền và làm giấy thông hành cho bà. Ngày 5-9-1795, bà và hai cô con gái xuống dưới một chiếc tàu Mỹ để qua Hambourg. Cuộc phiêu

lưu cực kì nguy hiểm của bà bắt đầu. Ở dưới tàu bà viết thư cho chồng, nhờ người tìm cách đem lại Olmutz. Bà giấu những tin bí hiểm trong nhà, chỉ khen các con cho chồng vui, không hề phàn nàn, than thở lấy một chút. Cuối thư chỉ có mỗi một câu hơi chua xót. « Ein tin rằng trước kia anh không luôn luôn công bình với em. » Sau mười năm hy sinh, chịu biết bao đau khổ, bà chỉ trách nhẹ chồng như vậy thôi.

Từ Hambourg bà lại Vienne, kinh đô Áo. Trên giấy thông hành bà ghi tên là bà Motier, công dân Mỹ, ở Hartford, xứ Connecticut. Bà không biết tiếng Đức, mà triều đình Áo cấm người Pháp nhập cảnh, như vậy mà bà định vô Vienne thì thực là mạo hiểm. Lạ hơn nữa là bà xoay sở làm sao mà được vào yết kiến Hoàng đế Áo François II xin phép vô khám Olmutz sống chung với chồng. Vua Áo chắc phục lòng hi sinh gan dạ của bà, bằng lòng liền: « Bà được phép vô nuôi ông còn việc thả ông ra thì tôi không làm được, hai tay tôi bị cột cả rồi... Bà sẽ thấy ông nhà được nuôi nấng, tiếp đãi tử tế lắm. Bà tới thì là thêm một nỗi vui cho ông ».

Ngày 15-10-1795 bà và hai cô con gái tới Olmutz. Ngồi trên xe trông thấy gác chuông giáo đường Olmutz in lên nền trời, bà nghẹn ngào, nước mắt ràn rụa. Khi đã bớt cảm xúc bà đọc một đoạn kinh cho hai con nghe: « Thừa Chúa, Chúa cao cả trong thời gian vô cùng. Chúa trừng phạt rồi Chúa lại cứu. Chúa dắt con người tới mồ rồi Chúa kéo trở về, không ai là thoát khỏi quyền lực của Chúa... »

Cánh cửa xà lim bỗng mở ra. La Fayette ngạc nhiên và mừng rỡ làm sao !

Vợ chồng cha con ôm nhau khóc ! Đã bốn năm xa cách.

Thấy ông chỉ còn xương với da, bà vừa thương chồng vừa lo lắng. Ông già hẳn đi mà ông cũng thấy bà già hẳn đi. Năm đó bà mới 36 tuổi mà tóc đã hoa râm. Ông chỉ mờ mờ biết rằng ở nước nhà có một cuộc khủng bố, nay nghe bà kể lại, ông mới kinh hãi và chua xót. Nhưng ông vẫn không ghét cách mạng, chỉ nguyên rủa những kẻ tàn nhẫn thôi. Ông vẫn giữ nguyên tắc của ông từ thuở trẻ

Nhìn phòng giam chật hẹp, tối tăm, ẩm thấp, nệm cỏ thì mốc mà đầy rệp, đồ đạc chỉ có mỗi một chiếc ghế đầu, một cái bình nước, một cái gáo men cho lính dùng, không có dao, nĩa, tới dây lưng cũng bị tịch thu, và hễ muốn bước đi thì ông phải giữ lưng quần, bà rơm rớm nước mắt nhớ lại lời vua Áo sao mà mỉa mai: " Ông được sung sướng, tiếp đãi tử tế. Bà tới chỉ là một nỗi vui thêm cho ông. " Vua Áo đã cho phép bà có thỉnh cầu điều gì thì viết thẳng cho ông. Bà liền viết thư xin cho một người vợ lính vô giúp việc bà, xin người cai ngục trả bà những dao, nĩa, xin mỗi chủ nhật được cùng với hai cô ra ngoài dự lễ. Bức thư đó không tới tay vua Áo, và viên thủ tướng Áo trả lời rằng không thể chấp nhận những lời xin đó được. Thế là cả gia đình phải ăn bốc.

Vì vui vẻ bên cạnh vợ con, sức khỏe của ông khả quan hơn. Trái lại bà sút đi rồi lâm bệnh: Sốt, nổi lác cùng mình, chân tay phù thũng. Bà lại làm đơn xin được lại Vienne trong 10 ngày để trị bệnh. Người ta trả lời rằng có muốn ra thì ra luôn, chứ không được trở vô nữa. Bà không chịu. Khi nào lại

bỏ chồng và con ở lại như vậy. Bệnh càng nặng lên, bác sĩ lo lắng cho tính mạng của bà, nhưng bà vẫn tỏ ra vui vẻ. Mới đầu bà còn dùng cây tăm, chép lại tiểu sử thân mẫu trên lề những trang sách của Buffon, và viết những bức thư gửi lên cho bà con, bạn bè, nhưng sau tay sưng quá, phải thôi.

oOo

Trong khi bà ở trong khám Olmütz thì tại nước nhà, Napoléon Bonaparte lên như diều. Cầm đầu đội quân cách mạng, chàng tuổi trẻ đó xâm nhập Ý, thắng hết trận này đến trận khác, làm cả châu Âu ngạc nhiên; năm 1797, chàng vượt dãy núi Alpes, muốn tấn công Áo. Triều đình Áo hoảng hốt.

Được hay những tin đó, nhất là được biết rằng dư luận quần chúng ở Paris lúc này đã đổi chiều, trở lại với ngưỡng mộ vừa thương vợ chồng mình, bà viết thư về nhờ bạn bè vận động với các vị Đốc chính và với Napoléon để can thiệp với triều đình Áo thả ông ra. Washington cũng vận động thêm nữa, xin vua Áo cho phép La Fayette qua ở Mỹ.

Trong số năm vị Đốc chính có hai vị có cảm tình với gia đình La Fayette ; còn ba vị kia ngại rằng thả hồ về rừng thì rắc rối về sau. Rồi đây La Fayette làm lãnh tụ bọn bảo hoàng lập hiến thì nói làm sao ? Bonaparte lúc đó đã có nhiều tham vọng, cũng không muốn cho La Fayette về vì biết chỉ có ông đáng là địch thủ của mình thôi.

Thành thử bạn thân của ông bà phải vận động rất lâu, mãi sau triều đình Áo mới chịu thả ông, nhưng buộc ông phải cam đoan không trở về Pháp mà cũng không được trở lại Áo. Điều kiện trên

do chính phủ Pháp đưa ra, ông không thể chống lại được ; nhưng điều kiện dưới thì ông không chịu chấp nhận. Và ông có lí. Ông bảo : « Nếu sau này dân tộc Pháp cho ông về nước, lại giao một trách nhiệm gì cho ông và do trách nhiệm đó ông phải qua Áo thì mới làm sao ? Ta thấy Pháp và Áo lúc đó vẫn còn sợ ông lắm.

Rốt cục triều đình Áo cũng phải thả ông và ngày 17-9-1797, ông bà và hai cô ra khỏi ngục thất Olmutz để lên kiều cư Đan Mạch tại Witmold. Tính ra bà đã chịu cảnh giam cầm với ông trong hai năm. Sức khoẻ của bà đã kém lắm. Nếu chỉ ở lại thêm một năm nữa thôi, sợ không sống nổi.

Ở Witmold, nhờ khí hậu tốt và nhờ bạn bè săn sóc, ông bà lấy lại sức. Thư từ trong nước gửi tới rất nhiều, có cả những bức của những người không quen biết tỏ lòng ngưỡng mộ. Ông hiểu rõ thêm tình hình nước nhà, vẫn giữ chủ trương tự do, bình đẳng, chống độc tài bằng mọi cách, lại sẵn sàng chiến đấu cho những lý tưởng đó. Đức tin và lòng gan dạ trước sau không thay đổi. Nhất là bà sau cuộc mạo hiểm đi tìm chồng, sau cuộc vận động cho sự giải thoát của chồng, được dân chúng ngưỡng mộ hơn trước nhiều, coi như một nữ anh hùng của dân tộc.

Khi sức khoẻ đã gần bình phục — bà đi vẫn còn khó khăn vì chân vẫn còn sưng — bà về ngay Pháp để vận động cho chồng được hồi hương, thu xếp việc nhà cửa ruộng nương, đón cậu George ở Mỹ về. Bà thực là một người nội trợ hoàn toàn. Bất kỳ việc lớn việc nhỏ bên nhà chồng và bên nhà mình bà quán xuyến cả.

Trước hết bà đưa gia đình sang kiều cư ở Hòa Lan cho gần tổ quốc hơn, để liên lạc tin tức hơn. Rồi để ông tạm ở lại một mình, bà về Paris với hai cô và một người rề (cô Anastasie đã thành hôn ở Đan Mạch với bá tước De la Tour Maubourg, con trai một chiến hữu của ông, cũng bị giam ở Olmutz với ông), ở nhờ nhà một người quen, gia đình Beauchet.

Paris đã khác hẳn xưa. Bà tưởng còn phải thấy những di tích của những cuộc khủng bố bốn năm trước, thấy những cảnh hoang tàn, những vẻ mặt đăm chiêu, lo lắng, sợ sệt : nhưng tuyệt nhiên không còn gì cả : dân chúng vui vẻ sống, nhiều kẻ rách rưới thật đấy, nhưng cũng có vô số kẻ xa hoa, phần nhiều là bọn mới phát lên. Những nơi đồ máu thời trước nay đã biến thành những công viên hoa lá rực rỡ. Cửa hàng đông đúc, đường xá tấp nập. Chỉ có cây Tự do trong hồi đầu cách mạng là, nay đã chết khô ; và những đường mang tên thánh, thì chữ *thánh* bị bôi bỏ như đường Saint Honoré thành ra đường Honoré ; kiểu xe cộ cũng khác nhất là y phục giản dị hơn, nhưng cũng mỏng manh hơn, kêu gọi hơn. Hỏi về những chuyện cũ, người ta bảo : «Ồ ! xa lắc xa lơ rồi ! Phải sống chứ ! dĩ vãng, chôn nó đi !»

Chân vẫn khắp khiễng, bà suốt ngày đi thăm người này người khác, vận động với cơ quan này, chính quyền nọ để xin chính quyền cho chồng và thân phụ bà được bôi tên khỏi sổ các quý phái trốn nước, nếu không thì được phép hồi hương mà quản thúc ở một nơi nào đó. Rồi lại xin chính phủ trả lại những đất cát đã bị tịch thu.

Tới đâu người ta cũng lễ phép tiếp đón bà nhưng thời đó là thời không ai dám lãnh trách nhiệm, nên người ta chỉ hứa hão thôi, không giúp bà được gì, Bà chạy rạc người đi, lên cơn sốt mà vẫn không được nghỉ. Cụ thân sinh và ông chồng ở xa không biết những nỗi khó khăn đó, thư nào cũng thúc phải « vận động mau lên, sao mà chậm quá vậy ! » Đúng là không ai công bình với bà, như có lần bà đã phàn nàn.

Trong khi đó những cô em chẳng giúp bà được gì, có cô lại còn trách tánh bà như tánh đàn ông. Có lúc bà phát gắt lên vì không ai hiểu mình, và ông viết thư vổ về :

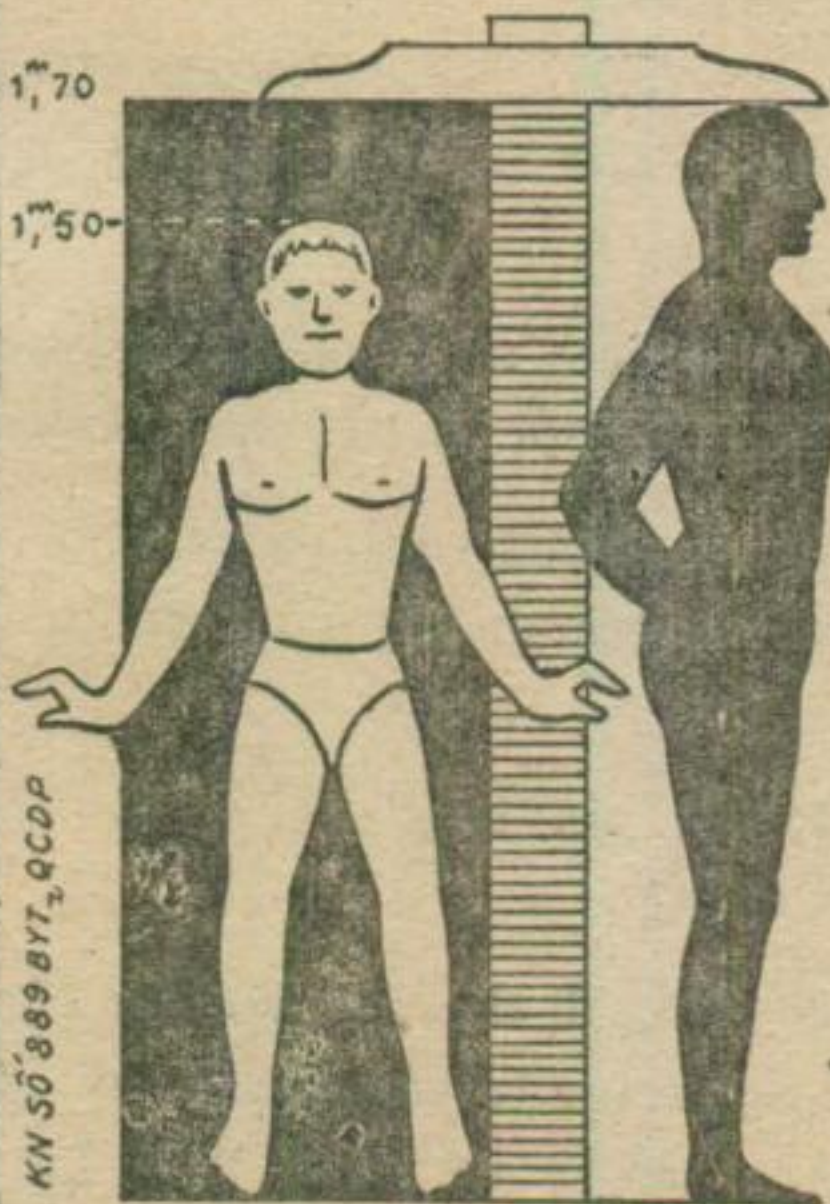
« Hỡi lòng của anh ơi, anh đã vô tình làm phật ý em, chính em có lí, anh ân hận lắm. »

(Còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN HIẾN LÊ

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON _ VỪA BỔ?

_ CON NÍT MÁU
BIẾT ĐI

_ CỨNG XƯƠNG.

_ MẠNH KHOẺ .

_ NGƯỜI LỚN
CỨNG RĂNG .

_ ÍT ĐAU RĂNG.

_ BỆNH YẾU PHỔI.

_ HO _ MỆT MỎI .

_ MỖI LẦN PHA 1 ÔNG
VÀO NỬA LÍT NƯỚC,

_ CẢ GIA-ĐÌNH UỐNG THAY
THẾ NƯỚC GIẢI-KHÁT.

● MỘNG - TRUNG

(Xin xem BK.TĐ. từ số 215)

Hôn nhân dị chủng

Chắc bạn mỉm cười vì mặc dầu tôi chưa nói là tôi tán thành hay chống đối hôn nhân dị chủng, nhưng đọc đến đây, bạn đã hiểu rõ tôi lắm rồi.

Bạn chỉ còn có việc đặt câu hỏi như nhiều độc giả đã gửi thư hỏi tôi từ lâu nay :

— Vì sao tôi đề cập đến vấn đề hôn nhân dị chủng ?

— Vì sao tôi cứ mãi nói chuyện ly dị của vợ chồng dị chủng ; có lẽ tôi tin vào sự bền chặt của vợ chồng đồng chủng chẳng ?

— Vì sao tôi cứ tìm tòi nguyên nhân ly dị của người ta và mãi nhấn mạnh rằng những người này ly dị nhau là do « khác biệt chủng tộc » ; có lẽ tôi kỳ thị chủng tộc chẳng ?

— Vì sao tôi ca tụng tình thương và đề cao trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ ; có lẽ tôi e con tôi thiếu bổn phận đối với tôi chăng ?

— Và vì sao tôi chống đối hôn nhân dị chủng ; có lẽ tôi lo cho các con tôi có đôi bạn dị chủng rồi chúng sẽ quên công sinh dưỡng của cha mẹ và xa hẳn quê hương, giống nòi chẳng ?

Vậy để trả lời từng câu hỏi trên đây tôi xin đồng thời trình bày cùng bạn thiện kiến của tôi về vấn đề hôn nhân dị chủng.

1) Sở dĩ tôi đề cập đến vấn đề hôn nhân dị chủng là vì, như bạn đã thấy : cuộc tình duyên dị chủng đang ở trong tình trạng truyền nhiễm và hậu quả của nó đã gây bao nhiêu tai hại bi thảm cho hai thế hệ trẻ già. Rồi khi tấn thảm kịch xảy ra thì con cái thường đổ lỗi cho cha mẹ đã đem họ sang đây, liệng họ vào giữa xã hội xa lạ, bắt họ hấp thụ giáo dục của người bản xứ mà lại không đồng ý cho họ có một đời sống tình cảm như người bản xứ. Ở trong nếp sống

thể nào thì họ thích nghi như thể ấy; đó là di nhiên cũng như con cắt kẻ thay màu da tùy theo sắc lá cây mà thôi. Còn phía cha mẹ thì trách móc con cái là quên ơn, bội nghĩa, vong bản, ích kỷ, không nhớ đến tổ tiên đất nước, không kể tình sanh dưỡng thiêng liêng.

Nói như vậy không có nghĩa là hết thảy những ai đã xuất ngoại khi đã trưởng thành cũng sẽ trở về nước lập gia đình với người đồng chủng. Vì hẳn bạn cũng có thấy thiếu chi người chưa xuất dương mà đã vọng ngoại, tự ti, khinh khi bất cứ cái gì của mình và trọng vọng bất cứ cái gì của ngoại bang Tây-Phương, những người ấy khi đã sang Âu rồi thì không còn có cái gì có thể giữ họ lại được với nòi giống họ ! Nhưng trong trường hợp đó, dầu sao, họ đã lớn, đã ý thức rõ rệt và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc làm của họ, không như những con chiên non lạc đàn, ngư ngắc đại khờ, bị ảnh hưởng tai hại của ngoại cảnh trong nhất thời cũng đủ làm lỡ, chỉ vì ham muốn vui chơi mà làm hư hỏng cả cuộc đời mình.

Thật ra, có những cha mẹ cho xuất ngoại khi chúng còn non dại và cứ đinh ninh rằng : Sang bên này tự nhiên chúng sẽ học, sẽ giỏi, sẽ thi đỗ, sẽ thành người khôn ngoan, đứng đắn và sẽ về nước lập gia đình với người đồng chủng sẽ phục vụ gia đình, quê hương, nòi giống. Những cha mẹ đã không hề lo nghĩ rằng : con mình còn non nớt, một thân sống ở quê người chúng sẽ bơ vơ thiếu thốn mọi phương diện, chúng sẽ khó tránh những ảnh hưởng xấu xa khi chúng thiếu sự chăm sóc và nâng đỡ thường trực của gia đình.

Theo tôi, vốn tinh thần không phải chỉ là một vài câu dặn dò chi li rót vào tai một em trẻ trước khi lên đường xuất ngoại, mà là cả một giáo dục căn bản dựa trên nhân phong, trên tinh thần lành mạnh có tánh cách xây dựng, trong đó tinh thần trách nhiệm quan trọng nhất. Nó làm cho người ta tự giác về vai trò của người cha, người mẹ, người vợ, người chồng, chưa kể cái trách nhiệm người dân của một nước và cái nghĩa lý đời sống một con người trong trời đất.

Thiết tưởng người ta phải ý thức rõ rệt về tinh thần trách nhiệm, hợp với tình thương gia đình và quê hương mới đủ làm lợi khi giữ mình và lái cuộc đời mình cho hợp với tình, lý, với đạo người, họ sẽ có thể chững chạc vững chơn bước lên chiếc cầu đời mà mọi người đều phải đi qua, để tránh rủi ro nguy hại cho bản thân họ, cho mọi người thân yêu, kể cả người bạn đời của họ.

Vì vậy, viết bài này, tôi có ý niệm trình bày thực trạng bi đát, phức tạp, những khúc chiết mâu thuẫn khó nổi hình dung trong đời sống vợ chồng dị chủng đã khiến họ không được hạnh phúc hoặc phải ly dị nhau, với tham vọng đem lại những nhận xét có tánh cách báo động để các bậc phụ huynh

ở quốc nội hoặc cần thận hơn trong việc cho con xuất ngoại quá sớm, hoặc không qui lỗi hoàn toàn cho con cái khi chúng lập gia đình với người ngoại quốc.

2) Vì sao tôi nói chi li về chuyện ly dị của vợ chồng dị chủng ; có lẽ tôi tin vào sự bền chặt của vợ chồng đồng chủng chẳng ?

— Tôi nói nhiều về ly dị của vợ chồng dị chủng vì số người này được hạnh phúc và ăn ở bền bỉ với nhau ít hơn số người ly dị nhau hay đang sống với những đau khổ, hối tiếc dai dẳng trong khoảng đời còn sót lại của họ. Tôi nghĩ rằng : những chi tiết không hay mà tôi đã trình bày với bạn đó, may ra nó sẽ thành một số điểm kinh nghiệm cụ thể khiến cho những ai muốn thám hiểm, phiếu lưu nơi vùng đất quyến rũ tuyệt vời nhưng chứa đầy chương ngại đó sẽ có nhiều dè dặt hơn bởi vì phần suy gẫm chắc hẳn họ không thiếu.

Nói như vậy không có nghĩa : một khi là vợ chồng đồng chủng thì gia đình sẽ mãi mãi bền bỉ hạnh phúc, vợ chồng sẽ mãi mãi chung thủy với nhau, còn tất cả vợ chồng dị chủng đều không được hạnh phúc và đều ly dị với nhau. Nhưng nếu đã là vợ chồng đồng chủng mà cũng vì lý do này hay nguyên nhân nọ mà đi đến đồ vỡ, không chung thủy với nhau, thì tôi lại càng không tin ở hạnh phúc được bền chặt nơi vợ chồng dị chủng. Người ta đắn đo, chọn lọc, yêu thương nhau thực sự, có đầy đủ kinh nghiệm và yếu tố tạo hạnh phúc như nhiều trường hợp tôi đã trình bày cùng bạn lâu nay — mà lắm khi còn gặp đồ vỡ. Phương chi, lấy người dị chủng mà tiếng « hiểu » và « yêu » theo nghĩa của một số bạn trẻ chỉ là một cái « mốt » hay đề phiếu lưu, « hạnh phúc » chỉ là « chiếm đoạt » được trong một thời gian nào đó, thì tránh sao cho khỏi đồ vỡ về sau ? mặc dầu quan hệ bền chặt của hôn nhân ở cùng khắp trong thời này không căn cứ trên tờ giá thú, nhưng quan niệm tạo hạnh phúc, lập gia đình, theo cái lối như đòi được ăn, khát được uống, như một người tay ngang nặn bột làm bánh, nặn đất làm tượng, được thì may mà có méo mó hư hỏng nát đất, nát bột thì nhồi đi nắn lại mãi đến khi chán hay hỏng bét thì vứt bỏ, thì thật là người ta vì vô ý thức, vì ích kỷ cá nhân mà phạm những tội lỗi không thể dung thứ là làm hư hỏng, đau khổ những đứa con vô tội của họ.

Nếu họ không cần đến quê hương, cha mẹ, giống nòi mà họ cũng được hạnh phúc tức là họ sống hoàn toàn cho cá nhân họ. Trong trường hợp đó, quê hương cha mẹ, giống nòi mất họ đã đành, mà chính họ, hoặc phải suốt đời sống trong thế giới của người yêu mà xa quê hương, hoặc đã về nước nhưng vẫn phải tùy theo nếp sống riêng biệt của gia đình họ mà họ không có thể hoà mình được với đại gia đình, sống cách biệt hẳn với thân thuộc, đồng chủng, họ cũng mất mát rất nhiều và con cái họ cũng chịu ảnh hưởng không ít về sự mất mát đó.

3) Vì sao tôi cứ tìm tòi nguyên nhân ly dị của vợ chồng dị chủng và mãi nhấn mạnh rằng những người này ly dị là do sự « khác biệt chủng tộc », tôi kỳ thị chủng tộc chẳng ?

— Thừa rằng : người nước nào cũng có kẻ xấu người tốt và ai ai cũng có

nhân tính và tình cảm như nhau. Không thể nói rằng đã yêu nhau nhưng vì khác nòi giống mà không nên lấy nhau. Sự nhấn mạnh về điểm vợ chồng dị chủng ly dị chỉ vì «khác biệt chủng tộc» của tôi, không có nghĩa là tôi không ưa dân tộc khác, và một khi đã khác biệt chủng tộc thì đừng lấy nhau.

Nhưng không ai có thể phủ nhận được một sự kiện hiển nhiên là đã không cùng một nòi giống, một nguồn gốc, không cùng một nếp sống, một phong tục, một giáo dục thì khó mà hòa hợp dễ dàng với nhau về mọi khía cạnh để có thể cảm thông nhau trong mọi hoàn cảnh, theo dõi nhau trong mọi gian khổ, chịu đựng nhau để mà ăn ở lâu dài với nhau. Và một khi bị ràng buộc với nhau bằng những cơ cấu lỏng lẻo như vậy mà lại sống trong một xứ mà mọi người đều được tự do tốt độ trong lãnh vực tình ái, trong một thời đại mà khắp nơi mọi giá trị đều bị lật ngược, mọi trình trảng đều bị dày xéo, chỉ có sức mạnh tiền bạc là lẽ phải, chỉ có đời sống vật chất và xác thật là quan trọng thì hạnh phúc của vợ chồng dị chủng, muốn vững chắc, phải được cắm sào trên bến đời nhung lụa, xa xỉ, hay ít nhất cũng được mọc rễ trên cái tiện nghi (!)

Nhưng nhung lụa và tiện nghi ở đâu mà ra hở bạn, nếu mình không phí cả tâm sức và cuộc đời mà mua lấy nó ?

Không có nó mà lấy người dị chủng thì chín mươi phần trăm mình bị thất bại. Vì nếp sống ngàn xưa của tổ tiên mình là ăn cần ở kiệm, học bằng đèn trời viết bằng lá chuối, tinh thần đó đã đẻ ra nếp sống của chúng ta ngày nay không thích hợp với sinh hoạt bình thường hiện hữu của người Âu-Châu chút nào. Rồi bây giờ, dân tộc ta còn nghèo khổ hơn trước nhiều, nghèo đến hạt cơm, thiếu áo, ngủ bờ, chết bụi !

Tôi đã có nói với bạn : có người chỉ mới thấy đất nước và dân tộc người yêu khốn khổ, nghèo đói vì chiến tranh qua phim ảnh là đủ lấy đó làm lý do ly dị. Trong lúc đó, thử hỏi, có một lứa đôi người Việt nào vì lý do nước mình nghèo, dân mình khổ mà từ khước dân tộc quê hương mình và ly dị với nhau chẳng ?

Cho nên tôi nhấn mạnh chỗ vợ chồng dị chủng ly dị nhau vì lý do «khác biệt chủng tộc» là chỉ đề hỏi nhỏ bạn rằng : những sự kiện tôi kể lại từ lâu nay có cho ta được thêm chút nào suy gẫm trước một mối tình có thể bất kham để ta cố gắng tự chế ngự đừng vội vàng đi đến mà gây khổ cho nhau không ?

Ở đoạn đầu vấn đề này, tôi có nói cùng bạn rằng nhiều người cho việc đi đến hôn nhân với người dị chủng hay ly dị là việc riêng của họ. Họ làm chủ cuộc đời họ, hạnh phúc họ nhờ, đau khổ họ chịu, thương thì lấy, hết thương thì bỏ, không quan hệ chi tới ai mà phải bàn bạc.

Nhưng lại có một số người, trong ấy có tôi, chẳng những không đồng ý với những người trên mà còn chống lại cái quan niệm nông nổi và ích kỷ tốt độ đó nữa. Tôi thấy những người đó không ý thức được quan hệ bền chặt hay tan rã về hạnh

phúc của họ có ảnh hưởng xấu, tốt thế nào trong thân quyến và ra ngoài xã hội. Vả lại, "gia đình" không phải chỉ có mỗi mình họ ? Tôi quan niệm lập gia đình với mục đích xây dựng thì, ngoài tình yêu ra, không phải người ta tìm một người đàn ông hay một người đàn bà mà là tìm một sự hòa hợp tương đối về mọi khía cạnh của hai con người, để họ có thể tựa vào nhau vừa sống một cuộc đời phù hợp với luật thiên nhiên, vừa đem sinh lực và năng lực tạo tác và bồi dưỡng cho thế hệ ngày mai, mà những phần tử gần với họ nhất trong thế hệ đó là con cái của họ.

Đi đến hôn nhân, lập gia đình, người ta chuẩn bị một kết hợp cho tình yêu xây dựng, một bắt đầu cho sự kiến tạo hạnh phúc vững bền vun quén bằng trái tim và lý trí. Người ta tìm một người cha, một người mẹ xứng đáng cho những đứa con và chịu trách nhiệm về nó cho đến lúc trưởng thành, chứ không như một số đông thanh niên nam nữ ngày nay xem hôn nhân như một trò chơi và coi thường trọng trách của họ đối với những cuộc đời, những sanh mạng vô tội mà chỉ có họ, do họ, mới có trên mặt đất này. Đã rõ ý niệm của tôi về vấn đề này chắc bạn không còn nghi tôi là kỳ thị chủng tộc nữa.

4) Vì sao tôi ca tụng tình thương và đề cao trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ ; có lẽ tôi e con tôi không thương và thiếu bổn phận đối với cha mẹ chăng ?

— Tôi ca tụng và đề cao hai điểm đó, không phải tại tôi đứng về, thuộc về phía cha mẹ hay vì ích lợi riêng cho cá nhân tôi, mà vì giáo dục gia đình và kinh nghiệm bản thân cho tôi hiểu rằng : Con cái không phải chỉ là kết quả sự gặp gỡ của hai giống người mạnh và yếu. Cũng không phải là một món nợ do thú tính của con người để ra mà sau đó họ phải nhận lãnh trước công lý của xã hội loài người. Dưỡng nuôi con cái không phải là một công việc bắt buộc của cha mẹ trước pháp luật đối với một hiện tượng của họ đã tạo ra như tôi thường thấy, mà tôi ý thức rằng : con cái là sự cấu tạo của tình yêu và lý trí, sự kết hợp của trung thực và xây dựng lâu dài. Chúng là cái phúc của nhà, cái lợi của nước, là nguồn vui thú, là lẽ sống của đời người và là sức mạnh của dân tộc. Trừ hạng cha mẹ yêu tình, có con chỉ tại phá thai không được hay vì một lý do ích kỷ nào đó — khi con còn nhỏ họ nuôi con cho đừng chết đói, đừng rách rưới để đừng bị thiên hạ cười chê, hoặc giao trọn sanh mạng chúng cho vú em, người ở, rồi khi chúng gần đến tuổi trưởng thành hoặc gần có đôi bạn, thì họ lại đóng kịch, căng, lo, để con cái tưởng mình cũng hết đạo làm cha mẹ như thiên hạ, hòng khi già yếu còn nhờ nương tựa lại chúng — còn thì kẻ làm cha mẹ người Việt ở thế hệ chúng tôi, hầu hết dưỡng nuôi con cái, không những vì trách nhiệm mà với rất nhiều hy sinh và tất cả tình thương.

Những bà mẹ không từ chối thiên chức của mình đã làm thành cuộc sống tung bừng trên quả địa cầu. Những bà mẹ xứng đáng, biết rõ trách nhiệm mình là những anh hùng chiến đấu trường kỳ trong bóng tối. Tình thương và hy sinh vô biên của họ ví như bàn tay thần mầu nhiệm, luôn luôn kiên nhẫn hàn gắn khó khăn, vá liền cơ khở, chuyển được sức sống trong người vào những sự sống

mà họ đã tạo ra cho nó nầy nở, lớn khôn và vô nắn nó trở thành những người hữu dụng cho đời.

Với suy gẫm đó làm cho tôi thấy người mẹ đã tự biến mình ra thành chất phần của những đứa con mình. Như vậy ca tụng tình thương và đề cao trách nhiệm con cái đối với cha mẹ là việc rất hợp với lẽ phải và đạo người. Sự nghiệp của con cái là huy chương và tình thương là phần của cha mẹ đó.

Tình thương và trách nhiệm đã đánh giá, đề cao và tô điểm sự nhận và cho, vay và trả một cách hợp lý đem nhuần đẹp đẽ, cao quý giữa cha mẹ và con cái. Chẳng những nó là một bánh xe nhân đạo, công bằng, luân chuyển đời đời nối liền thế hệ này với thế hệ kia bằng sợi giây thiêng liêng, buộc ràng bởi những kỷ cương, giá trị thuộc về nhân tính và nhân phẩm, mà còn cho người ta biết rõ mình là con người, nghe mình trưởng thành trong tâm não trước khi trưởng thành về hình vóc và tuổi tác, bởi nó là một mầm mống cho ta nhiều thứ tình thương khác, là một cái ngòi dẫn ta đến tình thương cội rễ để ta có thể hiểu mà đi đến hoặc có được tình thương vị tha và to rộng hơn.

Đứa con nào không kính thương và không biết trách nhiệm đối với bậc cha mẹ, xứng đáng tôi tưởng nó sẽ lạc loài và không có thể biết sung sướng đích thực của cuộc đời. Bởi sau này nó không có thể thương ai một cách trung thực và khó mà ý thức được trách nhiệm của nó đối với ai cả.

Con người không tình thương và vô trách nhiệm, tưởng không có gì nhục nhằn khổ sở cho bằng.

Cuộc sống đầy tình thương và trách nhiệm chắc chắn sẽ tạo được một sức mạnh xây dựng cao đẹp không ngừng cho con người muôn thuở, như ánh dương huy hoàng, chan hòa trở lại thường nhật và bất diệt với chúng ta. Thiết tưởng nó rất đáng ca tụng và đề cao phải không bạn?

MỘNG-TRUNG

Những bắn khoăn, những nghịch ngợm, những thèm khát xác thịt của lớp người trẻ như Vũ, như Định, như Vinh, đang lặn lạng vào chiến cuộc đêm đêm, đón chờ sự quyết định mạng sống của mình trong một khoảnh khắc rủi may, những tiếng gọi mê sảng của người này qua làn sóng điện chiếc máy C 10, những bước chân người kia chập choạng dưới trăng chạy tìm đứa bạn đồng ngũ hấp hối đâu đó trên một chiến trường mà địch quân chưa kịp rút... Những chị Ba, anh Ba, những người dân quần quai giữa hai quyền lực của ban ngày và ban đêm... Tất cả quần quít lấy nhau, chen lấn nhau, chan hòa vào nhau, làm một, trong cuộc sống thảm thương của hiện tại, và trong...

TIỀN ĐỒN

của THẾ UYÊN do THỜI MỚI vừa phát hành

LÃNH NHUỘM VÀ HOÀN TẮT HÀNG VẢI NỘI-HÓA

Sẽ bắt đầu khai thác từ 2-5-67

Nhà máy Nhuộm tối tân của Công-Ty

KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI VIỆT NAM

S I C O V I N A

tại Phong-Phú THỦ-ĐỨC nhận lãnh : Phiếu, Nhuộm,
Hoàn-tắt hàng vải đủ loại, khổ rộng từ 1^m đến 1^m40.

CHUYÊN :

- ★ Phiếu trắng, nhuộm màu đủ các loại vải Coton, Polyester, Polyester / Coton, Nylon 6, Nylon 6-6, Nylon / Viscose, Nylon / Coton; Tơ-tằm (Soie naturelle) Rilsan, v. v...
- × Nhuộm và hoàn-tắt đặc-biệt các loại hàng dùng may quần áo Âu-Mỹ khổ 1^m40.
- ★ Bảo đảm hoàn-tắt hàng vải với các chất hóa-học mới nhất, các loại hồ đặc-biệt bằng những phương-pháp tinh-vi nhất thế-giới hiện nay : không co rút (irrétrécissable), không nhăn (infroissable), đốt không cháy (ignifuge), không thấm nước (imperméable), không thối (imputrescible)...

ĐẶC - BIỆT :

Nhuộm các loại vải đen : Xiêm lág, Ú, San-đầm với danh hiệu CHENT ' CLAER và PERFECT CHENT ' CLAER đúng theo phương-pháp GILLET-THAON (Pháp-quốc).

— Có máy EVASET để chế-biến các loại vải không co rút.

Kết-quả bảo-đảm :

Vì năng-xuất nhà máy có giới hạn, kính mời Quý vị Công-Kỹ-Thương-gia có hàng vải mộc cần hoàn-tắt, xin liên-lạc gấp (mỗi buổi sáng từ 8 giờ đến 12 giờ) :

- Nhà máy Nhuộm Phong-Phú (THỦ-ĐỨC) « Khu KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI PHONG-PHÚ của Công-Ty SICOVANA » cạnh xa-lộ và ngang làng Đại-học THỦ-ĐỨC.
- Nhà máy Nhuộm An-Nhơn (GÒ-VẤP).

Kính cáo,

S I C O V I N A

Công-Ty KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI VIỆT-MAN

4, Lê-Lợi — SAIGON

TRUYỆN NGẮN

LÊ-TÁT-ĐIỀU

Buổi chiều



« . . . Hiền yêu dấu,

Em buộc anh : « Nếu còn cầm bút, anh phải viết say mê với những cảm xúc chân thành. Phải yêu thương sự thật hơn yêu em ». Anh có một sự thật hoàn toàn mới để gửi tặng em đây. Anh vừa qua một buổi chiều kỳ lạ. Gánh nổi sầu dài của một thế kỷ làm người có lẽ còn nhẹ nhàng hơn những giây phút nặng nề mình phải sống trong một buổi chiều. Đêm qua anh không ngủ được vì lo lắng và đêm nay anh cũng muốn mở mắt cho tới sáng. Bóng tối sẽ làm mất mọi những ý nghĩ buồn phiền. Qua bóng tối anh sẽ thấy tâm hồn mình rõ hơn, và thấy cả khuôn mặt em với nụ cười an ủi.

Trước khi mời em làm khán giả danh dự thưởng thức màn hài kịch mà anh đóng vai chính, anh phải có đôi lời giới thiệu một nhân vật không kém quan trọng : đó là ba anh. Em đã gặp ông một lần và kết luận ông có nét mặt phúc hậu rồi suy ra rằng có lẽ ông rất hiền. Nếu được nói chuyện với ba anh vài lần, chắc chắn em sẽ thay đổi lập trường. Ông thuộc loại người không bao giờ thềm nhận là mình lầm lẫn. Ông có thể trình bày về bất cứ vấn đề gì. Những người nghe ông, nếu yêu chuộng hòa bình, đều phải coi những điều ông nói là chân lý. Hiện giờ ông làm thư ký đánh máy ở một sở của người Mỹ. Số lương ông lãnh nhiều gấp hai lương anh và ông khinh bỉ nghề làm văn ra mặt.

Cha con anh ít có dịp nói chuyện lâu với nhau. Vì thời khóa biểu khác biệt, có ngày anh chỉ gặp ông vài phút trước khi đi ngủ. Như phần lớn các người cha Á đông, ông chỉ nói nhiều khi cần phải trách móc. Những lời thương mến được coi là ủy mị, đáng ghét. Lâu lâu, khi cần sửa sai anh điều gì, ba anh nói với mẹ anh. Bà cụ đợi giây phút thuận tiện để nhắc lại cho anh nghe. Anh trình bày quan niệm riêng hoặc tự bào chữa. Bà cụ lại tìm giờ thuận tiện để thương thuyết với ông cụ. Vị sứ giả này yêu hòa bình và tôn trọng cả hai phe nên đã biến thành một cái máy lọc rất tốt. Những

lời khiển trách gay gắt của ba anh được chặt đầu, xén đuôi cho bớt nặng nề. Còn bài biện luận của anh nếu có hùng hồn, phạm thượng quá thì bị bà cụ kiểm duyệt bỏ toàn bài. Ông cụ mắng anh qua tai bà cụ xong, cảm thấy thoải mái, chẳng cần phải tính chuyện mắng leo thang. Và anh, sau khi múa men tay chân trước mắt bà cụ để bảo vệ lập trường thì cũng yên tâm, không lo phải chiến đấu tới lời nói cuối cùng.

Cha con anh luôn luôn tìm được nền hòa bình trong danh dự. Bà cụ trong lúc chạy đi chạy lại nhận thông điệp của hai p'ê, thấy nơi nào cũng có chân lý nên yên tâm. Gia đình anh êm ấm một cách trầm lặng.

Chính vì thế mà những ngày sau này, ba anh suy nghĩ, tính toán những gì, anh không hề biết. Khoảng cách giữa hai tâm hồn cha con rộng mênh mông. Nơi gặp gỡ duy nhất là bốn phận phải trông nom gia đình. Sự nối kết chặt chẽ và lạnh lùng như hai lần đường sắt xe lửa. Các quyết định của ông, đối với anh, đột ngột, bất ngờ như những viên đạn đại bác rơi xuống một thành phố đang yên lành, say ngủ.

Có nhiều lý do khiến ba anh đi tới những quyết định ấy. Xung quanh gia đình anh, tiền bạc đã làm nở rộ những tràng cười thoải mái, kiêu hãnh. Ông tài xế taxi đã xây xong căn nhà đúc ba tầng, đêm đêm kéo bạn bè về, nhậu nhẹt trên sân thượng, du hí tới gần giờ giới nghiêm. Trên nóc nhà bác cai kho thì vừa hùng dũng mọc lên cái cột ăng-ten máy Truyền hình sáng lấp lánh. Cái máy truyền hình có lẽ là một trong những nguyên nhân sâu xa nhất. Nó nhắc nhở cái nghèo của những người hàng xóm vô duyên hơn bác cai kho. Nó thôi thúc niềm ước mơ của những đứa trẻ nhà nghèo. Tiền bạc vây phủ quanh gia đình anh, tiền bạc xâm lăng trí óc anh.

Ba anh và anh có thể bình tĩnh, chịu đựng sự thiếu thốn, quên cái nghèo. Nhưng mấy đứa em nhỏ nhất của anh thì không bao giờ quên cả.

Em còn nhớ anh chàng Thanh không? Con người giàu có tốt bụng đã làm cho chúng ta cảm động ấy mà. Anh Thanh cũng là một nhân vật mờ nhạt đầy cho màn hài kịch sớm tới hồi gay cấn. Có một hồi anh Thanh muốn làm một vị Mạnh thường Quân, giúp đỡ anh trên phương diện vật chất để anh tiếp tục viết. Anh ấy mến văn anh. Nhưng anh biết rằng ở thời đại này, vai trò Mạnh thường Quân xuất hiện trên sân khấu đời thường không lâu quá ba tháng. Để giữ cho tình bạn lâu bền, anh không dám nhờ anh ấy một việc gì quan trọng và thường đợi anh ấy đề nghị trước. Một hôm, đến thăm anh vào buổi tối, thấy lũ trẻ kéo nhau đến chợ để coi vô tuyến truyền hình, anh Thanh nói:

— Cậu lên nhà tôi lấy máy về cho tụi nó coi. 19 inches, hình rõ lắm. Mấy đứa em tôi chê chương trình dở, có đứa nào rờ tới đâu.

Thanh biến thành thần tượng của lũ trẻ khi chúng biết hảo ý của anh

ta. Chúng sung sướng và hồi hộp chờ. Chúng khoe với lũ trẻ hàng xóm và hứa hẹn sẽ cho mấy đứa kia những chỗ ngồi coi cộp danh dự. Niềm hy vọng của chúng kéo dài mãi cho đến lúc Thanh cho biết là đã lỡ để gia đình người yêu mượn máy rồi, không tiện đòi.

Những truyện tình cờ, lần thần như thế làm tăng sự «say mê Ti Vi» của mấy đứa em anh. Bác cai kho mua máy về, chúng liền nhập bọn với lũ trẻ bu đầy trước cửa nhà bác mỗi tối. Chúng đứng bám ở cửa sắt hoặc ghènh cở nhìn qua cửa sò. Vài đứa đem cả ghế đến để khỏi bị đứa đứng trước chặn tầm mắt.

Hai đứa em nhỏ nhất của anh, thằng Dũng và bé Thùy Dương tối nào cũng dắt nhau đến cửa nhà bác cai kho chờ từ bảy giờ. Hình ảnh thần tượng Thanh với lời hứa hảo huyền bị đập đổ dễ thay bằng hình ảnh bác Cai. Bác Cai là nguồn vui, là hạnh phúc của chúng mỗi buổi chiều. Chúng nhìn bác ta một cách triu mến. Những ngày bác đi làm về muộn, lũ trẻ ngồi lê la ở trước hiên chờ đợi một cách lo lắng.

Mấy đứa em lớn của anh cũng mê vô tuyến truyền hình. Nhưng chúng có bòn phận, tự ái và danh dự nữa. Anh chỉ cần nhắc nhở vài lần là chúng không dám nhập bọn với lũ trẻ. Dũng và bé Thùy Dương thì chả có nhiệm vụ gì ngoài việc vui chơi và đừng làm phiền người lớn. Bé Thùy Dương mới có 5 tuổi, ở nhà bác cai kho về bao giờ nó cũng lú lo kè «truyện Ti Vi». Cách đây hơn một tuần bé Thùy Dương bị một tai nạn nhỏ. Bác cai kho mới thay rèm cửa bằng loại vải dày như nhung, màu hồng. Một phần cửa chính, cửa sò nhà bác bị che kín. Đám khán giả Ti Vi thường trực của bác gặp khó khăn trong việc coi cộp. Chúng chen lấn xô đẩy nhau. Một lần chẳng hiểu chúng xô cửa sắt thế nào mà ngón tay cái bàn tay phải của bé Thùy Dương bị kẹp tím bầm, giập móng, chảy máu. Thằng Dũng thấy em bị nạn thì cuống lên, túm chặt lấy thằng bé thủ phạm để vừa chửi vừa dấm đá. Bé Thùy Dương cứ đứng khóc ngặt nghẽo, tay kẹt cứng trong cửa sắt cho đến lúc có người lớn tới. Hai đứa lùi thối dắt nhau về. Bé Thùy Dương, tay trái nắm chặt ngón tay bị thương giơ lên vừa đi vừa run. Nó đi lom khom như những lần giả làm «bà Còng đi chợ trời mưa». Thằng Dũng thì cố giữ cái vạt áo rách toang, để hở cả sườn. Đến cửa, nó đã kể tội đích thủ phạm. Bé Thùy Dương khóc mãi mới nói được.

Hôm đó chính ba anh băng bó cho nó. Ông cúi kính, quát tháo và ra lệnh mới. Vụ coi cộp vô tuyến truyền hình ở nhà bác cai kho bị cấm hẳn. Tối hôm sau, bé Thùy Dương quanh quẩn bên mẹ ở trong nhà vì ngón tay đau hành hạ. Thằng Dũng ra cửa đứng ngó về phía nhà bác cai kho một cách thèm thuồng. Mấy hôm sau, mặc dầu ngón tay còn bị băng to tướng và ban đêm cơn đau còn làm nó giật mình thức giấc, bé Thùy Dương cũng ra cửa đứng và cùng nhìn một hướng với thằng anh. Khi lũ trẻ ở trước nhà bác Cai reo lên, hai đứa vội mỉm cười để hưởng ứng vu vơ. Lệnh của ông cụ không cho phép chúng ra khỏi cửa. Nhưng có sự độc tài nào tiêu diệt được các ước mơ? Hai đứa còn nhỏ quá. Anh chỉ biết bần khoăn. Nói thế nào để chúng ghét bỏ được một thứ chúng đang say mê? Nhà bác cai kho lại quá gần nhà anh,

Sang năm may ra thằng Dũng đủ lớn, đủ trí khôn để thích hợp với đường lối giáo dục Á đông cổ truyền. Lối dạy dỗ đem cái tát tai thay cho một lời giải thích. Nhưng bé Thùy Dương ? nó có quyền không chịu hiểu còn lâu. Nó có một lối tỏ sự bất mãn, chống đối rất đặc biệt. Nó không khóc, không kỳ kèo khiêu nại nhưng nó vẫn âm thầm chống đối sự nghèo khó của gia đình. Đôi mắt nó tròn sáng, trông đen lớn, khuôn mặt bầu bĩnh, trắng trẻo, cái miệng nó liu lo, lém lỉnh. Những thứ đó làm hậu thuẫn cho một lập trường hợ lý, ngây thơ. Nó làm anh lúng túng.

Hơn một tháng nay thực đơn của gia đình anh tụt thang ghê gớm. Anh không muốn kể rõ ràng chuyện này với em hay bất cứ ai. Người ta có nhiều nỗi lo âu, cực khổ đến nỗi chẳng còn tâm trí nào mà chứa chấp nỗi khổ của kẻ khác. Giá sinh hoạt tự đưa mình lên ngôi vị của một vấn đề lớn. Em hãy tưởng tượng rằng ở thành phố này một tôn giáo mới vừa ra đời. Đám tín đồ có tất cả sự nôn nao, thiết tha, khao khát, tin tưởng trong cuộc hành hương chung. Đấng quyền năng vừa Giáng sinh ở đây là những thùng thực phẩm. Chúa và Phật mới của những người khổn khổ đó em ơi.

Nhưng anh chỉ chọn một phần nhỏ cái thảm kịch phá sản vĩ đại đó để làm nền cho vở hài kịch của anh. Cũng như anh phải bỏ bớt nỗi khó khăn của suốt một ngày, chỉ nói với em về những buổi sáng.

Trước đây, mấy đứa em anh đều được bà cụ phát tiền quà sáng khi đi học, thằng Dũng và bé Thùy Dương thì ăn phở, bánh mì hoặc xôi tùy thích. Từ ngày số tiền anh kiếm được không mua nổi số gạo cần dùng cho gia đình, mọi sự đổi khác hết. Mỗi sáng mẹ anh nấu một nồi cháo loãng thật lớn bằng thứ gạo màu nâu nhạt. Đó là món điểm tâm của cả nhà. Ba anh nhớ tô phở quen thuộc ở tiệm Đồng Mỹ nên thỉnh thoảng lại vừa húp cháo vừa cầu nhàu. Lũ em lớn của anh chỉ buồn buồn, không phát biểu ý kiến. Chúng đã quen chịu đựng sự thiếu thốn bất ngờ.

Thằng Dũng và bé Thùy Dương không ưa món cháo. Nhất là từ khi đường trở nên khó mua, đắt đỏ. Hôm đầu tiên phải ăn cháo với muối, bé cứ đứng chọc mãi cái thìa vào ly cháo và nhăn nhó (nó đổ cháo vào ly để có cảm tưởng là đang dùng một thứ nước giải khát). Mẹ anh phải nhắc nhở : « Ăn đi. Đờng làm thế cháo vừa ra ». Bé Thùy Dương cầu nhàu :

— Cháo ăn với muối dở ẹc.

Mẹ anh bực mình :

— Hết đường rồi, ăn tạm với muối vài ngày, không chết đâu.

Bé Thùy Dương vẫn đứng ì ra, chọc cái thìa xuống tận đáy ly và lăm bằm :

— Quê một cục !

Chơi với trẻ con trong xóm, thỉnh thoảng nó lại thâu thập được những câu

tương tự như vậy. Xóm lao động này có đủ những câu nói lạ tai. Mẹ anh phải cố đầu nó một cái để trừng phạt luôn hai tội : không ăn cháo và nói nhảm.

Những ngày sau, bé ngoan ngoãn nhận ly cháo muối mỗi buổi sáng và không phê bình gì thêm. Nhưng nó ăn cả nửa giờ không hết. Có khi anh bắt gặp nó ngồi tí cầm lên cái thìa, mắt nhìn xa vời, chân đứng dựa bên cạnh ly cháo đầy. Có khi anh thấy ly cháo còn một nửa đứng chống trờ ở găm giường, găm tủ hoặc bên gốc cây giềng tinh trước nhà. Mẹ anh có thể mắng nó về tội bừa bãi nhưng làm sao có thể trách nó không chịu thích hợp với sự sa sút của gia đình. Các nhà lãnh đạo anh minh của chúng ta thường coi chiến tranh như một trạng sư hùng biện bảo vệ sự bất lực của họ. Nhưng anh không thể coi chiến tranh như liều thuốc an thần của lương tâm. Chả lẽ lại xếp những ly cháo muối vào cùng hàng ngũ với bom đạn để vi đại hóa bốn phần của mình ? Anh và ba anh phải nhận trách nhiệm về sự bất mãn của bé Thùy Dương và cái bụng đói vào buổi sáng của nó.

Vậy mà khi gặp dịp tạo một đời sống sung túc hơn anh lại nhột nhạt, khờ sở, lúng túng như một tên hề trong vở hài kịch tình thế.

Một buổi tối, mẹ anh mất vai trò trung gian. Ba anh nói thẳng với anh trong cuộc họp mặt ngắn ngủi :

— Tao có xem quyển sách mày viết. Cũng khá. Phải cái kết luận không có hậu. Viết văn không có hậu như thế thì sau này không nghiệm ngập cũng nghèo rớt mồng tơi.

Anh chưa biết nói sao. Đây là một điều bất ngờ khá thú vị. Ba anh từ trước tới giờ chỉ công nhận văn chương Tam quốc Chí. Được ông đọc là một điều đáng cảm động. Ông tiếp :

— Mày cũng nên bỏ viết lách đi là vừa. Cái thì giờ mày gò lưng ngồi viết truyện mày dùng làm việc khác lại có tiền hơn. Gia đình đỡ nghèo túng. Các em mày đỡ khổ. Ở sở tao có ông đại tá người Mỹ rất tốt. Tao có nhờ cô thông dịch viên nói với ông ấy xin việc cho mày làm thêm.

— Việc gì, ba ?

Anh đã hỏi lại một cách hăng hái như thế, trong trí chớm nở nguồn hy vọng về một nếp sống sung túc hơn. Nhưng khi ba anh đáp :

— Chưa biết. Phải đến gặp ông ấy trước đã. Nghe nói mày là nhà văn ông ấy thích lắm...

Anh đã giật mình, hốt hoảng một cách quá lỗ, kỳ quặc : « Ba nói con là nhà văn hả ? » Cho đến bây giờ anh vẫn chưa tìm được những lý do chắc chắn khiến anh hốt hoảng lúc đó. Có một cảm giác tan nát, rời rã đến cùng với sự ngượng nghịu. Tại sao ? Cái gì đã khiến cho hai chữ « nhà văn » xuất hiện trong trường hợp này có vẻ bất thường ? Nếu có ai khoác cho người cầm bút một số đạo đức cần

thiết chắc chắn anh sẽ công kích tàn nhẫn hoặc mỉa mai cay độc. Số người đọc anh không nhiều và chưa ai lên tiếng đòi hỏi anh phải thế này hay thế khác. Anh được tự do sống cuộc đời của riêng anh. Nhưng hình như anh vẫn bị ràng buộc bởi một số điều lệ mơ hồ.

Ba anh vẫn chưa thấy được sự hốt hoảng của anh, ông tiếp tục kể :

— Cô thông dịch viên là một sinh viên văn khoa. Cô ấy vui vẻ và rất tốt. Tao có biếu cô ấy một cuốn sách của mày. Cô ấy xem xong cũng khen...À này, sách đặc biệt ở nhà hết rồi hả ? Tao tìm mãi chả thấy cuốn nào. Phải lên tận đường Lê Lợi kiếm mua, mất đúng « năm chịch ».

Ba anh cố tạo một giọng nói vui vẻ, ở dịp khác anh đã cười. Nhưng anh đang bị đóng đinh cứng ngắc vào ghế.

— Con không nói được tiếng Anh thì làm sao có thể xin việc ở sở Mỹ. Ba nhờ cô thông dịch cảm ơn ông Đại tá. Nếu cần con viết một cái thư nhờ cô ấy dịch lại.

— Mày đến mà nhờ ! Tao đã chót nói với người ta rồi.

Thế là ba anh giận anh. Làm sao đề bào chữa cho một thái độ mà chính mình cũng thấy là mơ hồ. Túng đói thì xin việc ở sở Mỹ. Sao mình có thể cuống quýt, nhột nhột như vậy ?

Anh nhờ ba anh xin địa chỉ của cô thông dịch viên. Anh sẽ nói được nhiều hơn. May ra, sau đó, cô ấy hiểu và ông đại tá Mỹ không còn nhìn hình ảnh anh qua lời xin việc của ba anh.

Hôm sau ba anh cho biết : « Muốn nhờ cô ấy nói gì với ông đại tá thì cứ việc tới sở, cô ấy sẽ giúp. Tao đã hẹn buổi chiều mai. Gia đình cô ấy nghiêm khắc. Sở người nhà hiền lành là làm áp-phe, cô ấy không muốn tiếp ai ở nhà ».

Sự xuất hiện của mình có thể làm giảm tiếng tốt của một người con gái !

Đêm qua, anh mất ngủ vì nghĩ đến buổi hẹn. Anh ngại nhiều đến ngón tay bị thương và những ly cháo muối của bé Thùy Dương. Anh nghĩ đến số nhuận bút nghèo nàn của những truyện ngắn phải viết trong nhiều đêm. Gia đình anh chưa một lần nào được hưởng cái thứ vinh quang mù mờ do việc cầm bút của anh đem lại. Sự sa sút khá hoàn toàn. Từ bao lâu anh đã chững đờ bằng những lý do vị kỷ. Ở trường hợp anh, điều kiện cần thiết của nhà văn là được đối khổ một mình.

Đêm qua, anh cũng truy tầm kịch liệt cái lý do đã khiến anh nhột nhột, ngượng ngịu. Nếu tóm được nó, anh đã công kích nó tan tành. Nhưng nó không ra mặt. Nó lẩn trốn trong cõi linh thiêng mù mịt của trăm, ngàn năm trước. Nó ẩn hiện chập chờn trong huyền thoại về khí phách của một nhà văn. Nó thấp thoáng

trong một câu thơ ngang tàng. Nó giống như những âm thanh của một bài hát trầm hùng vọng lại từ xa. Ta nghe không rõ một lời nào, nhưng biết có bài ca đang bay theo gió và tâm hồn ta nao nao, tin tưởng. Nó là một thứ dịch thủ cảm nhưng có cái nhìn đầy sức mạnh.

Anh không xử dụng được khí giới hải hươc, mĩ mai. Anh thao thức và nghĩ rất nhiều đến những căn nhà được xây cất cao dần, những cột « ăng ten » hùng dũng mọc lên. Gia đình anh thì ngày càng tả tơi, rời rã. Sự sung sướng, no đủ, thừa thãi vẫy quanh. Bé Thùy Dương cần một gói xôi mỗi buổi sáng hơn là một ly cháo màu nâu nhạt có dính kèm vài lời giải thích. Anh tự nhắc nhở như thế để sửa soạn thái độ hoà nhã cho buổi gặp gỡ.

Ông đại tá người Mỹ hẹn gặp anh vào bốn giờ chiều. Trước đó hai mươi phút anh loay hoay tìm chỗ cất giấu cái xe đạp cũ, phải đi xa công sở. Ba anh đứng chờ bên cạnh người lính gác. Ông mặc một cái quần nhàu nát và cái áo sơ mi cộc tay màu xanh đậm. Ông đang lau mồ hôi trên mặt, cổ và lưng. Vào mùa nắng, ba anh thường khờ sở vì sự nóng bức. Ông mơ ước được lên Đà Lạt nghỉ một tuần hoặc mua một cái quạt điện. Hai thứ hạnh phúc này giá trị ngang nhau. Ông đã ước mơ như thế hơn mười năm rồi. Hơn mười năm nhảy nhót leo thang theo vật giá, ước mơ ấy đã bỏ xa tầm tay với của ông.

Lúc đó anh đang nung nấu ý nghĩ bức tức vì cô thông dịch đã không cho phép mình tới nhà. Nhưng thấy ba anh ở trong tình trạng mệt mỏi, anh tìm lại được sự bình tĩnh. Ý nghĩ bắt đầu mềm yếu, hoang mang, nao nao như của một người mang mặc cảm phạm tội.

Cha con anh lặng lẽ đi qua cổng, qua nhà chứa đồ đạc, đến dãy nhà sau.

Ông Đại tá ngồi trên một cái ghế sắt, bên cái bàn giấy kê sát cửa văn phòng. Ông mặc binh phục trắng, có dáng cao lớn của một người Mỹ trung bình. Chỉ có mái tóc bạc cho phép anh đoán ông khoảng năm mươi tuổi. Da mặt hồng hào, cái nhìn thông minh mà dịu dàng, ông ta có nụ cười thật tươi, cởi mở, nụ cười đặc biệt của người thường phải nói những lời thân mến với một đám đông.

Ông ta đứng dậy bắt tay ba anh rồi quay sang anh, trịnh trọng chụm hai chân :

— Con của ông đây hả ? Cậu ấy bảnh ghê. Cậu nói được tiếng Anh không ?

Tuổi tác của ông Đại tá khiến anh cảm thấy hoàn cảnh mình bớt nhột nhạt. Anh đáp ứng yêu cầu ông kiếm một người thông ngôn vì anh không rành Anh ngữ. Một câu nói có ý nghĩa đó thì dù mình có phát âm sai đến thế nào cũng được hiểu ngay. Ông, vẫn cười rất tươi, mời cha con anh ngồi, than một câu về vụ điện bị cúp rồi vội vã đi kiếm cô thông dịch.

Căn phòng hẹp, giản dị, ánh nắng chiếu tới nửa bàn giấy. Cô thông dịch đi cạnh ông đại tá nhỏ bé, đẹp và có vẻ hiền. Trước lúc đó anh đã tưởng sẽ gặp một cô gái lạnh lùng, cổ làm ra sang trọng, quý phái. Cô ta sẽ dành cho anh cái nhìn nghiêm khắc của một kẻ bị nhờ vả, cầu cạnh. Cái chân dung anh do ba anh vẽ lại

— Tôi chỉ còn ở đây hai tháng. Trước khi về Mỹ tôi muốn được giúp anh một cái gì. Cha anh là một người rất tốt.

Ông ta đặt hai tay lên bàn, cái nhìn chân thành gây xúc động. Anh nghĩ đến ba anh ngồi im lặng ở phía sau :

— Vào mùa này ba tôi thường khổ sở vì cái nóng Saigon. Nếu ông có thể giúp cho ba tôi được làm việc nhàn hạ vào buổi chiều thì ông đã giúp cho tôi nhiều lắm. Ba tôi yếu và ở cái tuổi được nghỉ ngơi. Đáng lẽ tôi phải đòi sức lực và tất cả sự cố gắng của mình để ông được nhàn hạ, nhưng tôi chưa làm được việc ấy.

Sau đó, anh muốn chấm dứt câu chuyện bằng cách nhắc lại lời cảm ơn của mình. Nhưng ba anh đã đứng dậy. Ông cụ hiểu rằng anh đã quyết định, đã đi xong con đường riêng của anh. Nhưng ba anh cũng có con đường riêng, và ông bắt đầu đi. Ông đến sát bàn giấy, mở tờ báo cầm trong tay và lấy ra một cuốn sách, tác phẩm mới nhất của anh, đặt lên bàn. Những bước chân tiến tới của ông hoàn toàn bất ngờ khiến anh bàng hoàng. Ba anh nói với cô thông dịch :

— Cô hãy giúp xem ông đại tá có thể giúp chúng tôi bằng cách đem cuốn sách này về Mỹ phổ biến không ? Chúng tôi sẽ thuê dịch ra Anh văn rồi in, bao giờ ông về chúng tôi sẽ đóng thùng gửi theo nhờ ông... bán.

Anh chặn tay lên cuốn sách và cảm thấy rõ ràng mồ hôi toát ra ướt lưng, ướt hai bên thái dương. Anh nhìn thẳng vào mắt cô thông dịch viên, trông cậy hoàn toàn ở sự thông minh, ở trực giác đàn bà của cô ta :

— Cô đừng nói gì cả. Vụ này không giản dị như ba tôi nghĩ. Có nhiều điều, rất nhiều điều ngoài ý muốn của tôi... mong cô hiểu. Nếu muốn nhờ ông đại tá giúp đỡ, tôi chỉ có thể lấy tư cách một công dân Việt Nam đang gặp cảnh khốn khó. Và chúng ta cũng chỉ nên đề ông nghĩ về tôi như thế.

Cô gái nhìn ba anh rồi nhìn anh, phân vân và lo ngại. Nhưng ông đại tá đã lên tiếng hỏi. Cô gái nhìn anh, tỏ sự e dè một lần cuối, rồi bắt đầu dịch lời của ba anh. Tay trái cô cử động diễn tả câu nói, tay phải nâng cao cuốn sách.

Anh nâng đầu trên nửa bàn giấy. Bàn tay phải anh nóng hổi nằm trong vùng ánh nắng. Chiếc kính mát để trên một tập hồ sơ màu đỏ. Mắt kính hơi cong. Anh thấy hình khuôn mặt mình trong đó. Cái đầu biến dạng thành hình quả trứng, hai tai vênh lên. Đôi mắt dài tới thái dương.

Chưa bao giờ anh cảm thấy thương cuốn sách của anh đến thế. Nó nhỏ bé tội nghiệp như một sinh vật. Cuốn sách còn mới. Nhiều chữ ở bìa hơi nhòe. Đáng lẽ nó phải được tham dự cuộc phiêu lưu có đôi chút vinh hạnh như những cuốn khác. Sao nó lại sống những giây phút nhột nhạt với người sáng tạo nó ở đây ? Anh thương nó như thương một sinh vật có ý thức về số phận bi đát của mình.

Suốt đời chắc anh không quên được những giây phút ấy. Tâm trí bàng hoàng, người ướt đầm mồ hôi, bàn tay nóng hổi ánh nắng. Tại sao đến nỗi thế ? Có lẽ

những người cầm bút ở thế hệ trước, những người cầm bút già kinh nghiệm ở thế hệ này biết rõ nguyên do. Anh thì hoàn toàn mất phương hướng tìm tòi. Anh nhột nhột và khờ sở, chỉ biết nhột nhột và khờ sở.

Sau giây phút có những sự kiện khắc sâu vào trí nhớ những hình ảnh sắc cạnh là những giây phút rỗng không, dễ quên. Anh không nhớ đầy đủ chi tiết các chuyện xảy ra sau đó. Hình như ông đại tá có đứng dậy khép cửa. Nhưng nắng còn đầy trên tay, trên mặt anh. Ông im lặng một lúc. Rồi ông hỏi anh về quan niệm của dân Việt đối với người Mỹ. Anh trả lời đó là một vấn đề rắc rối. Dân Việt đã có hơn mười năm để sống và suy nghĩ vấn đề đó. Anh không đủ khả năng diễn tả ý nghĩ của mọi người trong năm, mười phút. Anh cũng không thể làm vui lòng ông bằng cách ngồi tổ cộng và nói về tình thân hữu Mỹ Việt. Đó là công việc của bộ Thông Tin Chiêu Hồi. Thường thường không ai muốn xía vào công việc của chính phủ. Theo ông thì đôi khi người Mỹ ở xứ này đã bị cư xử bạc bẽo. Anh an ủi : đó là vì các ông đến một căn nhà đang có tang. Đồ phúng diếu là bom đạn nên thỉnh thoảng các ông lại bị đồng hóa nhầm với các thứ đó. Các vị khách, dù là thượng khách cũng không thể đòi hỏi một sự tiếp đãi ân cần, nồng hậu. Nếu thực sự coi các ông là những người hùng "cứu khốn phò nguy" dân tộc tôi vẫn phải nhớ tình trạng bi đát « cần người hùng » của mình. Nụ cười hiểu khách của dân tộc tôi trôi nổi qua những năm dài bom đạn giờ đã tàn héo.

Anh có điều gì phiền trách người Mỹ không ? Sự mình không còn đủ sáng suốt để nói một cách đứng đắn, anh mỉm cười và lắc đầu. Nhưng ông ta không thấy sao ? Những con người chưa hề được tập luyện, được giáo dục để biết xử dụng đồng tiền một cách hợp lý bỗng có trong tay cả một gia tài khổng lồ. Họ tạo nên một cơn bão lốc mù quáng cuốn rác rưởi lên không và ào ạt kéo đi phá phách những di sản tốt đẹp cuối cùng. Mọi giá trị bị đảo lộn một cách tàn nhẫn và khôi hài. Nhưng người còn tha thiết yêu thương và muốn phục vụ dân tộc mình bỗng biến thành những con người cứng rắn, thoi thóp thở trên một miền đất hấp hối. Ông ta không thấy những dấu vết tàn phá của cơn bão lốc trên khuôn mặt nhột nhột và ướt đầm mồ hôi của anh sao ?

Khi anh cáo từ, ông đại tá đứng dậy, chụm hai chân và cúi xuống bắt tay anh. Cử chỉ trịnh trọng quá đáng này khiến anh nghĩ là ông ta có óc châm biếm.

Hai cha con anh lầm lũi đi bên nhau ra tới gần cổng sở. Ba anh giận anh. Anh đã chặn hướng đi của ông một cách quyết liệt và tàn nhẫn. Ông cụ lại đang tin chắc là mình đi đúng đường. Còn ông đại tá ? Ông ta có nhớ cuộc gặp gỡ này ? Cầu mong anh không biến thành một kỷ niệm là lạ của đông phương mà ông sẽ đem về Mỹ, kể lại trong những cuộc họp mặt. Có thể chuyện này đối với ông rất tự nhiên. Người Mỹ vốn thực tế. Vả lại, ở đất nước này đã có biết bao nhiêu bàn tay ngửa ra trước mặt người Mỹ. Thêm một bàn tay khô gầy, vụng dại chấp chới muốn ngửa ra, trong cái tập thể đủ loại bàn tay lớn bé đó, có nghĩa lý gì đâu.

Anh tần ngần dừng lại, muốn nói một câu ca ngợi lòng tốt, sự vui tính của ông đại tá để ba anh vui lòng. Nhưng ông đã quay vào, uể oải bước lên từng bậc thềm. Cái áo xanh đậm ướt một khoảng lưng. Chiếc quần nhàu nát màu nâu có ba miếng vá lớn, đường chỉ vá hình vuông màu trắng ghi rõ vùng nhấn nhúm dày cộm.

Anh ra đứng trên lề, trước cổng sở, chờ qua đường. Trời còn nắng gắt. Xe cuốn bụi mù và những lá cây khô nằm dọc theo lề đường chuyển động xao xác.

Sau gần ba chục năm ngỡ ngác làm người bây giờ anh mới thật sự bị những mũi tên thực tế bắn cho tơi tả. Anh nhớ đến lời khuyên của ông đại tá. Học thêm đi để làm giàu một kho tàng mà không ai đoạt của mình được. Chao ôi ! Anh thương nhớ biết bao những ngày được cắp sách đến giảng đường, nói, cười, học và sống một cách hồn nhiên, tự tin. Lúc đó lịch sử còn làm mình kiêu hãnh và tương lai làm mình hăng say. Chính ở nơi đó anh đã mê mải xây dựng cho mình và đón chờ em trong những buổi mai rực rỡ. Chính ở nơi đó anh đã hiểu rằng Thượng đế sau khi bắt con người nhận cái bất hạnh làm người đã ban cho họ tình yêu để an ủi. Khi anh phải bỏ học, em cười: « Thời này có lẽ đàn bà học giỏi hơn đàn ông và việc đó hoàn toàn ngoài ý muốn của đàn bà ». Em hiểu rằng rời khỏi giảng đường anh có lối đi riêng. Trong ý nghĩ của em, anh chưa bao giờ tẻ tơi và tuyệt vọng.

Nhưng lời khuyên tốt của ông đại tá đã đặt nhằm vào một đôi tai đang ù vì cơn bão lốc. Còn chút hãnh diện nhỏ bé cố gắng tạo được trong nhiều năm khốn đốn chưa chắc đã giữ được, nói gì đến chuyện làm giàu kho tàng kiến thức. Phải không em ?

Hiền yêu dấu của anh,

Ba anh như thế đó. Anh như thế đó. Chắc sự thật này làm em choáng váng, ngỡ ngàng. Anh viết lại không phải vì yêu sự thật hơn yêu em. Lúc này, anh chưa biết yêu cái gì hơn yêu em. Nhưng chúng ta đang cố gắng để được đi bên nhau trọn đời, chung nhau những đau khổ, hạnh phúc. Em phải biết tất cả những điều đó. Một nhà văn có thể có huyền thoại về mình. Người chồng thì không, hẳn chỉ có sự thật. Gia tài của anh còn lòng chung thủy và một sự nhột nhột trong những trường hợp tương tự. Sự nhột nhột có lý do mơ hồ như âm thanh của một bài hát trăm hưng vọng lại từ xa. Lòng chung thủy bắt nguồn từ tình yêu và sự biết ơn. Sau giây phút bị đập tan ảo giác về cuộc đời mình, anh biết ơn vô cùng người con gái còn dám tiếp tục yêu thương anh.

Buổi chiều nặng nề đó đã qua. Đêm nay cũng sắp hết. Nhưng anh chưa tìm được một quyết định nào. Bỗng dưng, anh muốn giao việc quyết định cho em. Cũng như lần đầu tiên đến thành phố em ở, anh đã chọn em làm người hướng dẫn. Người hướng dẫn đăng trí và mơ mộng đã đưa anh đi quanh quần trong sương mù. Em thường nói: « Em nghe anh, em theo anh ». Nhưng nếu còn yêu anh em phải tập quen với những khó khăn mới. Em sẽ nhận trách nhiệm khi anh bị cuộc đời hành hạ tơi tả, không còn biết nói gì với em và đưa em về đâu.

Trường hợp này không khó. Em hãy tưởng tượng là trên sân khấu đời có một nhân vật đã cố gắng đóng vai trò của hắc trong gần ba mươi năm. Bỗng dưng đám khán giả ít ỏi nhưng thân yêu nhất của hắc, là phần lớn lý do tồn tại của hắc, có những phản ứng trái ngược nhau. Người hoan hô, người đả đảo. Hắc sửng sờ, ngờ ngác không hiểu có nên diễn tiếp vai tuồng của mình không. Ba anh đã lên tiếng rồi tối qua ông không nói với ai một lời nào và đi ngủ sớm vì giận. Bé Thùy Dương cũng đã lên tiếng bằng những ly cháo màu nâu nhạt bị nó bỏ rơi đây đó trong nhà.

Em hãy góp mặt với đám khán giả thân yêu của anh và lên tiếng đi. Anh tiếp tục đóng vai tuồng này đến trọn đời, hay phải chọn một vai khác? Bất cứ vai gì cũng được. Anh có thể làm một tên hề bị mọi người cười reo hay chỉ trích. Anh sẽ biến dạng, xấu xí. Điều quan trọng là, dù anh có khuôn mặt nào, em cũng vẫn nhận ra anh và mãi mãi chúng ta còn rục rở trong lòng nhau.»

(Trong nhà văn)

LÊ-TẮT-ĐIỀU

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ
MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone 20-821 — SAIGON

Nhà văn NHẬT-TIẾN

L.T.S. Trên tạp chí Bách-Khoa, vào năm 1964, 1965, bạn Nguyễn-ngu-Í, với loạt bài «Sống và Viết», đã trình bày cùng bạn đọc mối liên quan từ cuộc đời đến tác phẩm của người cầm bút. Bắt đầu từ số này, bạn Lê Phương-Chi, sau những cuộc tiếp xúc, sau những lần tâm sự, lại giới thiệu cùng bạn đọc nếp sống hôm nay của một số người làm văn học nghệ thuật. Nếu qua «Sống và Viết» bạn đọc đã thấy cả cuộc đời và sự hình thành toàn bộ tác phẩm của người được phỏng vấn, thì tại nơi đây, bạn Lê-Phương-Chi chỉ đưa bạn đọc tới thăm cuộc sống hiện tại và hoàn cảnh sáng tác, làm việc, thực cụ thể của người cầm bút. Người phụ trách loạt bài này hy vọng bạn đọc còn tìm thấy được hình ảnh xã hội chúng ta đang sống qua nếp sinh hoạt của những người đã từng phản ánh xã hội và thời đại trong công trình sáng tạo và trứ tác của mình.

Tên thật : Bùi Nhật-Tiến, sinh ngày 24-8-1936 tại Hà Nội.



Những tác phẩm đã xuất bản : NHỮNG NGƯỜI AO TRẮNG (truyện dài, do Huyền Trân xuất bản năm 1959 tại Saigon); NHỮNG VÌ SAO LẠC (Phượng Giang xuất bản, 1960 Saigon), THỀM HOANG (truyện dài, giải văn chương toàn quốc 1960-61, Đời nay xuất bản, 1961, Saigon); NGƯỜI KÉO MÀN (tiểu thuyết kịch, Huyền Trân xuất bản, đầu năm 1962, Saigon); MÁY HOÀNG HÔN (truyện dài, Phượng Giang xuất bản, cuối năm 1962, Saigon), ÁNH SÁNG CÔNG VIÊN (tập truyện, Ngày Nay xuất bản, 1963, Saigon); CHUYỆN BẾ PHƯỢNG (truyện dài, Ngày Nay xuất bản, 1964, Saigon); VÁCH ĐÁ CHEO LEO (truyện dài, Đông Phương xuất bản, 1965 Saigon); CHIM HÓT TRONG LỒNG (bút ký, Huyền Trân xuất bản, 1966, Saigon).

Nhật-Tiến, con thứ 4 trong một gia đình 7 anh em. Anh mồ côi mẹ từ thuở bé, thân phụ anh là công chức hành chánh ở Hà nội. Từ đời ông Cổ nội trở đi, đại gia đình anh đều ngụ tại Hà nội (huyện Thọ-Xương). Năm 1954, sau hiệp-định Genève anh di cư vào Nam ở Đà-lạt tiếp tục học. Giữa năm 1955 anh mới xuống Saigon. Năm 1956 anh cùng ba người bạn nữa rủ nhau xuống Bến-tre mở trường (Trung-học tư thực Quang Trung) dạy học; và cũng trong những ngày năm lại xứ dừa một mình, anh viết tiểu thuyết cho đỡ buồn; *Những người áo trắng* được anh sáng tác từ đây.

Nhật-Tiến bắt đầu viết từ lúc còn học đệ Tứ (trường Trung học Chu-Văn An, Hà-nội), bấy giờ anh viết trên mười vở kịch đăng trong *Cải Tạo* (xuất bản ở Hà nội, 1952) anh đã gây ngạc nhiên cho những đàn anh trong *Cải Tạo Văn Đoàn* về lối xử dụng ngôn ngữ rất già dặn qua các vở hài kịch, mà khi gặp mặt tác giả lại chỉ là cậu học trò chưa quá 16 tuổi. Những ngày mới vào Nam, anh chỉ ngừng viết khi ở Đà-lạt. Lúc xuống Saigon, anh viết một truyện dài cho tờ tuần báo *Tự Lập* của Tổng Ủy Di Cư, nhan đề là *Cứu Lấy Quê Hương* (truyện này về sau có tờ *Hồn Việt* của Việt kiều ở Nam-Vang đăng lại).

Trong truyện *Những Người Áo Trắng*, Nhật Tiến nói lên những khao khát chính đáng tối thiểu của người bị bóp chặt và lịm chết do kỷ luật của các bà Phước. Những nhân vật và khung cảnh trong truyện, phần nhiều anh gọi lại ký ức những ngày anh còn sinh hoạt trong một đoàn Hướng Đạo ở Hà nội. Đội của anh thường được đến chơi Hội Dục Anh (Hà nội). Khi viết xong *Những*

Người Áo Trắng, anh Trương Cam Vinh (một trong ba người bạn cùng rủ nhau xuống Bến-tre lập trường) cho biết là có quen với Nhật Linh, bảo Nhật-Tiến đưa bản thảo mang về Saigon cho nhà văn này đọc thử xem sao. Tuần sau anh Vinh trở xuống mang theo lá thư của Nhật Linh ngỏ ý muốn gặp Nhật Tiến ở Saigon. Trong lúc nằm chờ tin tức của Nhật Linh, anh viết thêm một truyện dài nữa — lần này đối tượng độc giả của anh là Nhật Linh — lấy tên là *Lá Rụng*, sau đổi là *Mây Hoàng Hôn*. Câu chuyện xảy ra trong một bệnh viện do các bà Phước trông nom, bệnh nhân là một nhà văn yêu một nữ tu trẻ là điều dưỡng viên thường săn sóc mình, cuối cùng họ xa nhau và tự đẩy ải để tìm quên lãng. Khung cảnh câu chuyện xảy ra là nhà thương Saint Paul Hà nội, mà Nhật-Tiến thường lui tới trong những ngày anh săn sóc thân phụ anh bị tai nạn ô tô phải nằm điều trị ở đây.

Về Saigon gặp Nhật-Linh, anh được khuyến khích rất nhiều. Nhật-Linh hứa sẽ xuất bản cả hai truyện. Năm 1958, anh viết thêm ba truyện ngắn cho Văn Hóa Ngày Nay (do Nhật-Linh chủ trương), *Đôi Guốc Trắng* (đăng tập 2 Văn Hóa Ngày Nay) *Đi Đòi Nợ* (đăng trong tập 3 VHNN), *Đêm Tân Hôn* (tập 5, Trung Thu, VHNN). Mãi một năm sau, nhà xuất bản Phương Giang vẫn chưa in, vì chủ trương của nhà xuất bản này chỉ tái bản những tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn, ngại đưa thử thách một tác giả mới; anh mang cả hai bản thảo về, mua hui in *Những Người Áo Trắng* (1959 nhà xuất bản Huyền Trân). Nhân đó anh dựng lên nhà xuất bản *Huyền Trân*

với mục đích qui tụ một số anh em muốn tự bỏ tiền in lấy tác phẩm của mình (*Chế Vũ in Khát Vọng Song Hồ in Hai Cánh Hoa Tim*, Nguyễn Đình Toàn in *Mặt Đắng*, Lâm Vĩ Thủy in *Sao em không về làm chim thành phố*) và quan niệm của Nhật Tiến là lấy Tình Thương làm yếu tố hàn gắn những đồ vỡ đau xót của con người sau những ngày đen tối. Nhưng sống trong xã hội VN đang thời kỳ các cơ cấu tổ chức kinh tế, chánh trị, văn hóa bị xáo trộn, phân hóa dữ dội, thì tình thương thuần túy của những nhà văn có quá nhiều lương tâm như Nhật Tiến cũng không thể giữ vững và phát triển nhà xuất bản Huyền Trân được! Thế rồi, *Những Vì Sao Lạc*, *Thềm Hoang*, *Mây Hoàng Hôn*, *Ánh Sáng Công Viên*, *Chuyện Bé Phượng*, anh giao cho nhà Phượng Giang, *Đời Nay*, *Ngày Nay* (cũng do Nhật Linh chủ trương) xuất bản. Và tiếp theo là *Vách Đá Cheo Leo* thì giao cho Đông Phương (do Nguyễn Thị Vinh chủ trương), *Chim Hót Trong Lồng* giao cho tạp chí VĂN (do Trần Phong Giao chủ trương) xuất bản. Chỉ có *Người Kéo Màn* (tiểu thuyết Kịch) vì các nhà xuất bản chê mà Nhật-Tiến thì thích nhất, nên anh lại bỏ tiền in (Huyền Trân xuất bản 1962). Và tính chất Tiểu Thuyết Kịch của *Người Kéo Màn*, đã gây sôi nổi trong giới sinh viên trong cuộc tranh luận về vấn đề "Kịch là Kịch bản Văn chương hay là một Bộ môn Nghệ Thuật khác Văn chương"; và trường hợp anh tự xuất bản *Chim Hót Trong Lồng* là vì truyện này đã in trọn một kỳ trong tạp chí VĂN, chả nhẽ lại bán cho nhà xuất bản khác? Thì Huyền Trân lại in vậy! cũng may, khi là in xong nhà sách Khai Trí (Sàigòn) mua hết.

Ngoài khả năng sáng tác đều tay mỗi năm hơn một tác phẩm, Nhật Tiến còn

đủ thiện chí, thừa thiết tha đối với văn chương nghệ thuật. Anh hì hục đến bốn, năm giờ sáng để trình bày maquette cho tờ tạp chí Năng Hồng (báo trẻ em) do anh chủ trương. Hồ sơ lý lịch, thủ tục giấy tờ xin xuất bản báo, anh đã nộp đầy đủ ở bộ Thông-tin từ bốn, năm năm nay; cứ mỗi lần thay đổi Bộ trưởng Thông tin hoặc Giám đốc Nha Thông tin Báo chí, là anh hì hục làm đơn nhắc lại, và với hy vọng tràn trề, đêm ấy anh thức suốt sáng để trình bày lại maquette, đề rồi sau đó vài ba tháng đợi mong, xấp maquette lại nằm chồng lên nhau đầy cả ngăn tủ...!!!

Trước ngày bị động viên (đầu năm 1965 trở về trước), anh dạy mỗi tuần đến 45 giờ (anh dạy Toán, Lý-Hóa các trường Trung học tư thực Thủ đô). Dạy suốt năm, chỉ nghỉ vào ba tháng hè, cho nên cứ mỗi vụ nghỉ hè, anh thu xếp các việc lên Đalat nằm vài tháng. Những tác phẩm: *Người Kéo Màn*, *Chuyện Bé Phượng*, *Vách Đá Cheo Leo*, *Chim Hót Trong Lồng* đều được anh dựng cốt truyện trong những ngày nằm ở Đalat, anh gọi đó là viết sườn. Thường thường mỗi cái sườn của một tác phẩm, anh viết trong một tháng, và anh hoàn thành trong vòng một năm sau đó; tác phẩm hoàn thành dài gấp ba cái sườn. Khi viết sườn, anh không dựng nhân vật, khi viết, đi vào chi tiết, đến đâu khai sinh nhân vật đến đó.

Khi ngồi vào bàn viết, (phần nhiều anh viết vào khoảng từ 23g đến 3, 4 giờ khuya) anh bắt đầu xem lại cái sườn rồi tiếp tục viết nối những đoạn đã viết hôm trước. Anh thích nhất là viết bằng viết BIC và viết trên giấy carreaux, ghét giấy pelure và cũng không ưa viết trên giấy vở học trò. Viết thư cho bạn bè anh cũng thường viết loại giấy carreaux. Trước khi ngồi vào bàn viết, anh thường

uống một ly café đủ cho thời gian anh muốn thức để viết : nếu anh dự định thức từ 23 g đến 2 g khuya, anh uống chừng hai phần ba ly ; nếu sáng hôm sau được dậy muộn, anh sẽ uống một ly đầy café để thức viết từ 23g đến 4, 5 g sáng. Mỗi đêm như vậy, trung bình anh viết được từ 10 đến 20 trang bản thảo. Khi viết được 10 trang anh chép lại sạch sẽ, ưng ý mới viết tiếp. Lúc viết, anh khoái hút thuốc lá thơm COTAB; mỗi đêm anh hút trung bình một gói thuốc, ngoại trừ những lúc anh gặp bí. Khi bí, anh ngồi yên hút thuốc lá liên miên, suy nghĩ mãi để vượt vấn đề nan giải ấy, chứ không bỏ đi làm việc khác hoặc viết đoạn khác ; có nhiều đêm anh ngồi đến 2, 3 tiếng đồng hồ vẫn không vượt khỏi nẻo bí, anh cũng ngồi mãi cho đến lúc mệt mới chịu đi ngủ. Hôm sau, nếu chưa giải quyết được, chưa vượt nổi đoạn đường bí, anh vẫn chưa viết tiếp. Anh suy nghĩ suốt mấy hôm sau, có khi đến cả tháng ; ý nghĩ về trường hợp nan giải trong tác phẩm cứ lớn vồn mãi, cả những lúc anh dạy học. Những lúc anh giải quyết sáng suốt nhất các vấn đề cho nhân vật trong tác phẩm là trong khi anh lái ô-tô dọc đường từ nhà đến trường và ngược lại.

Có nhiều khi viết xong trong đêm, sáng hôm sau đọc lại, không vừa ý, anh xé bỏ. Cũng có vài tác phẩm anh phải viết lại đến hai phần ba bản thảo. Có hai tác phẩm đã hoàn thành, định in, nhưng khi đọc lại, anh xé bỏ tất cả. Đó là *Ao Đình* (truyện dài, chuyện một nữ giáo viên ở thôn quê miền Bắc) và *Gót Sơn* (truyện dài, tả mối tình dang dở của một thiếu nữ và một họa sĩ).

Cũng có khi tác phẩm vừa phôi thai,

được thể hiện lên bản thảo chừng vài chương, đã bị anh vất đi như trường hợp truyện dài *Mái Nhà*. Bấy giờ, truyện dài *Những Vì Sao Lạc* của anh sắp kết thúc trên tạp chí Tân-Phong (do Bảo Sơn chủ trương), bà Nguyễn Thị Vinh muốn Nhật Tiến viết một truyện dài khác nối tiếp. Sau khi nhận lời bà Vinh, tính vốn cần thận, anh viết hai truyện *Mái Nhà* (mô tả nếp sống anh chị em lao động Đô thành) và *Thềm Hoang* (nếp sinh hoạt cơ cực của một xóm lao động Saigon), mỗi truyện anh viết hai chương, đưa đến cho bà Vinh xem, bà Vinh chọn truyện *Thềm Hoang*. Vì thế truyện *Mái Nhà* không có nữa. Mãi đến bây giờ anh cũng không nghĩ đến chuyện sẽ viết lại.

Khi viết *Thềm Hoang* từng kỳ cho Tân Phong (độ 8 kỳ thì Tân Phong đình bản) không có các nhân vật Hai Hào, Phó Ngử, Đào. Về sau, khi định đưa cho nhà Đời-Nay xuất bản, anh đọc lại để viết tiếp, thấy câu chuyện loãng quá, anh ngồi viết lại từ đầu (phải viết thêm hai phần ba nữa,) bấy giờ mới khai sinh thêm các nhân vật vừa kể trên.

Ngày Tiến không thích viết về những người thân xung quanh mình, anh cho rằng cuộc sống trong xã hội đang diễn tiến xung quanh hằng ngày từ trước đến giờ và từ giờ về sau còn biết bao sự kiện đáng ghi lại, nhất là nỗi khổ triền miên của dân Việt. Theo quan niệm Nhật Tiến, thì những người cầm viết chỉ làm bổn phận ghi nhận, ghi nhận những đau khổ điển hình, thực trạng xã hội chúng ta đã và đang sống, còn phần việc giải quyết hoặc đặt vấn đề giải quyết tình trạng xã hội, là nhiệm vụ của những nhà đạo đức,

những nhà chánh trị. Theo quan niệm đó, anh thường viết về xã hội. Anh đề ý quan sát, nhận xét trong cuộc sống đông đảo của đám dân nghèo, tìm xem ước vọng thiết tha nhất của họ, từ khao khát nhỏ đến những mong mỏi lớn ; anh tìm tòi bằng suy luận của anh, rồi đúc kết những nỗi khổ điển hình của họ, anh dựng lên tác phẩm, trọng tâm vẫn là vấn đề suy luận. Sau đó, anh quan sát những sinh hoạt hằng ngày của họ để làm chất liệu xoay quanh cho tác phẩm sống động.

Muốn dựng một tác phẩm, Nhật Tiến chú trọng ba điểm : 1) Vấn đề được đặt ra. 2) Những nhân vật nào có thể đại diện để nói lên được vấn đề đó. 3) Những sự kiện nào làm sáng tỏ vấn đề đó (anh chú trọng đến những sự kiện nhỏ nhỏ xảy ra hàng ngày xoay quanh cuộc sống của họ).

Dựng truyện bao giờ Nhật Tiến cũng chọn nhan truyện trước, chưa có tên truyện, anh không viết được một dòng nào cả, dù câu chuyện đã sẵn sàng. Có khi, anh loay hoay đến hai, ba tháng vẫn chưa chọn được cho tác phẩm đang phôi thai của anh một cái tên. Như trường hợp *Vách Đá Cheo Leo*.

Trước kia, *Vách Đá Cheo Leo* mang tên là *Dậm Dài* đăng từng kỳ trên báo Sao Trắng. Được 6 kỳ thì báo đình bản, còn lại một xấp bản thảo bị tòa soạn đánh mất. Khi báo này tục bản, anh được mời viết lại. Anh không sao viết nổi nữa, vì « đau » quá. Phải chờ đến một năm sau, nổi-đau-mất-bảo-thảo người ngoai. Gặp dịp nhà văn Nguyễn Thị Vinh chủ trương nhà xuất bản Đông Phương muốn in cuốn sách đầu là một tác phẩm của Nhật Tiến. Bấy giờ anh mới hì hục chọn nhan truyện và ngồi

viết lại từ đầu, truyện được mang tên *Vách Đá Cheo Leo* từ đó.

Phần đông các nhân vật trong tác phẩm của Nhật Tiến có một cuộc sống vừa phải, không xa hoa trụy lạc hoặc phung phá quá mức của giới thượng lưu trưởng giả. Vì cuộc sống của tác giả cũng chừng mực vừa phải. Dù rằng những ngày chưa bị động viên, anh dạy học rất nhiều giờ, cộng với tiền tác quyền, trung bình mỗi tháng anh cũng có thể ăn chơi thừa thãi. Nhưng, anh sống rất giản dị. Mỗi sáng, anh chỉ điểm tâm bằng một ly nước trà Tàu thật nóng rồi đi dạy học. Anh không uống được sữa, không ăn được beurre, fromage, sợ chân giò heo hầm, những thứ này ăn vào là nôn ngay. Những món ăn thường bữa được anh thích nhất là rau muống luộc, cà muối, đậu phụ kho hoặc rán. Anh thích những buổi chiều lượn nhiều vòng qua các hiệu ở phố Lê-Lợi, và thỉnh thoảng đi xem phim trình thám, gián điệp (loại làm căng thẳng thần kinh), anh ghét loại phim tình cảm lãng nhãng và ca nhạc nhĩ nhãng.

Trong cuộc sống hằng ngày, với học đường, Nhật Tiến là một nhà giáo đạo mạo qua cặp kính cận, dáng người có vẻ khắc khổ, nghiêm nghị tuy bản chất anh vốn vui vẻ, dễ thương. Với bè bạn, anh rất sợ mịch lòng, anh rất ngại phải đòi, phải hỏi ai một điều gì mà anh cảm thấy phiền cho họ, dù họ nợ anh những món nợ đã lâu không thanh toán, hoặc những đòi hỏi ấy rất chính đáng và cần thiết cho gia cảnh của anh hiện nay.

Hiện nay, sau một năm đi lính, lương hằng tháng anh lãnh được không bằng một phần năm tiền lãnh được khi còn đi dạy học, mà giá sinh hoạt ngày

càng tăng gấp năm, gấp bảy lần so với vật giá khi anh còn đi dạy !!! Cách đây hơn tuần lễ, một anh nhà văn trẻ, bạn thân với Nhật Tiến, đến báo tội : «Nhật Tiến đăng báo bán xe, ông coi có ai mua, mách giùm». Tôi buột miệng : «Rồi anh ấy lấy xe đâu mà đi làm và chạy gạo»? Anh bạn cười thật xót xa, hỏi lại tôi : «Vậy ông nghĩ cách nào giúp cho gia đình Nhật Tiến sống được với số lương lính hàng tháng chỉ đủ tiền chợ là dè xẻn lắm, còn tiền sữa cho con, tiền người làm, tiền quần áo, tiền thuốc men, tiền tiêu vật v.v...»

Tôi lặng thinh, một nỗi chua xót len nhanh vào ý nghĩ tôi. Trước kia, khi Nhật Tiến còn đi dạy học, tôi thường đùa : nhà văn kiêm nhà giáo kiếm mỗi tháng trên hai chục ngàn, mà đi chiếc 4 chevaux thồ tả này hoài không biết ngượng ! Bây giờ.... bây giờ thì Nhật Tiến một năm sau ngày bị động viên, đã phải đăng báo bán xe — chiếc xe đã được chữa tốn ngót năm mươi ngàn đồng, chữa cần thận để đi cho bền ! — vì túng quá, kham không nổi nữa ! Và bỗng nhiên hình ảnh lặn đạn của

Phương - Khanh (vợ Nhật Tiến) trong những ngày Nhật Tiến vừa bị động viên, phải phục vụ trong một đơn vị bộ đội đóng ở Sông Mao, Phương Khanh đã phải đưa gia đình lên Dalat để có thể thu vén mức sinh sống hằng ngày trong một hạn định tối thiểu,...! Và ngày nay, Nhật Tiến được đòi về Saigon, vừa được chung sống, Phương Khanh đã phải lo liệu thu vén, để khi chiếc xe 4 chevaux — kết quả của sự dành dụm trong những năm đi dạy học — bán đi, Nhật Tiến sẽ khỏi phải lao đao vì mất thăng bằng. Bởi vì Phương Khanh thường nói với bạn rằng «chiếc xe đó là hai chân của ông ấy đấy.»

Còn hơn một năm hoặc hai năm nữa có lẽ Nhật Tiến mới mãn quân dịch, chẳng biết từ đây đến đấy, đôi Nhật Tiến - Phương Khanh có kìm giữ được đà tuột thang mức sống càng eo hẹp của gia đình, trước hoàn cảnh xã hội mọi vật giá sinh hoạt càng ngày càng leo thang hiện nay chăng ?

Sài-gòn ngày 1 tháng 4 năm 1967

LÊ PHƯƠNG CHÍ

NHÀ XUẤT BẢN TRÌNH BẦY

Đã có bán :

1. CON TÊ GIÁC

Kịch của EUGÈNE IONESCO

— Đọc để biết «kịch hiện đại» Pháp đi về đâu ?

2. QUÊ NHÀ

Tập truyện của Y-UYÊN

— Là tiếng nói thầm lặng của những vị «sứ giả nhà trời».

3. NATASHA (Câu chuyện mùa đông)

Truyện ABRAM TERTZ

— Vụ án ANDREI SINYASKY : Để biết tại sao những tác phẩm của nhà văn này lại phải chuyển qua biên giới Sô-Viết Nga để xuất bản ở Âu Châu ?

TRUYỆN DÀI

ĐỒ - TIỀN - ĐỨC

MÁ

HÔNG

Khi tôi tới văn phòng làm việc thì đã gần ba giờ. Những kẹp hồ sơ trình xem, trình ký, những công văn mới tới đề cao từng chồng trên mặt chiếc bàn nhỏ. Ở phòng ngoài, tiếng máy chữ lách cách và những tiếng đối thoại ồn ào dễ kích thích tính ham làm việc của tôi. Trưa nay coi như tôi đã mất đi giấc ngủ thường lệ mỗi ngày khi ở tiệm cơm về. Những tờ nhật báo, những tờ tạp chí đã vùi kín tôi suốt hai tiếng đồng hồ triền miên trong sự sung sướng say đắm. Những giòng chữ in, những trang giấy rộng còn thơm mùi trình tân xao xuyến như những giòng thư của người bạn lưu lạc phương trời xa gửi tới. Nên, tôi đọc, tôi đọc đề đọc. Nhiều tin tức đã biết rõ hậu quả qua đài phát thanh. Nhiều thông cáo, tin buồn tin vui nơi cuối trang tư có ảnh hưởng gì đến tôi. Hôm nay, buổi chiều tôi lại sẽ có thư Sĩ gòn nữa. Chị Dung ơi, tuần này chị nói với em chuyện gì nào? Chị nhớ đừng gửi đĩa hát nữa, em làm gì có máy để nghe giọng ca mới nhất của chị mới thu âm. Cuộc sống của tôi từ khi tới tỉnh này đều xoay quanh ngày thứ tư, mỗi tuần. Ngày đó, chiếc máy bay Hàng Không Việt Nam trên đường đi Huế và từ Huế trở về, sẽ ghé lại mười lăm phút để thay đổi tám vị hành khách, không hơn không kém, và bỏ xuống tỉnh những hương vị Sĩ gòn, như những trang báo dồn đọng của bảy ngày, như những phong thư ghi dấu nhật ấn còn lâu hơn thời hạn ấy nữa. Chị Dung, Chị Dung bỗng lảng đãng hiện về với tôi trong mấy phút chợt thiếp đi sau đó. Tôi thấy chị và cháu Hương bị chiếc xe buýt hất xuống sông Thị Nghè. Mọi người xúm lại khiêng vò nhà thương, Thủy cũng có mặt bên giường chị. Thủy khóc âm ức, sợ chị chết, không ai nuôi bé Hương. Tôi lại phải dỗ Thủy, rồi đưa Thủy ra ngoài này luôn không cho Bắc biết. Nhưng khi hai đứa vừa mở cửa xe đồ bước xuống chợ, đã thấy Bắc chờ sẵn ở đó rồi. Nét mặt Bắc hùng hồ, túm tóc Thủy vừa đánh vừa chửi. Tôi nổi nóng, vớ được con dao xông tới, hươi vào bụng Bắc. Con dao ngập lút cán, máu chảy ùn-ục, phun đầy mặt tôi. Tôi quay cuồn hồn

mê trong khối màu đỏ nhầy nhựa đặc kẹo đó, một lát mới tỉnh dậy. Ý nghĩ đầu tiên của tôi trong khi còn bàng hoàng thắc mắc điềm lành hay dữ là phải viết thư cho chị Dung. Phải viết ngay. Chiều nay có máy bay, như thế ngày mai hoặc ngày kia sẽ tới tay chị.

Tôi kéo ghế, ngồi xuống. Bàn tay trái tự động lần xuống túi quần lấy cây bút nguyên tử. Có hai con tem dính vào khe ngón tay, lớp keo mỏng ở phía sau đã nhom nhớp ướt. Hai con tem ba đồng, in hình thắng cảnh Hà tiên. Vừa rời ở nhà Bưu điện, gửi thư cho chị Dung, số tiền dư được trả bằng tem. Tôi yêu cầu người thư ký đổi những con tem diệt trừ số t rết lấy tem Hà tiên. Người thư ký khua tay vào đồng tem trước mặt rồi kêu hết rồi. Tôi năn nỉ ông thử tìm lại xem. Ông ta cầu nhàu nói ông khó tính quá. Rồi nhạo con tem nào cũng đưa thư tới chỗ ông mong cả mà, không sớm gì hơn đâu. Tôi bực mình toan về thì thấy Độ từ trong phòng bước ra. Độ cười và chìa tay về phía tôi từ xa. Gửi lương cho bà xã sao, anh Đạm ? Tôi định nhờ anh làm mối mà anh lại thả bom thế thì tàn rồi. Bây giờ nhờ anh cho mấy con tem Hà tiên. Sau đó anh thư ký mang tới một sấp và nói với giọng bất mãn, đấy, ông chọn đi.

Những lá thư gửi chị Dung luôn luôn dán loại tem này. Chắc chị cũng chẳng hiểu được ý mình. Nhưng nếu dùng con tem khác, phong thư hình như thiếu những giọng chữ yêu thương chân thành chị em nhất.

Tôi lơ đãng nhắc một kẹp hồ sơ để xuống trước mặt rồi lật ra xem. Một lá đơn bằng giấy học trò, màu mực tím, dính bên trái. Một công văn đã soạn, đánh máy gọn ghẽ dính bên phải. Nội vụ là ông Lê Phải, ấp Quế Phong có con bò đang ăn cỏ ngoài đồng thì bị đạn trúng đạn, chết tại chỗ. Ông xin Quận bồi thường và giúp đỡ vì tài sản chỉ có con bò đó mà thôi. Quận giải quyết bằng những lời an ủi, chỉ vì tội ác ôn giải phóng miền nam mà những lương dân như ông bị thiệt hại. Kết luận, vậy khi có dịp kính mời ông tới văn phòng quận nhận năm bao mì tấm. Tôi không suy nghĩ thêm bót, lạng lẽ hoa tay bút ký vào phía dưới tờ công văn đã đóng sẵn những hàng chữ đỏ KT Quận trưởng, Phó quận trưởng Trần-Huy-Đạm. Phó đốc-sự.

Đang lúc ấy, có tiếng gõ cửa thật nhẹ. Tôi vừa khép kẹp hồ sơ để sang phía bên, vừa ngừng lên chờ đợi. Hai cánh cửa chấn gió hé mở. Màu áo dài trắng thấp thoáng phía ngoài. Rồi một bờ vai, một mái tóc lách vào. Và người con gái đã đứng trước mặt tôi khẽ cúi đầu chào, miệng lí nhí những tiếng thật nhỏ.

Tôi gây không khí thân mật :

— Cô Huyền. Mời cô Huyền ngồi. Nào; tôi có thể giúp cô Huyền việc gì đây ?

Tôi nhận thấy một cử chỉ cảm ơn trong đôi mắt Huyền. Huyền nhìn quanh phòng thật nhanh. Đoạn bỏ chiếc nón sát chân tường rồi mới ngồi. Cặp sách hình như để trên đùi. Chỉ một thoáng, Huyền hất đầu lên, soay nhìn tôi, im lặng như ngắm tranh. Mãi mới từ từ mỉm cười :

— Cháu đến nhờ chú một việc, được không, chú ?

Tôi cố làm vừa lòng Huyền :

— Được chứ.

Tôi lúng túng trong cách xưng hô. Huyền đến bắt chọt và như cơn lốc đột ngột nhận một sự liên quan chú cháu. Tại sao ? Tại sao con nhỏ này lại phong mình là chú ? Tự nhiên hình ảnh buổi tối hôm nào tại tiệm cơm lúc đã ăn xong, cả bọn xúm vào nhau ngồi đầu lảo chọt hiện về trong óc tôi. Đạt cười nòng nọc hơi rượu, kêu lớn ề thằng nào muốn đi bắt bò lạc với tao không, dơ tay. Lâu tiếp theo sau khi đã hít vội hơi thuốc salem, kiểm đầu ra bò lạc lúc này cha nội. Có muốn thì tới bắt em Huyền có phải vừa chắc ăn lại vừa thơm như múi mít không. Cả bọn nhao nhao ô kê, ô kê. Ngày đó tôi mới tới tỉnh này và mới gia nhập với đám người cũ dần dần từ những buổi hội họp, từ những bữa ăn hàng ngày, từ những lần giới thiệu của Đạt. Mọi nền nếp sống rất có thể tôi chưa quen nhưng tôi cũng đã biết Huyền. Biết lần đầu nhân buổi đi chơi phố ban đêm, tôi chú ý tới một thiếu nữ mặc đồ bộ trong tiệm radio và hỏi Đạt, em nào ngon quá xá vậy. Đạt nói thật dài, học sinh Bùi Thị Xuân đó. Con nhà nghèo nhưng thích ăn diện, thích đi hoang nên biến thành đồ chơi hạng luých của một số người. Em làm ăn kín đáo lắm. Tôi nói thật moa không ngờ nhé. Nếu gặp em trong một khung cảnh nào đó thì cũng dám trông cậy si lắm. Đạt cười, chứ sao, lột nó ra rồi chỉ năm mà nhìn cũng đủ đáng đồng tiền rồi cơ mà. Tôi bị rạo rức, nói với giọng thêm muốn, vậy hôm nào kiểm em đi chứ còn đợi gì. Đạt gật đầu thản nhiên, ô kê có ngay, đề cho mày thưởng thức vật thờ sản của tỉnh này một chút chứ, phải không. Nhưng rồi mãi không thấy Đạt đá động gì tới chuyện đó, nên giờ nghe Lâu nói tôi nhào vô với sự háng hái nhất của thứ quân cảm tử. Chúng tôi bước ra leo lên hai chiếc xe của Lâu và của Đạt. Tôi ngồi chung với Lâu, chiếc xe chật cứng. Một tên ngồi đằng sau bỗng reo lên cười, lại có cả chiều trái sẵn thể này nữa hả ông Trưởng Ty Thanh Niên ? Một tiếng nói khác, thì vẫn là phòng ngủ lưu động mà. Lâu không trả lời, điều khiển chiếc xe chạy trong lòng phố về khuya vắng tanh. Mãi sau, Lâu mới nói đi đông thể này mà lại toàn những mặt thối cả tao sợ em trốn quá. Em vẫn thường không chịu tiếp những tên quen thuộc, hoặc xấu xí mà. Thôi bây giờ đến thằng ma gà Trần xem sao. Xe tới nhà Trần, bóp còi gọi. Trần chạy ra cười nhỏ đi đâu mà vui vẻ thế. Lâu nói nhờ toa gọi hộ em Huyền cho tụi này, được không. Có cả phó quận Đạm trong xe đó. Trần cúi xuống thấp, dáng điệu thăm vụng, moa kệt quá, bà xã với moa vừa khai chiến xong, giờ moa đi với các cậu tình hình lại căng thẳng mất. Hay thôi đề cho moa bữa khác. Con nhỏ đó moa bảo đảm chỉ cần ới một tiếng là có liền mà. Hẳn các cậu biết là moa vẫn cấp thuốc ngừa thụ thai cho nó ?

Lần thứ nhất của cuộc đi tìm kiếm Huyền như vậy là chấm dứt một cách lạt lẽo ở những ngón tay gãi gãi trên mái tóc của Trần. Lần thứ hai xảy ra mấy hôm sau, khi tôi được bạn bè khích bác cõ võ. Mày cứ giả vờ tới nhà nó hỏi thuê căn nhà ma ấy chứ có gì mà khó. Tụi tao quen quá rồi, không thể diễn trò ấy được. Bớ nó là công chức mà. Tôi hỏi sao lại có ma ở căn nhà Huyền. Một người trả lời tại có người chết. Tôi nghĩ vậy và tới xem nhà. Buổi tối, bà cụ

mẹ Huyền và mấy đứa nhỏ ngồi chơi cá ngựa với nhau. Huyền đi khỏi, sự vắng mặt của Huyền hơi gây cho tôi một chút buồn nhưng căn nhà lại làm tôi ưng ý. Ma quỷ chớ gì, ít nhất trông cũng lịch sự hơn phòng ngủ lang chạ với đi điếm và lính tráng.

Và phải đến hôm nay mới gặp Huyền. Huyền tự tìm tới hay do cha nào dàn xếp ? Tôi ngồi lặng ngắm người khách nhỏ trước mặt. Huyền. Một con chim lạ bay bỗng tuyệt vời bỗng nhiên tới với tôi trong giờ làm việc với cử chỉ e lệ, dịu hiền của một tâm hồn thơ ngây nữ sinh. Bây giờ Huyền đang gây cho tôi những kích động hồi hộp thích thú. Mái tóc Huyền thật mượt, nếp uốn lâu ngày đuôi gài hết, nằm xõa trên bờ vai. Ngọn tóc cong ra phía ngoài sau một nếp vòng lượn ép theo đường thon của chiếc gáy. Tôi muốn dùng chữ hồ hững để diễn tả vẻ đẹp bình dị của mái tóc ấy. Trong khi tôi tránh sự bối rối vào mái tóc thì Huyền vẫn nhìn tôi. Đôi môi Huyền chúm lại, nét môi tươi hồng tròn vo để lộ bốn chiếc răng phía hàm dưới nhỏ nhắn và trắng trong, tinh khiết như màu mây mùa hạ. Một cánh tay Huyền ghếch lên mép bàn. Huyền mặc áo hàng nội hóa.

Tôi nhắc :

— Huyền cứ nói đi.

Huyền cử động thật nhẹ, cả người quay lại đối diện với tôi. Huyền gật đầu :

— Thế chú bằng lòng nhé ?

Tôi tưởng như đây không còn là căn phòng làm việc của một phó quận trưởng nữa. Những chồng hồ sơ trên bàn, những chiếc bản đồ trên tường tất cả đều mới mẻ, có màu sắc và đáng yêu.

Tôi nhanh nhẹn gật đầu theo Huyền ;

— Bằng lòng.

Nụ cười như đóa hoa bùng nổ trên môi Huyền :

— Cảm ơn chú lắm.

Bàn tay Huyền theo đà dướn lên của thân người, đặt xuống trước mặt tôi một xấp giấy. Tôi thoáng nhìn thấy những giòng chữ thông thường của một tờ khai sanh. Tiếng Huyền thật nhẹ sau một cái đằng hắng :

— Thừa chú, cháu sắp phải nạp giấy tờ vào hồ sơ thi. Cháu cháu không có tiền mua tem dán vào những bản sao. Đây là một. Hai là nhà cháu nghèo, cháu không muốn xin tiền của ba cháu để mua sách. Mà thi sắp tới, cháu lại cần sách lắm. Cháu muốn đi kiếm lấy tiền để tiêu. Việc đó giúp cháu được phải không, chú?

Giúp Huyền tiền. Huyền cần tiền. À, có thể chứ. Thiên hạ đồn đại quả không sai. Tâm hồn tôi như cánh chim bay vút khỏi khu rừng mơ mộng với hình ảnh một nữ sinh kiều mị trong trắng. Trước mắt tôi chỉ còn là một con Huyền, một đứa con gái trơ trẽn, hạ giá, và đáng thương. Tôi nhìn Huyền thật bình tĩnh với,

những suy tính cân nhắc về giá trị xác thật. Không ngờ mình bắt được con Huyền dễ dàng thế này. Khởi phải nhờ bồ nào móc nối dàn cảnh. Chắc các bồ sẽ chịu mình lắm. Tuy nhiên trong thoáng giây, tôi vẫn hình như chưa rõ rệt lãnh đạm nỗi đôi môi, đôi mắt, đôi má hồng vì màu da mịn nhuyển ấy.

— Chú mỉm cười gì thế ? Chắc chú khinh cháu nghèo, phải không ? Biết thế cháu đã chẳng tìm đến chú.

Bàn tay Huyền với lấy tập giấy còn cuộn tròn trước mặt tôi, bỏ xuống lòng. Tôi chỉ nhìn thấy mái tóc phủ gần hết bầu má đang cúi. Đôi môi Huyền trễ rộng.

Tôi đưa đây ;

— Chú có nói gì đâu. Chú giúp Huyền chứ.

Huyền ngược nhìn tôi xiên qua mái tóc thật nhanh rồi lại cúi gục. Cử chỉ khép nép như muốn thu nhỏ tấm thân vốn đã bé nhỏ.

— Chú không thành thật với cháu đâu. Nhưng nếu vì cháu nghèo mà chú khinh cháu thì chú ác lắm.

Tôi cười mơn trớn như sợ vuột mất con mồi :

— Chú sắp thuê nhà Huyền thì làm sao giàu hơn Huyền, Huyền nói thế, mất cả tình thân giữa chúng mình mà Huyền vừa cho chú rồi đấy.

Huyền vẫn im lặng. Tôi tiếp :

— Huyền vừa đưa chú ký những bản sao chữ gì ? Trời. Huyền đưa đây, chú ký ngay, khỏi cần xem bản chính cũng được.

Đôi mắt Huyền vẫn xiên qua mái tóc nghiêng nhìn tôi : Màu đen của tròng mắt như sâu thăm thẳm, như chứa ẩn bao nhiêu huyền thoại mông lung. Một lát sau tôi mới lại thấy nụ cười của Huyền :

— Cháu mong sẽ có ngày chú hiểu cháu. Bây giờ thì chú ký những thứ này cho cháu đi.

Tôi đón nhận cuộn giấy từ tay Huyền. Bàn tay người con gái nhỏ nhắn, không thêm một món trang sức. Cổ tay đeo chiếc vòng đôi mồi, chắc đã lâu nên không còn bóng nước.

— Khai sinh của những ai mà nhiều thế này, Huyền ?

— Của tụi bạn cùng lớp với cháu. Cháu nhận đi sao hộ đề nhờ chú ký. Như vậy cháu khỏi mất tiền lệ phí. Như vậy đương nhiên là cháu được tám mươi lăm đồng. Cháu sẽ mua được hai cuốn luận viết văn và bài tập lý hóa.

Lời giải thích của Huyền làm tôi sửng sờ. Tôi ngừng ký, nhìn Huyền, nhìn cái gương mặt rạng rỡ nồn nà như vừa thoát khỏi xa cô bé lọ lem, như biến ảo từ một con chó gấu xù xì hôi hám thành một con mèo xiêm nằm khoan tròn trên đầu giường trải nệm. Những ý nghĩ đen tối trong

lòng tôi tan biến như bóng đêm lúc bình minh. Chúng tôi yên lặng nhìn nhau thật lâu. Rồi cùng một lúc, Huyền bỗng quay nhìn ra ngoài khung cửa sổ mở rộng, tôi bỗng cúi đầu hấp tấp ký tên vào những trang giấy.

Tôi nghe tiếng Huyền vang vang như thật xa :

— Phản lực lại tới rồi, chú ơi.

Tôi liếc mắt về hướng Huyền đang theo dõi :

— Tới làm gì ?

Huyền cười khanh khách :

— Tới để thả bom chứ còn làm gì ? Chú đã đi xem máy bay phản lực thả bom chưa ? Vui lắm. Mỗi lần máy bay tới, người ta đổ xô ra quốc lộ chờ xem đông lắm. Tụi cháu gọi cảnh ấy là niềm vui tình nhỏ, chú ạ.

Tôi nhắc lại lời Huyền :

— Niềm vui tình nhỏ là xem máy bay phản lực thả bom ? Thế không thương những người bị ăn bom ư ?

Huyền kể lể :

— Chốc nữa, máy bay thả bom, chú phải đi coi một lần mới thấy tụi cháu nói đúng. Còn hấp dẫn và đẹp hơn xi nê nữa. Những chiếc máy bay từ trong mây lao vút xuống đầu những ngọn cây ở châu núi, rồi vọt lên, rồi những tiếng nổ ầm ầm vang dội rung chuyển cả đất, rồi từng cuộn khói bốc lên, gió thổi bay là là như mây. Ở Sài gòn có mất tiền cũng không được xem cái cảnh này. Thế thì không phải là niềm vui tình nhỏ ư.

Tôi vừa định đáp câu chuyện được tiếp tục thì có tiếng gõ cửa. Trung úy Lạc và trung úy Cảnh bước vào. Hai người dơ tay chào theo lối nhà binh được pha lẫn với cử chỉ bình dân. Tôi tiến ra phía họ, bắt tay và cười với với nhau. Tôi nhìn Huyền định giới thiệu. Huyền lại tưởng tôi nhìn chiếc ghế để cho đủ hai chiếc nên vội đứng dậy. Huyền nói khẽ qua vai tôi :

— Về.

Tôi trả Huyền xấp giấy vừa ký xong :

— Bây giờ chú phải đưa hai quan thanh tra tới ấp Lạc Quang đây. Huyền về nói với ba má là đề chú thuê căn phòng mà hôm trước má nói, nhé.

Huyền cười :

— Nhưng cháu không cho chú thuê đâu ?

Tôi toan hỏi nhưng chưa chọn được câu nào cho duyên thì Huyền đã ra tới cửa. Huyền quay nhìn tôi cười :

— Chú biết tại sao không ?

— Huyền ghét chú ?

— Không. Nhưng chú già nua lắm. Chú ở tỉnh nhỏ mà không biết niềm vui tỉnh nhỏ thì quê quá.

Chúng tôi cười vang rồi cùng theo Huyền bước ra sân quận.

Trời còn nắng chói chang. Mấy cây phượng đỏ rực hoa như những cục than lửa đặt ngoài chỗ trống gió. Anh Hải đã nhanh nhẹn lái chiếc Land Rover sát vào hiện chỗ chúng tôi đứng.

Trung úy Lạc nhìn xung quanh rồi nhìn tôi :

— Không có hộ tổng, Anh Đạm ?

Tôi lắc đầu cười :

— Từ đây tới đây có chín cây số. Và quận chúng tôi vẫn đi thường như đi chơi.

Trung úy Lạc mang chiến thuật giảng :

— Chính vì thói quen và khinh địch nên mất mạng một cách lãng nhách.

— Trung úy cứ yên chí. Nếu có địch, tôi xin lãnh hết đạn để trung úy bình an về Saigon.

Cảnh bước lên xe và pha trò :

— Còn tôi thì sao đây. Tôi cũng chưa muốn lãnh anh dưng bội tình với
nhành dương liễu đấy nhé.

Trung úy Lạc có vẻ không bằng lòng những lời nói của tôi. Ông leo lên xe theo trung úy Cảnh với những dáng điệu ngượng ngập như lần đầu sử dụng loại xe này. Chúng tôi ra khỏi thị xã. Anh Hải cho xe chạy nhanh trên quốc lộ vắng hoang trong cánh đồng lúa non. Tôi nhìn về phía những ấp cận sơn tìm dấu vết còn lại của vụ oanh tạc vừa qua. Không thấy gì. Niềm vui tình nhỏ không để lại một chút di tích. Chỉ có màu xanh của sườn núi, của cỏ cây. Chỉ có sự im lặng thanh thản.

This image shows a blank, aged, cream-colored page, likely an endpaper or flyleaf of a book. The paper has a slightly textured appearance with some minor discoloration and faint, illegible markings, possibly from a previous page or a watermark. The page is set against a dark background.

Xe càng chạy, trung úy Lạc càng đắm chiều nét mặt. Đôi mắt ông in trong tấm gương phản chiếu lặng lẽ. Mi mắt ông xụp xuống và ngập tràn những bí hiểm u uất. Được một lát, khi xe xuống đoạn dốc, ông quay hỏi tôi :

— Tôi chưa ?

Tôi nói còn độ chừng ba cây số nữa. Ông quay đi, nhưng tôi thoáng thấy vết những chiếc răng hàm in hằn trên má :

— Đã bảo chọn ấp nào gần gần thôi thì lại kéo nhau đi tuốt luốt tận đâu. Thật có gì thì lãng nhách.

Tôi đáp :

— Tôi không được nghe điều ấy. Sáng nay đại úy quận trưởng chỉ thị tôi đưa các ông tới ấp Lạc quang, tôi phải thi hành.

Chiếc xe bỏ quốc lộ, quẹo vào con đường đất đỏ, ngoằn ngoèo, giữa những bụi cây um tùm. Từ khúc đường này đã có nhiều người đi lại. Những đồng phân bò như những cục nhựa đường rải rác trên lối đi. Đám trẻ con thấy xe hơi, kéo ụa nhau ra xem rồi nổi đuôi chạy theo vết bánh xe in trên mặt đất. Nhiều đứa chỉ mặc quần. Nhiều đứa lại chỉ có mỗi chiếc áo. Và trong những thân thể lút của đen chùi chùi đó, còn có những đứa phủ lên người những mảnh vải lung thụng, đầy màu sắc hoa lá của những món đồ thừa thãi mà các quốc gia bạn gửi tới viện trợ. Nên khó thể phân tích nổi trong cái nhìn chết lặng này, tôi đang nghĩ gì, tôi đang có cảm xúc gì. Mỗi lần bước tới đây, tôi cũng vẫn đều đều để cho tay chân chịu nặng trước sự xôn xao sống động của tâm hồn. Nhưng lần nào tôi cũng vẫn chỉ thấy những khuôn mặt trẻ thơ kia vui cười, âm thanh trong như đàn chim trở về khi nắng ấm gọi nhớ những sân trường tiểu học, có hàng hiên dài và các cô giáo khoanh tay trông theo coi sóc. Tôi nhớ lại nỗi thắc mắc của trung úy Lạc về đoàn hộ tống. Bây giờ ông đã yên tâm chưa hay nhìn đám dân này mới bắt đầu sợ. Chúng tôi cho xe đỗ sát hàng rào kẽm gai trùng thống, giăng giữa hàng dương mới lớn. Ngôi hương trường gồm dãy nhà tranh siêu vẹo, úp xùm xụp trên nền đất cao, cánh cổng bằng khoảng sân hẹp. Chiếc cột cờ không có cờ, trơ hình một thân cây chết khô, ở giữa sân. Chính nơi đây là trại tạm trú cho đồng bào tị nạn cộng sản từ những vùng giao tranh chạy về.

Nhìn thấy sự sinh hoạt bình thường, Trung úy Lạc hỏi :

— Không dàn cảnh gì à ?

— Trung úy muốn nói không đón tiếp ?

— Tôi nói dàn cảnh với ý khác. Những nơi tôi tới thanh tra đều thấy chính quyền địa phương tổ chức gấp rút những cuộc phát tiền, phát thực phẩm để chúng tôi chứng kiến và phát tượng trưng. Ông Tỉnh này khác lạ thì có thể vì ông ấy trong sạch hoặc coi tụi tôi như tép.

Tôi chấm dứt lời trung úy Lạc :

— Tôi sẽ giúp tài liệu để chứng minh nhận xét thứ nhất của trung úy ; Về nhận xét thứ hai thì tôi không thăm quyền. Nhưng riêng việc ông Tỉnh mờ

hai trung úy ở tại tư dinh thì có lẽ không nghi hai trung úy là tép. Trung úy cũng lớn lắm chứ.

Trung úy Lạc vỗ vai tôi:

— Đùa đấy nhé.

Tôi nhìn thật lâu vào đôi mắt ông rồi mỉm cười. Cả khuôn mặt ấy, với những mắt, mũi, tai, trán nhưng sao không để lại cho tôi một chút nhận xét nào dễ nhớ. Khi mấy ông trong ban quản trị trại hốt hải chạy tới, vừa thở vừa nói chúng em đi tìm đất cho đồng bào trồng rau, tôi lặng lẽ giới thiệu hai bên với nhau. Trung úy Lạc dẫn họ đi ngay lập tức. Đầu ông hơi cúi để nói nhỏ vào những cái tai kia chuyện gì có vẻ thích bí mật. Tôi không buồn nhìn theo, quay sang nói với trung Cảnh, đề tôi đưa ông đi thăm mọi sinh hoạt trong trại, được không. Trung úy Cảnh cười, hân hạnh lắm, rồi mở chiếc máy ảnh khỏi bao, điều chỉnh ống kính sẵn sàng. Chúng tôi bước vào hiên nhà. Hàng hiên thấp lại ngồn ngộn những người và những đồ đạc vật vãnh của đồng bào mang theo được khi bỏ làng ra đi. Một gia đình gồm bà mẹ và ba đứa con nhỏ đang bu quanh mẹt gạo. Màu trắng của những hạt gạo, mà có người so sánh với hạt ngọc, đã chìm trong đất cát để thành màu của mớ gạo chưa giã. Những ngón tay nhỏ chim chíp như mỏ bầy gà nhỏ bây giờ bới ra, loại bỏ những thứ lẫn vào, như cảnh cồ tích xưa nào đó trình bày thăm trạng mẹ ghẻ con chồng oan nghiệt. Tôi nói với trung úy Cảnh, những nắm gạo này là họ bốc lấy khi phân phối xuống đất. Cũng đôi khi người ta dạy trẻ con lấy cây nhọn hay dao rình đâm vào bao bố cho gạo đổ xuống để bốc. Trung úy Cảnh đã chụp cái gia đình ấy. Rồi vừa lên phim, ông vừa tìm lối đặt bàn chân tiến vào trong nhà. Ánh sáng mờ mờ. Không muốn ông mất cảm hứng sẵn hình nên tôi đề mặc ông. Tôi bỏ ra ngoài sân, ngần ngợ như đứng giữa cảnh chợ chiều. Mấy đứa trẻ xúm lại, giơ rụt rụt những bàn tay nhỏ hỏi có kẹo không, ông. Tôi lắc đầu, Định tỏ sự thương yêu bằng cách nắm chặt những bàn tay hay vuốt những mái tóc ấy, nhưng tôi chỉ có những ý nghĩ tốt.

Thấy anh Hải đứng dưới cây dương liễu cuối dãy nhà, tôi lưỡng lự đi tới. Gặp ngay đoàn cán bộ quận biệt phái công tác đang xúm nhau đánh bài tứ sắc. Chỉ có trong đám người này. Tôi thấy Chi hơi khác với chiếc áo cánh màu gạch non vì mọi lúc chỉ quen nhìn tấm thân ấy trong chiếc áo dài. Gặp Chi, tự nhiên tôi đề ý ngay đôi chân Chi. Đôi chân đó án ngữ ngoài khung cửa gió đã bắt tôi phải nhìn hoài. Bây giờ chân Chi nằm trên đôi dép mỏng màu vàng. Những ngón chân dính đất lem nhem như những nhánh gừng vừa nhở khỏi luống.

Đám người vừa chơi bài vừa reo đùa với những lời tán lãng nhăng. Giá không có Chi, tôi đã tự nhiên ngồi xuống và đùa với họ. Tôi vẫn nghĩ mình phải thân mật và sống chung với nhân viên mới dễ gây lòng cảm mến, lợi cho công vụ. Nhưng Chi thường có những cái nhìn và những nụ cười với tôi những lúc mang công văn vào trình có vẻ quá phạm vi khiến tôi mất tự nhiên.

Lúc đó, bỗng Chi bật lên những tiếng cười dài. Toàn thân Chi rung động, hai đầu gối khép mở nhịp nhàng. Tôi băng khuông nhớ Huyền. Huyền dịu dàng hơn nhiều. Vậy mà không biết tại sao cha nào cũng nói Huyền đi làm tiền.

Niềm suy tư sắp lãng đãng lan rộng như mây trời gặp gió thì trung úy Cảnh từ trong nhà hăm hở bước lại chỗ tôi :

— Moa nghe tiếng cười thiếu nữ, tưởng cụ có mục chú cháu gì mới.

— Với hai bông mai thì trung úy mới nhiều cháu chứ tôi mà kiếm đâu ra, nhạo hoài.

Trung úy Cảnh có lẽ chỉ nghe đến nửa câu tôi nói. Ông đã thấy màu áo gạch non của Chi. Lập tức, chiếc máy ảnh lại được tháo ra khỏi bao, ông đề ống kính rồi lò dò bước tới gần Chi. Không ngại bẩn quần, ông quì một đầu gối xuống đất, rồi đưa máy lên ngắm. Bỗng ông la lớn ối cha. Cả bọn giật mình ngừng mặt về phía ông. Thế là ông vùng dậy :

— Cảm ơn cô em đã cho bức hình kỷ niệm, nhé. Cô cho địa chỉ, tôi sẽ gửi tặng, để cô xem.

Chi đứng lên ngúng nguây :

— Lừa dối. Tại sao trung úy không thề đảng hoàng nói.

Trung úy Cảnh cướp lời :

— Thế bây giờ tôi nói đảng hoàng đây, cô cho chụp một kiểu ảnh, nhé.

Chi chợt nhìn thấy tôi. Những người kia cũng cùng một lúc cúi đầu chào. Riêng Chi còn chào tôi bằng ánh mắt. Trung úy Cảnh đến bên tôi :

— Ông Phó giới thiệu đi chứ. Tôi là Cảnh còn cô...

— Cô Chi. Các anh chị đây thuộc quận tôi.

— Thế cô Chi đứng chỗ nào để chụp bây giờ ?

Chi liếc tôi, giọng nói đong đưa :

— Chi xin cảm ơn trung úy. Trung úy định lấy hình đưa con gái nhà quê này về dọa con nít sao.

Trung úy Cảnh cười cười :

— Vừa rồi gặp cô cháu ông Quận đã bị a-la-de, bây giờ gặp Chi lại bị a-la-de luôn, thật...

Chi vụt nhìn tôi, đôi vệt lông mày cau lại và ánh mắt sáng rực :

— Cô nào, tên gì đấy, trung úy ?

Cảnh nhanh nhẩu :

— Cô Huyền.

Chi bật ngả đầu ra phía sau, khuôn mặt ngửa như dướn lên, hai làn môi há rộng

— À, cô Huyền.

Tôi mỉm cười quay đi nơi khác, tránh những con mắt của đám cán bộ và tiếng cười trong trẻo của Chi.

— Thừa trung úy, cô cháu ông Phó là hoa hậu của tỉnh này đấy ạ. Cô Huyền đã nổi tiếng liên tỉnh, nay thêm trung úy biết nữa có lẽ sẽ nổi tiếng khắp vùng chiến thuật.

Lời nói bóng gió của Chi khiến tôi tức bực hết sức. Tôi trừng mắt, nhìn Chi như muốn ra lệnh hãy câm cái miệng. Đã thế thì cứ yên chí ở lại đây ít tháng nữa nghe em. Xin lỗi anh Trưởng ty Bưu điện nhé. Tôi nhớ lúc gửi thư cho chị Dung, Độ hỏi sao anh bắt Chi đi công-tác xa thế. Anh gắng giúp cho Chi về quận sớm được không. Chỗ quen biết cả mà. Tôi đáp được tôi sẽ cho Chi về. Nhưng Chi đối với anh liên hệ thế nào đây. Độ cười chúng tôi có họ. Nhưng hỗn thế này thì tha làm sao được. Chắc anh trưởng ty bưu điện lại buồn. Tôi chắt lưỡi cần gì, không mua được tem hòn phụ tử là cùng. Mà có con tem ấy, chắc gì chị Dung đã đề ý, có khi xé thư đã xé mất tem rồi.

Sau đó Chi bằng lòng đề nghị của trung úy Cảnh. Cảnh bắt Chi kiểm hai đứa nhỏ, bế trong lòng như đang săn sóc và giúp đỡ đồng bào. Chi làm rất khéo, nhất là lúc nựng đứa nhỏ và cười buồn với tôi cho trung úy Cảnh chụp.

Giữa lúc không biết làm gì ấy thì trung úy Lạc xách cặp bước ra khỏi văn phòng ban đại diện. Ông gọi tôi tới :

— Thôi, cho tụi này đông. Mọi việc tôi đã ghi xong cả. Tốt lắm. Ở đây, mẹ, tôi thấy hồi hộp quá.

Tôi nhướn mày, cười khì :

— Tại trung úy thấy toàn áo đen, phải không.

Trung úy Lạc lại thành thực hơn nữa :

— Biết đâu được, Mẹ nhớ một trái lựu đạn từ đâu choảng ra thì có chạy đằng trời. Cần tắc vô ưu mà.

Chúng tôi lên xe. Trung úy Cảnh dơ tay vẫy vẫy Chi, lúc đó đang đứng dưới cây dương, hai tay khoanh trước ngực. Chi nhìn theo. Tôi không muốn

thấy đôi mắt ấy. Xe bắt đầu ra quốc lộ. Trung úy Lạc sửa lại dáng ngồi. Ông lên tiếng :

— Vừa rồi tôi nghe nói về thành tích của giải phóng mà phì cười. Giải phóng bảo rằng máy bay Mỹ đi đánh Bắc Việt bắn rơi gần hết. Cái nào thoát cũng trúng đạn bốc cháy, khói kéo thành từng vệt trên trời. Như vậy là sẽ rơi ngoài biển.

Tôi cười :

— Ở đây thì vẫn thấy nhân dân bàn rằng loại máy bay Mỹ dạo này phải chạy bằng dầu cặn nên xả khói cuồn cuộn. Lý do vì bị phong tỏa và Giải phóng phá hoại hết xăng.

Rồi vụt nhớ Huyền, tôi tiếp :

— Riêng dân thị xã thì ham đi xem phản lực oanh tạc lắm. Coi đó là niềm vui tỉnh nhỏ.

(Còn tiếp)

ĐỖ TIÊN ĐỨC

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

1483 BYT - D.P.Đ.C

Thế giới, trong những tuần qua

• TỪ TRÌ

Trong những tuần qua thời sự quốc tế được đánh dấu bằng một vài sự-kiện đáng kể trên mỗi lục địa. Ở Âu-châu thỏa hiệp giữa Tây Đức và Hoa kỳ về qui chế quân đội Mỹ đồn trú tại Tây-Đức vừa được ký kết. Tại Á-châu hội nghị Guam giữa các nhà lãnh đạo Việt Mỹ. Tại Phi châu, cuộc tranh chấp giữa chính phủ trung ương Đông Nigéria và chính quyền của khu vực phía Đông nước này. Tại Nam Mỹ, Cuba đang bị đảng cộng sản của các quốc gia Nam-Mỹ chống đối mãnh liệt.

Âu-Châu, thỏa hiệp Đức-Mỹ làm giảm bớt tình trạng căng thẳng trong sự giao thiệp giữa Mỹ và Âu-châu

Như ta đã rõ, Đức vì nhu cầu tài chánh⁽¹⁾ cần phải đòi Mỹ xét lại chính sách đóng quân và việc tài trợ quân đội đồn trú. Ngày 27 tháng 2 năm nay, Thủ tướng Đức đã đi đến chỗ tuyên bố rằng ở Tây Đức «Hoa kỳ chỉ bảo vệ quyền lợi của riêng mình mà thôi». Nhưng tuy tỏ vẻ khó chịu, chính phủ Bonn vẫn thỏa mãn lời yêu cầu của Hoa kỳ bằng cách chịu cho nhà Ngân hàng Francfort hoán cải một số tiền là 2 tỷ marks, tức là 500 triệu Mỹ kim thành những trái-khoản

trung hạn từ 4 năm tới 4 năm rưỡi để giúp Hoa-kỳ tái quân-bình cán cân chi phó.

Về phía Hoa kỳ người ta cũng đã nhượng bộ nhiều. Chính phủ Washington không bắt Tây Đức phải mua 2,7 tỷ marks quân cụ mỗi năm nữa. Ngoài ra ông Mac Namara lại còn quyết định bỏ sự liên-hệ giữa vấn đề đóng quân và vấn đề tài trợ. Như vậy từ nay chính phủ Tây-Đức có thể thương thuyết về vấn đề tài trợ đội quân đồn trú Mỹ mà không lo bị Mỹ đe dọa rút quân về.

Đức cũng đã đi tới một thỏa hiệp tương tự với Anh về vấn đề quân đội Anh tại Đức.

Hai thỏa-hiệp này đã làm dịu rất nhiều tình trạng căng thẳng trong giao-thiệp giữa Mỹ và Đức. Mỹ đã nhượng bộ nhiều vì trước sự rút lui của Pháp ra khỏi Khối Bắc-Đại-Tây-Dương, Mỹ e rằng nếu Đức có một thái độ như Pháp, thì Khối này sẽ suy yếu nhiều và có thể đi đến chỗ tan rã.

Quân đội Mỹ đóng tại Pháp từ 1950

(1) Xin coi Bách-Khoa số 240 ngày 1-1-1967 bài Khủng hoảng nội các Tây-Đức, một biến chuyển quốc tế và số 246 ngày 1-4-1967 bài «Thế giới trong những tuần qua» của Từ Trì

đã rút khỏi Tổng-hành-dinh ở Saint-Germain-en-Laye trong tháng 3 vừa qua đúng như lịch-trình do De Gaulle ấn định, khi ra khỏi Tổ chức Phòng-Thủ Bắc-Đại-Tây-Dương. Tuy De Gaulle vừa thắng một nước cờ trên lãnh vực ngoại giao, địa-vị ông hãy còn lung lay sau cuộc bầu cử Quốc-hội vừa qua. Ở Quốc hội giờ đây ông chỉ còn có một phiếu đa số. Hơn nữa, dân chúng Pháp rất bất bình về chính sách của De Gaulle vì hiện nay nước Pháp thiếu trường học, thiếu nhà thương, thiếu nhà ở, trong khi De Gaulle dành tiền để tạo một lực lượng nguyên tử tốn kém. Nạn thất nghiệp cũng khá trầm trọng. Trong 5 năm tới, De Gaulle sẽ bị phe đối lập gây nhiều khó khăn. Ngoài ra chính sách «giải phóng các thuộc địa» của De Gaulle (décolonisation) cũng gặp khó khăn không nhỏ tại Djibouti.

Phi Châu, mầm nội chiến đang nảy nở tại nhiều nước.

Năm ngoái, khi De Gaulle bắt đầu cuộc công du sang Ethiopie, Cao Mên... ông đã ghé thăm vùng Somalis thuộc Pháp (1). Tại Djibouti dân chúng đã biểu tình đòi độc lập. De Gaulle trở về quyết định tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý để dân Somalis thuộc Pháp có quyền quyết định giữ nguyên qui-chế cũ hay là muốn độc-lập. Cuộc trưng-cầu dân-ý tổ chức ngày 19-3 đã đi đến kết quả là 60 0/0 dân chúng muốn ở lại với Pháp. Nhưng những bộ lạc Afar, được nước Cộng - Hòa Somalie lân cận xúi dục đã nổi loạn khiến 5000 quân Pháp gồm có lính nhày dù, lính Lê - dương phải can thiệp để «tái lập trật tự» làm 11 người

thiệt mạng. Trong khi Ethiopie, nước láng giềng khác, muốn vùng này thuộc Pháp để Ethiopie có thể xử dụng được đường hỏa xa Addis Abéba — Djibouti và để cản trở sự bành trướng của Cộng-Hòa Somalie, thì nước Cộng-hòa này lại luôn luôn âm mưu xâm lược vùng Somalis thuộc Pháp. Các quan-sát-viên e rằng, sau cuộc trưng cầu dân ý này, các bộ sẽ lạc khó tránh khỏi tàn sát lẫn nhau.

Sự tranh chấp giữa các bộ-lạc lại và còn xảy ra ở Nigéria nữa. Nigéria, thuộc địa của Anh, trước đây là một quốc gia lớn nhất Phi-Châu về phương diện dân số với 25 triệu dân. Năm 1966 một cuộc đảo chính quân sự do những sĩ quan trẻ thuộc giống Ibo miền Đông Nigéria bùng nổ. Cuộc đảo chính thất bại, nhưng thủ tướng Sir Abubakar Tafawa Balewa bị giết cùng với một số lãnh tụ người giống Hausa miền Bắc. Tướng Ironsi (người Ibo) lên nắm chính quyền được 6 tháng thì bị giết và từ đó một chiến dịch tàn sát người Ibo được phát khởi. Nhưng cũng từ đó Đại Tá Ojukwu cầm đầu miền Đông chống lại chính quyền trung ương do Trung tá Gowon lãnh đạo. Ojukwu đòi quyền tự trị cho 4 vùng của Nigeria. Nếu trước cuối tháng 3 mà nguyện vọng của dân Ibo không được thoả mãn Ojukwu sẽ tuyên bố ly khai. Hiện thời hai phe đang đe dọa tấn công nhau. Nếu hai phe không tìm được một giải pháp nào thì trong tương-lai rất gần nội chiến đẫm máu tất sẽ xảy ra:

Phi châu sở dĩ luôn luôn lộn sộn là vì

(1) Xin xem Bách-Khoa số 234 ngày 1-10 1966, bài «De Gaulle và những chuyến công du.»

các quốc gia của lục địa này thiếu thống nhất. Trước thời thuộc-địa, Phi châu chỉ là một giải đất hoang do những bộ lạc chiếm đóng. Khi các Quốc-gia thực dân Âu-Châu như Pháp, Anh, Đức, chiếm đóng, người ta đặt ra những biên giới hết sức giả tạo vì những đường biên giới này được ấn định theo sự chiếm đóng của các quân đội Âu-châu mà không tôn trọng biên-giới của các bộ lạc. Vì vậy nhiều bộ-lạc bị chia cắt, mỗi phần thuộc về một nước khác nhau. Nay Phi-Châu độc-lập, một vấn-đề trầm trọng được đặt ra, đó là vấn-đề ấn định biên giới. Nước này đòi một phần lãnh thổ nước kia lấy cớ là tại đó có một số dân cùng chủng tộc với mình cư ngụ.

Vấn-đề tranh chấp biên giới giờ cũng đã làm mối liên lạc giữa Maroc và Algérie trở nên hết sức căng thẳng. Maroc đòi một vùng ở sa mạc Sahara của Algérie và hai nước đã đánh nhau cách đây vài năm. Từ đó hai bên đang thương thuyết để tìm giải pháp. Họ đã đưa ra trước Liên-Hiệp-Quốc và tổ chức Thống Nhất Âu-Châu để dàn xếp. Trong khi đó, nhờ có viện trợ của Nga Xô, Algérie đã võ trang hùng hậu. Maroc cũng muốn võ trang và đã xin Mỹ viện trợ quân sự cho, nhưng Mỹ không muốn thêm dầu vào lửa nên không chịu. Ngày 17-3 vừa qua Bộ Thông tin Maroc đã tố cáo Algérie cố tình không tôn trọng nghĩa vụ của mình bằng cách không chịu trả lại đất đai của Maroc mà thực dân đã trao cho Algérie một cách bất hợp pháp.

Những khủng hoảng này là hậu quả của chế-độ thuộc địa xảy ra không những tại Phi-châu mà còn ở cả Trung-Đông nữa.

Trung-Đông, sân-khấu của một cuộc đấu tranh ảnh-hưởng.

Tại Trung-Đông, Anh sắp trả độc-lập cho Aden, một hải-cảng quan-trọng trên con đường kiểm soát để quốc thực dân cũ của Anh. Aden sẽ trở thành một quốc gia độc lập lấy tên là Liên-Bang Nam Ả-Rập. Nhưng dân chúng Aden, không đồng ý với Anh, mà cũng không đồng ý với nhau nữa. Thiếu nguyện vọng chung vì thiếu tinh thần quốc gia, dân Aden đã phải chứng kiến nhiều vụ khủng bố. Chính phủ Anh đã định tản cư đàn bà trẻ con. Vấn đề này có lẽ sẽ được đưa ra Liên Hiệp Quốc.

Một quốc gia Trung Đông khác đang ở trong cảnh nội chiến là Yémen. Tới năm 1962, Yémen là một vương quốc lạc hậu, phong kiến, không kỹ nghệ, không trường học. Năm 1962, một cuộc cách-mạng theo khuynh hướng Nasser đã lật đổ quốc vương Yémen và lập nên Cộng-Hòa dưới quyền lãnh đạo của thống chế Salal. Nhưng vương quốc Yémen lại được quốc vương của nước Arabie Séoudite ủng hộ, nên đem quân về tấn công Yémen. Nasser lại đem quân Ai-cập sang ủng hộ Salal. Vì vậy từ 1962 tới nay hai bên còn cầm cự tuy Nasser và Quốc vương Arabie Séoudite là Fayçal đã quyết định đình chiến rồi. Trong khi đó Yemen đã phát triển nhiều nhờ có sự viện trợ của cả Ai Cập lẫn Arabie Séoudite. Hơn nữa, lợi dụng thời cơ, Nga, Mỹ, và Trung Cộng cũng nhảy vào vòng chiến để « giúp » Yemen, nhưng đồng thời Yemen cũng là một võ trường của bốn ảnh hưởng Nga, Mỹ, Tàu, Ai-Cập tranh dành hơn kém.

Trong khi ngọn lửa chiến tranh chỉ

âm i cháy ở Trung Đông, thì ở Á Châu nó vẫn tiếp tục cháy lớn với chiến cuộc ở Việt Nam.

Á châu : Hoa-kỳ nhất định chiến thắng cộng-sản.

Hội nghị Guam, Tổng Thống Johnson tỏ ra hết sức cương quyết đi tới chiến thắng cuối cùng. Hội nghị đã hết sức chú trọng tới cuộc «chiến tranh khác» (other war) tức là chương trình bình định. Hơn nữa Tổng Thống Johnson lại được sự ủng hộ bất ngờ của ông Brook, vị Thượng Nghị sĩ da đen thuộc đảng Cộng-hòa. Trước sự ủng hộ này, Johnson thêm phần phấn chấn đề tiếp tục chính sách Việt Nam của ông. Tuần lễ từ 12 tới 18-3 được coi là tuần lễ đẫm máu nhất trong chiến cuộc Việt Nam: số lính Mỹ và lính quốc gia thiệt mạng đã lên tới 558 người trong khi phe cộng sản đã có tới 2.675 người bị tử thương.

Tại Ấn-Độ, bà Gandhi được tái cử là Thủ tướng nhưng ông Desai, người chống đối bà được cử là Phó Thủ Tướng

Tại Trung cộng, người ta thấy một vài dấu hiệu tỏ r cuộc «Cách-mạng Văn hóa» đã đi tới chỗ giảm sút hoạt động rõ rệt. Lâm Bưu lu mờ dần trong khi Chu-Ân-Lai lại xuất hiện với uy tín càng ngày càng lớn. Chu Ân Lai đã ra lệnh cho quân đội ngăn cản Vệ-binh đỏ không cho phá rối đời sống quốc gia nữa. Dầu sao đảng Cộng sản Trung Hoa cũng vẫn còn trong một hoàn cảnh hết sức khó khăn.

Nam Mỹ, Cuba bị cô lập

Một nước cộng sản khác trên thế giới hiện giờ cũng gặp nhiều khó khăn không

kém là Cuba. Là một nước cộng sản duy nhất ở Mỹ-châu, Cuba bị các quốc gia tự do bao vây và tẩy chay. Ngoài ra, năm 1966. Fidel Castro, Thủ-tướng Cuba lại bất hoà với Trung Cộng, vì vậy Cuba không những bị cô lập trong khối tự do mà còn bị cô lập trong khối cộng sản nữa. Muốn thoát khỏi sự cô lập đó, Cuba, thúc đẩy các đảng cộng sản Nam Mỹ và những đội quân phiến loạn cướp chính quyền tại các nước này. Nếu chủ trương trên đây thành công, Cuba sẽ là lãnh tụ của các quốc gia cộng sản Nam Mỹ. Sau hội nghị Tam lục-địa tháng 1-1966 Cuba đã được nhiều đảng cộng sản Á Phi tôn lên hàng lãnh-đạo. Nhưng Fidel Castro lại muốn bắt buộc các đảng này phải theo quan điểm của mình. Vì vậy các đảng cộng sản Nam Mỹ dần dần xa lánh Cuba. Ngày 13-3 vừa qua Fidel Castro đã công kích đảng cộng sản Vénézuéla, gọi đảng này là phản bội, là chủ bại. Ngược lại, đảng Cộng sản Vénézuéla cũng bác bỏ những lời tố cáo của Fidel Castro, và tuyên bố là họ phủ nhận vai trò «Giáo hoàng» mà Castro tự phong cho mình. Cuba càng ngày càng bị cô lập thêm.

TÙ-TRÌ

SÁCH MỚI

— **Tiền đồn** truyện dài của **Thế Uyên** do **Thời-Mới** xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 234 trang giá 90đ.

— **Một cái chết rất dịu dàng** nguyên tác «Une mort très douce» của **Simone de Beauvoir**, bản dịch của **Vũ Đình Lưu**, do tập san **Văn** xuất bản và gửi tặng. Sách dày 124 trang, giá nhất định 30đ.

BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

ĐỌC SÁCH GIÚP BẠN

BẢO KHÔ (Tập truyện)

GIAO ĐIỂM xuất bản — 160 trang



Tác-giả :

Y-UYÊN, tên thật là Nguyễn văn Uy, sinh năm 1943 tại làng Dục Nội, Phúc Yên (Bắc Phần). Hiện nay dạy học ở Phú Yên (Trung phần). Đã cộng tác với tạp chí *Bách khoa, Văn*. Đã xuất bản ba tập truyện ngắn *Tượng đá sườn non*, (Thời mới), *Bảo Khô* (Giao Điểm) và *Quê nhà* (Trình bày).

Tác phẩm :

Đàn ông trai tráng trong làng tối tối phải về thị xã ngủ để trốn du kích cộng sản từ trên núi về. Trong làng chỉ còn lại đàn bà và những người già cả. Lão thầy pháp tuy già người nhưng nết

chưa già, bởi vậy Bước bắn khoăn về những lời đồn đại xung quanh liên hệ giữa vợ mình với lão. Bước đi tìm về trong niềm băn khoăn ấy và trong sự... thèm khát : đã suốt tháng rồi anh Bước có được ngủ đêm với vợ lần nào đâu ? Gặp vợ, anh giải quyết sự thèm khát xong thì nắng chiều đã nhạt. Bước lại vội vã đi về thị xã, bỏ vợ ở lại với lão thầy pháp và những lời đồn đại chưa rõ thực hư (*Chiều trong làng*). Cha con Bích lánh nạn cộng sản từ quê về thị xã. Cha nàng thương nàng. Nhưng mỗi lần gặp nhau ông lại giận dữ vì những lời đàm tiếu xung quanh cuộc sống không đúng đắn của nàng. Bích cũng rất thương cha, nhưng nàng cùng với Hiền (bạn nàng) cứ tiếp tục không đúng đắn, hoặc với một quân nhân, hoặc với một đại diện xã. Biết sao, hoàn cảnh tản cư mà, thân gái lặn lội mà (*Bên ngoài khán đài*). Tết gần đến nơi, một số giáo viên ở một trường nọ, xa tỉnh lỵ, xa phi trường, xoắn xuýt lo lắng, tính từng ngày một, không biết rồi có phương tiện về nhà ăn Tết được chăng. Trong cảnh chờ đợi sốt ruột ấy, họ tiếp tục chịu đựng cái cảnh vẫn tiếp diễn hàng ngày hàng đêm : Học trò thỉnh thoảng một đứa trốn lên núi, thầy trò đêm đêm ra ngoài ruộng mía nằm trốn giấc, trò trưởng lớp có hôm xin nghỉ

học ra ngoài gò dọn chỗ, bắt rắn và bò cạp để chuẩn bị cho thầy tối đến ăn trồn, biếu tình, chạm súng gần trường, nghỉ hay cứ dạy ? v.v... (Ngày về của bọn họ) Một anh lính nghe vợ mình bỏ nhà đi bán ba, làm ăn lén lút, anh ta dắt con dao đi rình vợ ; một thiếu phụ có chồng chết nát thây trong một vụ khủng bố, lang thang đi tìm chồng. Anh lính nhậu say nói lảm nhảm. Thiếu phụ quần trí phát cuồng, cũng nói lảm nhảm. Bọn con nít và đám người dốt nát sao chép những tờ sấm truyền đầy lời đe dọa về những tai họa sắp xảy đến. Không khí ngột ngạt những mê đại, thống khổ (Bảo khô).

Tất cả bảy truyện, về cuộc chiến tranh đang diễn ra tại một tỉnh miền Trung. Nạn nhân là đồng bào nông dân, hoặc chịu nạn ngay tại thôn xóm mình hoặc gặp khó trên bước đường trốn giặc. Nạn nhân là những viên chức nhỏ, những đám thầy trò vô tội. Lời văn bình tĩnh, chi li.

oOo

QUÊ NHÀ (Tập truyện)

TRÌNH BÀY xuất bản — 168 trang — 70 đ

Tác giả :

Y UYÊN

Tác phẩm :

Mẹ mất sớm, hai anh em Nhành nghèo túng, bơ vơ. Cái Liên thì hai bác đem về nuôi, thay một đứa ở, không có thương yêu gì. Nhành thì sống qua ngày, từ nhà đứa bạn này qua nhà đứa bạn khác, không có tương lai, không còn nghị lực. Có mỗi một tình yêu là Miên thì nửa chừng tan rã. Có mỗi một ý định là đem em về, không đề hai bác lợi dụng nó, mãi mãi mới thực hiện được thì nửa đường về nhà hai anh em đã thiếu tiền xe buýt (Một chỗ cho người tàn tật). Tứ và chị Liên cũng mất mẹ từ sớm. Tứ được bà cô nuôi, chị Liên được ông bác nuôi. Hai chị em cách biệt đến ngày Tứ lớn lên, gặp chị chẳng được bao lâu lại đi lang bạt làm ăn, rồi chết. (Niềm an ủi cuối cùng) Nguyễn văn Ca cũng mất mẹ từ nhỏ, cũng nghèo khổ. Lớn lên trở về quê, gặp bà Hòa là bạn cũ của mẹ Ca. Bà Hòa thích nhắc lại thời con gái, nên di vãng của Ca sống lại ở bà Hòa. Do sự gần gũi đó mà Ca cưới cô Hường, con gái bà Hòa. Ca là di vãng của bà, Hường là hiện tại của bà (Người khách phương xa). Ông Thành từ Bắc di cư vào, luôn luôn mơ ước được sống gần những người bà con cùng ở ngoài Bắc vào. Sống gần và chết gần. Ông bỏ Đalat, về Saigon, ông mua miếng đất nhỏ, cất nhà, trồng cây thù lụ cho giống cảnh nhà ở ngoài chỗ quê hương. Ông mua đất làm nghĩa địa để bà con chết có chỗ chôn chung. Ông kiên trì, ông thiết tha. (Quê nhà).

Tất cả năm truyện. Nhân vật thỉnh thoảng có một nét tâm lý ngộ nghĩnh, bất ngờ; hoàn cảnh đáng thương, cảm động; không khí trong truyện nhiều chỗ thi vị kín đáo.

oOo

TIỀN ĐỒN (Truyện dài)

THỜI MỚI xuất bản — 234 trang — 90đ.

Tác gia :



THẾ UYÊN, sinh năm 1935 tại Hà-Nội. Từng cộng tác với các tạp chí Văn hóa ngày nay, Tân phong, Văn, Văn học, Bách khoa, Hành trình. Đã xuất bản : truyện dài *Tiền đồn*, các truyện ngắn : *Những hạt cát*, *Ngoài đêm*, kịch *Mưa trong sương*, và tiểu luận *Mười ngày phép của một người lính*, *Những ý nghĩ của bọt biển*. Viết chung với nhà văn Duy Lam tập truyện *Nỗi chết không rời*. Chủ trương tập san *Thái độ*.

Tác phẩm :

Vợ chồng chị Ba chỉ sống với nhau lúc chàng vạng tối. Ban ngày thì Tía — đại diện xã — lui tới ve vãn chị. Ban đêm thì Hải — cán bộ cộng sản — lên về cưỡng bức chị.

Hy, Vũ, Vinh... đóng quân ở một tiền đồn. Đời sống hàng ngày của họ là những vụ quân địch bắn sẻ, những cuộc hành quân, tuần tiểu, những vụ pháo kích lẫn lộn nhau, những câu pha trò thân mật, những thèm khát xác thịt v.v.. Họ khỏe mạnh và trẻ. Định mới đến, trẻ hơn cả, với những thèm khát và bắn khoản của chàng. Có Định đến thay thế, Vũ được phép về thăm nhà. Ngày mai chàng đi phép thì đêm nay Hải lên về xua đồng bào đào đường đắp ụ, trong khi ấy hắn đi tìm chị Ba. Trong cuộc đụng độ giữa hai bên, Vũ đang chỉ huy bị một phát đạn ; các bạn chàng, qua làn sóng truyền tin, nghe những câu mê sảng cuối cùng với những hồi ức lộn xộn của chàng. Hải thì chết banh xác lỏa lồ bên thây chị Ba. Anh Ba gục ngã ngay tại chỗ đắp ụ.

Chết chóc, nhậu nhẹt, chen lẫn hỗn độn bên cạnh chuyện hành lạc, cưỡng bức, cười cợt đùa giỡn chen lẫn với nước mắt, đau thương. Thú tính hung tợn tung hoành bên cạnh những mơ ước bắn khoản xa vời. Tác giả dùng kỹ thuật riêng để tất cả những yếu tố ấy chan hòa vào nhau, lẫn lộn vào nhau, biểu hiện cái thực tại ác liệt hỗn loạn của cuộc chiến hiện tại trên đất nước.

THỰC

HOA BƯỚM BƯỚM (truyện dài)

LÁ BỐI xuất bản 266 trang,

Tác giả :

VÕ HỒNG, giáo sư trường trung - học Hồng Bàng, Nha Trang. Đã cộng tác với các tạp chí *Bách Khoa*, *Văn*, *Giữ Thơm Quê Mẹ*.... đã xuất bản *Hoài Cổ Nhân* (Ban Mai, 1959), *Lá Vắn Xanh* (Thời Mới 1962, *Vết Hằn Năm Tháng* (Lá Bối, 1965), *Con Suối Mùa Xuân* (Lá Bối, 1966), *Khoảng Mát* (An Tiêm, 1965), *Hoa Bướm Bướm*, Lá Bối 1966)

Tác phẩm :

Năm vừa qua, hai nhà xuất bản An Tiêm và Lá Bối xuất bản liền hai tập truyện ngắn của nhà văn Võ Hồng, nhà văn quen thuộc nhiều với độc giả Bách Khoa, song đặc biệt, tác phẩm mới nhất của anh là tập truyện dài *Hoa Bướm Bướm* do nhà Lá Bối xuất bản (tập đầu trong bộ tiểu thuyết dài gồm ba quyển, theo lời tác giả).

Hoa Bướm Bướm là một câu chuyện lồng trong khung cảnh chiến tranh 1945, tại Đà Lạt. Quý, một nữ sinh sắp đi thi tú tài phải bỏ học lên Đà Lạt ở với bà nội vì thời cuộc. Vốn con nhà giàu, có sắc đẹp, được nhiều người tán tỉnh nên cô gái này có vẻ phật ý khi thấy Luân (bí thư của viên Tổng Đốc Nam Triều thời chính phủ Trần trọng Kim) tỏ ra thờ ơ trước giọng hát mình và không nhận lời giúp mình ngay khi cô đến nhờ anh can thiệp để nhà binh Nhật khỏi trưng dụng nhà cô. Luân là một thanh niên trí thức có thái độ chừng mực : không hành động giống như những kẻ chạy theo danh lợi thời ấy (bằng cứ là đến khi mất chức, sản nghiệp anh chỉ vồn vện có một va ly và một rương sách mà thôi) mà cũng không giống như những người trẻ tuổi thức tỉnh trước phong trào cứu quốc.

Mai Trang, một thiếu phụ giàu, có thể lực, ly dị chồng vì không có con rất được nhà binh Nhật nể, đã giúp Quý khỏi bị trưng dụng nhà và đề nghị sẽ giúp Luân hợp tác với Ủy Ban, nhưng anh từ chối, viện cớ mình là người của «chế độ cũ» và thực tình anh cũng muốn nghỉ ngơi ít lâu. Khi Nhật bại trận người ta mới biết rằng Mai Trang lợi dụng họ để làm việc cho kháng chiến và nàng giúp Quý vào ban cứu thương (vì Quý bị nghi là thân Pháp) trong lúc Luân tản cư xuống Trại Hành. Sau đó Quý bị bắt tại Cầu Đất, Luân đến thăm. Rồi nàng được tha nhờ sự can thiệp của Đạo, Ty trưởng Tuyên truyền và được mời giúp việc tại đây (dịch những tin tức, truyền đơn từ Việt sang Pháp văn và ngược lại). Luân cũng vừa nhận công việc như Quý dịch Anh văn. Đạo theo tán tỉnh Quý và có cử chỉ sỗ sàng, bất ngờ Luân bắt gặp. Ba ngày sau, Luân được Ủy Ban nhờ đi điều đình vụ xung đột giữa

quân đội ta và quân đội Nhật đóng ở Fimnom, một công tác khá nguy hiểm. Quý thì phải xuống Tháp Chàm với ban Tuyên Truyền. Mai Trang từ Đà Lạt vượt nhiều khó khăn xuống Dran ghé thăm nhằm lúc đó nên không được gặp cả hai người. Nàng viết thư đề lại cho Luân và bóc theo một tấm ảnh anh. Người đọc có thể hiểu rằng nàng yêu Luân. Tình hình khẩn trương : quân Pháp hợp lực với quân Nhật tấn công bất ngờ vào trận tuyến ta ở Trại Mát, rồi Fimnom. Đại bác nổ rền ở ngã M,lon. Ủy Ban họp khẩn cấp. Quý lại phải xuống Suối Cát, Luân bị buộc ở lại vì theo lời Đạo «anh còn có việc tại đây». Mặt trận lan dần, một may mắn tình cờ Luân thoát chết trong lúc vài bạn kẹt lại. Gặp Quý tại Suối Cát. Vì bất ngờ nên đồ đạc anh còn tại Dran. Trong không khí đe dọa của chiến tranh, chết chóc, cô độc, hãi hùng đó, hai người gần nhau hơn...

Đến Tháp Chàm thì đã hơi xa sự nguy hiểm, cả bọn dừng lại phân vân không biết nên đi về đâu. Ma Nương ? Đồng Mé ? Nha Trang ? Trong bọn chỉ có một người tạm gọi là rành phương hướng, nghĩa là biết mang máng rằng hướng này là Đà Lạt hướng kia là Phan Rang, hòn núi kia là Nại, Nại là bề, và họ bàn nhau vào rừng thì chết đói. Thà xuống bề, không cơm gạo ăn có thể bắt cá bắt ốc, ăn qua ngày. Thế là nhắm núi Nại làm đích, họ lần đến đó.

Tại Phương Cự, Quý và Luân gặp lại Mai Trang, đang làm chủ một địa cá ở đây, nàng đặc biệt giúp đỡ hai người, từ cái ăn, cái mặc cho đến tiền bạc đề anh và Quý có thể thoát ra khỏi vùng hẻo lánh này vì Tây đóng ở Phan-Rang cứ lăm le kiểm soát, ruộng bỏ ngày một. Súng nổ, người chết, nhà cháy, đàn bà bị hãm hiếp. Mai Trang nói với Luân : «Từ nhỏ đến lớn, Quý nó chưa biết khổ là gì. Nó là thứ chén kiêu đặt ở phòng khách. Chiến tranh tôi luyện nó và đặt nó ngang tầm tay anh. Hãy thương yêu nó nhiều hơn là tình yêu mà một người đàn bà có quyền đòi hỏi ở một người đàn ông».

Và trong lúc Quý, Luân lên thuyền về bến Nại tìm cách ra Trung thì nàng trở về nhà thu xếp đi Djiring.

Suốt 265 trang giấy, văn lối hành văn mực thước, chậm rãi, trang trọng của mình, tác giả làm cho mọi người bằng khuâng từng lúc và bình ảnh các nhân vật như còn ám ảnh người đọc sau đó khá lâu. Nhưng đặc biệt nhất vẫn là những lúc anh nói đến mùa màng, đất đai, vườn tược. Người đọc không thể ngừng lại vì bắt gặp một cái gì rất là quen thuộc, mến yêu. Và chúng ta hy vọng sẽ được đọc nốt những cuốn sau, chắc còn dành nhiều bất ngờ thích thú.

MINH - TÂM

MỘNG NGÂN SƠN (Tập thơ)

HOA NẮNG xuất bản — 140 trang.



Tác giả :

QUÁCH TẤN, sinh năm 1910 (?) tại Bình Khê, Bình Định. Đã xuất bản *Một tấm lòng* (thơ), *Mùa Cỏ-diên* (thơ) *Trăng ma lâu Việt*, *Nghìn lẻ một đêm*, *Động bóng chiều* (thơ) *Mộng Ngân Sơn* (thơ).

Tác phẩm :

Mộng Ngân Sơn, tập thơ gồm 135 bài thơ 5 chữ, của Quách Tấn, do Hoa Nắng ở Balê xuất bản và ấn loát.

● Cộng với *Động Bóng Chiều* (108 bài) in hồi năm ngoái là 243 bài thơ 5 chữ, Quách Tấn hẳn đã đứng đầu về lượng với loại thơ này. Ông còn hứa hẹn trong bài tựa : « Đời mới tịch dương còn đủ sức còn cố gắng ».

● Thơ 5 chữ vốn khó hay ở điểm nói, tả ít, cô đọng và chỉ 1 câu, 1 chữ vụng về là cả bài thơ bị hỏng. Với một bài ngũ ngôn tứ tuyệt hay, người đọc hẳn phải còn thấy thòm thềm vì cảnh như chỉ vừa thoáng qua mà đã biến mất, chỉ còn chút dư vị. Không lời rào đầu, không câu, đoạn chuyển tiếp, thơ 5 chữ tránh được cái rườm rà, đi thẳng vào tình ý, hợp với cách tả một trạng thái tâm hồn ngắn, gọn.

Quách Tấn đã đạt được với lối thơ 5 chữ, vốn dễ đưa người thơ vào khuôn sáo.

Mộng Ngân Sơn là những nét thảo tả tình tả cảnh nhẹ, nói lên sự ung dung nhàn nhã rất « thiền », thưởng lãm mà không quá tò mò với cảnh vật.

Khi đọc : *Sóng dồn hơi gió lạnh / Bờ hút bóng lau thưa / đứng đợi bướm xa khuất 1 Ngày chiều lá đỏ mưa* (Chiều tiễn biệt, trang 4)

hoặc : *Bát ngát dòng thu quyen — Mây chiều lơ lửng trôi* (Dòng thu, tr. 41) ta thấy tác giả không nói lên rõ rệt tình cảm trước cảnh vật, nhưng cảnh đó là cảnh buồn và mỗi người muốn thấm buồn theo mức độ nào, tùy ý và tùy tâm hồn. Trừ chữ « đứng đợi » hơi « lộ liễu » còn toàn bài đều mang một nét rất thanh thoát. Những cảnh trong *Mộng Ngân Sơn* rất sơ sài, ai cũng gặp, nhưng phải có người nói lên và rất khẽ, rất ngắn như một tiếng thở dài mình mới nhớ là đã gặp. Đó là cái đẹp mềm mại, cái đẹp của rêu, của hòn non bộ, với những hình người bằng đá, xứ, trầm lặng đôi lúc chỉ khẽ rung vì vài con cá vàng nhỏ đột nhiên đớp mặt nước rồi thôi, cái đẹp như không còn có ở nhịp sống này, cái đẹp xưa, rất xưa.

Và từ thế giới rất trầm tĩnh đó, từ giã nhà thơ sở trường về ngũ ngôn tuyệt cú, chúng ta sang thế giới ồn ào hơn, khúc mắc hơn của Phò Đức, nhà thơ trẻ sở trường về lối thơ 6-8 chữ.

HIỆN THÂN

NHÂN CHỨNG xuất bản — 64 trang — giá 60đ.

Tác giả :



PHỞ-ĐỨC tên thật là Lê-Phước-Độ, sinh tại Huế năm 1938, nguyên quán tại Điện-Bàn, Quảng-Nam. Đã xuất bản những tập thơ sau đây : *Cung điệu ngàn phương* (1963), *Vòng thời gian* (1964), *Tiếng ca quê hương* (1965), *Linh hồn cỏ biển* (1966), *Hiện thân* (1967).

Tác phẩm :

HIỆN THÂN, tập thơ thứ 5 của Phở-Đức, tính từ 1963 mỗi năm Phở-Đức cho in đều đặn 1 tập.

• Từ *Cung điệu ngàn phương* 1963 đến *Hiện thân* 67, Phở-Đức đã tiến rất nhiều.

Điểm đặt biệt của thơ Phở-Đức là không gò bó và không ngụy trang. Lời thơ rất mộc mạc hầu như nghĩ sao viết vậy, viết theo chất « thơ » tuôn ra chứ không theo cái « nghĩ » để dồn thành thơ. Anh thuộc loại một số nhà thơ rất hiếm, ít chịu ảnh hưởng, có sắc thái riêng biệt, « thơ » ngay tự con người, tâm hồn và nếp sống. Anh không có những quẩn quại giả tạo, chung nhàn ; ở anh là cái ngọt của mật của nước mưa không phải chất « sirop » hóa học hoặc cái thơm của nước hoa hợp chế.

Mộc mạc là điểm rất quý ở thơ anh, mặc dù đôi chỗ làm ta phải mỉm cười mà tha thứ. Khi anh viết (trong *Hiện Thân*) *Vì đời mưa nên em về bị ốm*, thì tôi tin là anh có người yêu đi « thơ mộng » với anh về và bị ốm thật. Và đừng bắt nhà thơ này sửa lại cách dùng chữ, diễn tả, để cho hoa mỹ hơn.

Anh có nói đến cái chết trong *Hiện thân*, rất chân thật, hồn nhiên, với cái « triết » chất phác của những người Việt trung bình, ít màu trí thức. Hãy nghe anh mong : *Ngày đi xác trả cho người / Còn hồn chẳng biết rong chơi chốn nào ? / Vì đời là giấc chiêm bao / Nên tôi xin được đi vào hư vô.*

Anh nghĩ ngờ Thiên Đường và Nát Bàn và mong (ngay ở 2 trang sau) : *Kiếp sau xin chớ làm người / Làm thân con nước rong chơi khắp miền.*

• Thơ lục bát của Phở Đức đã gọn gàng hơn trước, với những vần và chữ chính xác, ý lời điêu luyện hơn. Bài *Gió núi*, *Rừng nghèo* (6 chữ) *Lời già từ*, *Hồi sinh...* (8 chữ) là những bài hay. Nhiều câu làm ta nhớ tới Nguyễn Bính và đọc nghe như ca dao :

*Quê mình còn đạn bom rơi
Anh còn góc bể chân trời xa em.*

• Phở Đức hẳn thừa phong phú, sẽ chín chắn hơn để tránh con đường hiện sinh tầm thường của một số đông nhà thơ vốn nghèo tự tâm hồn và cuộc sống. Thơ anh còn hứa hẹn rất nhiều.

QUỐC - THÁI

NHỮNG NGÀY GHI VỘI

T RẦN-QUÍ-SÁCH

Phú nhìn Tân cúi cúi đứng đằng sau hàng chờ lên xe để đi bãi. Hình dáng ốm gầy của bạn, cặp kính cận hình như trệ xuống đằng sống mũi, làm anh thấy hình như tất cả hình hài cô đơn đang vây phủ. Anh thương hại, có ý nghĩ muốn dúi vào balô bạn một bao thuốc, nhưng rờ lại túi, biết đã hết tiền. Anh biết trong trung đội, dù sự cảm thông của con nhà binh đã có nhiều, nhưng chưa chắc ai hiểu Tân bằng anh. Anh đã tìm thấy ở bạn mình trong những ngày chung sống, một nỗi cô đơn ngạo nghễ, một nỗi đam mê dạt dào với cuộc sống, một nỗi bí ẩn mà anh từng thắc mắc để đặt một câu hỏi

Đợi đến khi chiếc xe cuối cùng rờ máy chạy, anh cúi cúi vào văn phòng. Vị sĩ-quan trực đã theo đại-đội ra bãi tập. Văn phòng bỗng quanh hiu lạ. ùng. Anh muốn làm một công việc cho đỡ bức rức. Tuần này đại đội đi học bãi liên miên. Anh đã mất 2 lần tác xạ và 2 bài chiến thuật.

— Đơn này sai. Viết chưa lễ.

— Đơn không ghi địa chỉ, trả lại.

Anh đọc từng đơn, định bụng chiều sẽ trả lại từng người. Trời bắt đầu nắng. Những cột sắt sơn màu trắng viền đỏ lấp loáng lướt sơn loang loang. Những cây điệp lá li ti, mỗi lần gió thổi, rụng xuống sân dlu dập.

Anh nhớ đến Linh. Lá thư đã viết còn dở dang hiện nằm trong tủ. Mùi đàn bà còn phất lại vào ngày chủ nhật. Nụ hôn kéo dài giữa trưa nắng. Hai thân thể quện tròn, căng thẳng như bao nỗi nhớ nhung ở tại quân-trường. Chắc lần đi phép đặc biệt này, Linh sẽ ngạc nhiên lắm. Không ít thì nhiều anh sẽ giam Linh suốt một buổi tại một nhà mướn.

Anh trở vào phòng. Tủ Tân còn mở khóa. Quyển vở 200 trang nằm trên ngăn của Tân làm anh tò mò muốn tìm hiểu.

1 giờ trưa ngày... tháng...

Viết những giòng chữ này khi mình đang ngồi dưới gốc một cây thông con. Trời nắng thật gắt, ở đây, tìm một bóng mát thật hiếm. Trại với mái tôn và dây kẽm...

Rồi H. khoảng 9 giờ. Đi cũng không được yên thân bọn mình như một đàn heo chen chúc trên chiếc GMC vượt đèo vượt núi để bước vào nghiệp mới. Mình mệt quá, mắt hoa muốn mưa. Chữ nghĩa mấy bồ nhĩ. Bây giờ đi làm quan kè cũng chẳng hoài công.

Ba đi tiên. Tại sao ba đi tiên, hở ba ? Buồn, con chỉ biết khóc trong lòng. Bóng ba lủi thủi bên công trại. Chiếc áo lương đen, cái mũ nhắm nheo... mắt dần, mắt dần.... về ĐN, vào trại số 1. Năng, và tiếng phản lực. Con nghĩ nhiều đến chiến tranh, đến chủ nghĩa. Tại sao mình không sinh vào một kiếp trước ? Tại sao từ khi mở mắt chào đời, thấy bà con lối xóm bị Tây hiếp, bây giờ mắt lại thấy lại thê thảm của quê hương, càng nghĩ càng cảm chúng nó. Chúng nó ở ngoài ấy yên ổn, sao lại đem súng đạn vào quê hương này để gieo tang tóc ?

Một ngày trôi qua ở trại nhập ngũ. Hết tập hợp, làm giấy tờ, khám bệnh rồi vắc mật đứng bên hàng rào kẽm gai trông ngóng. Cảm thấy lo sợ. Vào nhà thương Duy Tân, những con người nhập cuộc trước, đang ngồi trên chiếc xe ba bánh. Mình cố gắng lắm mới tự nhủ : không, không sợ... Chiến tranh bao giờ cũng có chết chóc... Con người bây giờ là một vì sao rụng, không hơn không kém.

Bọn nó nhin ăn sao tài quá. Một thằng dạy tại một trường trung học lớn đã nhin suốt 7 ngày. Nước cũng không dám uống, chỉ ăn chanh và nằm một xó. Tự nhiên mình ứa nước mắt, Anh em bè bạn đã ra đi, chắc cũng ngậm ngùi với những kẻ đi sau.

Ngày... tháng...

Bây giờ đã thực sự học làm chuẩn-úy. Đầu đã húi trọc, chân đã bắt đầu mang đôi giày da nặng trĩu : Quần áo thì khỏi nói. Khoác vào thân thề ồm nhom cái quần rộng thùng thình, mỗi lần nịt, chẳng khác nào một váy đầm xòe của thế kỷ 20. Còn áo thì dài đến nỗi che cả phần dưới... Cả bọn gãi đầu trọc, soi gương cười hô hô...

Rồi tập chào, tập đi tập đứng... Một hai ba bốn... Một hai ba bốn. Hét đến khan cả giọng... Tự nghĩ đeo lon Chuẩn úy đâu phải là dễ.. Cũng mồ hôi và hít đất mới đổi chác cái oméga vàng óng ánh này, chứ phải chơi...

Chợt nhớ lại ngày sinh nhật của má khi viết vào tờ khai an-ninh. Bao năm rồi con và má xa nhau. Con nhớ má ôm con vào lòng trong những đêm Tây về, làng. Má núp dưới gầm giường hay hầm phân trâu. Con khóc thét. Tiếng súng đạn nổ dồn mỗi đêm, cùng tiếng cười hô hô của bọn Tây đen đã làm con run rẩy nép chặc vào người Má... Rồi má bỏ làng bỏ nước ra đi, đến bây giờ con vẫn chưa gặp Má

Từ những ngày thơ ấu, con đã sợ hãi trong lòng má trước tiếng súng đạn dồn dập, má hiền dịu bảo con : Nín đi Ty, mai chắc hết. Bọn nó rút đi rồi. Bây giờ con đã cầm lấy súng để mà nhớ lại những ngày thơ... Con sợ súng đạn, giờ con đã ôm súng đạn. Con sợ máu, giờ con đã thực sự bước vào bể máu của quê hương... Quân thù nhiều quá... nhiều hơn bọn Tây dẫm nát quê mình năm nào.

Ngày... tháng...

Những ngày đầu tiên của một thằng lính. Không vui không buồn không nghỉ ngơi. Chỉ biết ăn, ngủ và nằm thở dốc... Sáng nay, lại chảy máu cam. Mệt quá, lại giam mình dưới nắng, chảy là phải. Xin vị sĩ-quan nghỉ tập, chạy về hành lang rạp xi-nê để nằm ngửa cho máu thôi chảy. Khoảng dĩ vãng lại hiện về... Thằng bé lạc loài năm nào đang đứng bên gốc nhà, hay bên bể nước, để rửa những giọt máu đỏ ở mũi. Họ cứ đập, cứ tát vào mũi. Thằng bé oà khóc, và máu cứ chảy ròng ròng. Bảy giờ bệnh lại tái phát. . Buổi chiều xin lên khám bệnh. Bác sĩ cho một hộp thuốc cầm máu. Tiêm vài ống nhưng bệnh cũng chưa dứt... Xin bác sĩ nghỉ một ngày; bác sĩ gật đầu. Một chập cũng quen. Mình bỗng ứa nước mắt, đời lính và máu đào. Cổ đành dùm được giọt máu nào thì hay chừng này.

Rồi đến những lần ra bài tập bắn. Cầm Garant nặng không thể tưởng. Tay muốn run và vai thấy ê. Bắn lần đầu ba phát, trật ra ngoài búa. Mắt đeo kính cận, bị mờ hơi che, nên chẳng thấy được vòng đen, kéo cơ bằm cũng không. được sao mà nặng quá. Bỏ đạn vào lại càng khó hơn. Bên cạnh một cậu chẳng dám bắn, bị tai thật chắc, nên bị sĩ quan phạt 10 hít đất. Thấy bụng của cậu nằm bẹp xuống đất chẳng động đậy, mình đâm ra thương hại... Tự nghĩ đến mình hết chịu đựng được chừng này hít đất không ?

Đại đội về trường trong cơn mưa bụi. Đường đất đỏ mờ nhạt dưới ánh hoàng hôn. Một đồi cao đang chờ đợi trước mặt. Nhớ lại lần bị chúng nó chặn lại truyền-truyền. Mấy thằng du-kích xã chưa biết chữ a, b, bây giờ truyền truyền xã-hội chủ nghĩa. Nhớ lại những sự hy sinh cao cả mà mấy nghĩa quân ở một ấp ở miền Trung, cố thủ trong ấp đã ba ngày để chờ quân tiếp viện. Mình không có quyền phản bội lại sự hy-sinh cao đẹp đó.

Đoàn quân về gần cổng, thì tường đã lên đèn. Như một sự màu nhiệm, trên bầu trời, có vài vì sao đã mọc ánh sáng mờ mờ trong tình yêu thương. Bước chân đã thôi mỏi, mũ đồng đã thôi ê, và tiếng nhịp đã bắt đầu vang lên trong một chiều sắp tàn.

Ngày giáng sinh

Chắc giờ này quê hương mình lạnh lắm. Thành phố mù sương, và đường khuya vàng vọt ánh đèn đêm giáng sinh ! Mỗi nhà đã thắp lên một ngọn đèn bao dung hiền dịu. Trên quả đất này, có nơi nào không thắp những ngọn đèn này. Nhưng ở mảnh đất đau khổ này, thay vì ngọn đèn hiền dịu vồ về ấy, những mảnh sáng của đạn lửa và hoả châu thắp lên. Chắc Chúa cũng khóc mà Phật cũng rung rung.

Đêm giáng sinh. Đêm nhân loại cúi dưới ánh đèn cây để cầu nguyện, hay chúc nhau một đêm Nô-en hạnh phúc, thì ở đây, có những bà mẹ, bà vợ đã cúi đầu trước những quan tài...

Chiều qua, mua tờ báo đầu tiên từ ngày đặt chân vào quân-trường này. Đọc mới biết là có hưu-chiến 48 giờ. Hưu chiến để mà sửa soạn. Bọn mình đang ở trong lớp người sửa soạn đó.

Ngày... tháng...

Học nguy trang suốt ngày. Bảy đặc điểm và ba phương pháp. Ánh sáng, màu sắc, hình thể, nền hoạt động mùi hương... Nhiều điều lắm. Dễ nhớ, đại úy đặt một câu: Anh hôn em một hơi dài, cả bọn cười hô hố. Nắng gắt không thể tưởng. Nước miếng cứ nuốt, cò càng lúc càng khô. Rồi tập nguy trang. Lá rừng thi nhau giắt la liệt trên nón đồng, ba lô. Lọ nôi, kem đánh giày thi nhau bôi đen trên mặt và tay, cò... cười, lộ hàm răng trắng như bọn Phi-châu. Rồi tập nhảy, cò cò. Chỗ nào kêu leng keng, hay lá rớt nhiều, lập tức bị bom đất.

Lần đầu, đại đội ở đêm tại bãi. Trăng rằm tròn trịa trên bầu trời. Bãi tập trắng như màu bánh trắng. Những hàng kẽm gai vươn lên dào dạt, mỗi một, vài ngôi mộ ngơ ngác giữa bãi. Những loạt đạn đại bác của Mỹ nổ dồn dập rít lên trong thình không. Cứ mỗi lần nổ, thấy một đám lửa cháy sáng ở đằng xa. Mặt quay lại phía trường. Nóc tháp tự giá bằng đèn nê-ông màu xanh, hiện rõ trong màn đêm. Tượng tượng ở đó, những lời cầu kinh vang lên, nước nở dưới chân Chúa...

10 giờ đêm đại đội trở về. Một thoáng buồn hiu hắt theo tiếng hát Hoàng Oanh trong máy thâu thanh bỏ túi.

Tôi chúc muôn người mọi điều ước muốn.

Non nước vinh quang trong tia nắng thanh bình...

Ngày N...

Mùa xuân đã một lần bắt gặp. Có một lần, những ngọn gió mang hơi thở mùa xuân trở về. Lá cao su đã rụng gần hết và sân bãi ngập tràn lá vàng. Thay vào đó, màu mây trời xanh trong, màu hoa lại ửng hồng.

Học quan sát tìm dấu vết. Huấn luyện viên, chắc thấy bọn ngủ gật nhiều quá nên đặt một câu hỏi:

— Bạn nào phân biệt được địch đàn ông và địch đàn bà?

Cả bọn nhốn nháo. Một thằng giơ tay phát biểu:

— Thưa đại-úy. Mình xem lỗ nước đái. Hề sâu thì đàn bà, cạn thì đàn ông?

Một thằng đứng dậy cãi:

— Vô lý. Nguyên lý hấp dẫn trọng lực Newton cho rằng càng cao, càng mạnh. Đàn ông đứng, đàn bà ngồi cả bọn cười nức nẻ. Sĩ quan huấn luyện khoác tay:

— Điều đó tôi không được biết. Nhưng hơi sức đâu, các bạn đi tìm cái lỗ ấy...

Một thằng khác phát biểu:

— Theo kinh nghiệm cho biết. Nước tiểu đàn bà khai hơn nước tiểu đàn ông.

Ông sĩ quan H.L.V. lắc đầu:

— Anh mà đi ngủi như thế, địch đã chạy đời nào rồi.

Một thằng ở góc sân đưa tay:

— Thưa đại úy, phải đề ý đến dấu nắm của đàn bà cán bộ hộ lý hay nắm dưới đàn ông nên dấu vết to rộng hơn.

— Gần đúng, Ông sĩ quan H.L.V. cười đáp. Chẳng hạn móng đàn bà to hơn móng đàn ông.

Mình cười nức nở. Muốn đưa tay, phát biểu thêm một ý kiến : Thừa đại úy, xem có tóc dài không ?

Ngày N. giờ H.

Cơn mưa nhẹ cuối mùa không đủ làm cơn ngủ bay đi không bao giờ mình lại ngủ nhiều như vậy. Mặc mưa mặc nắng, cứ gật là gật. Chả bù vào những ngày ở nhà, thao thức băng khuôn rồi thức trắng.

Có tiếng đá vào bi-đông, quay lại định chửi thề nhưng thấy ông H.L.V. đứng bên cạnh. Cơn ngủ mới thực sự hết.

Giờ đến phần thực tập bài học. Cả bọn nguy trang lá rừng. Mình cũng làm xinh, lấy vài nhánh hoa trắng đại giắt trên nón sắt. Rồi tiểu-đội hàng dọc, núp dưới mô đất, chờ lệnh tiến quân dưới hỏa lực của địch. Mình làm tiểu-đội-trưởng, đứng giữa, phát tay bảo anh em tiến lên, anh hùng lâm trận, tay cầm súng, tay phát cờ. Miệng hét : anh em tiến, Nhưng tiếng còi của sĩ quan H.L.V. réo và tiếng quát : Anh nào trưởng toán ? Anh nào làm trưởng toán ? Mình hiên ngang đưa tay : Dạ, Đại úy, em.

— Nằm xuống bơm 10 cái hít đất cho tôi...

Té ra mình không được lệnh mà tự tiện cho anh em tiến..

Tiểu đội bây giờ tiến ra giữa đồng trống. Lựu đạn MK3 nổ. Cả bọn sợ chạy tán loạn. Lại thêm 10 cái nữa nhìn lại, đạn chưa bắn được phát nào, mà kính đã vỡ một mảnh. Tự nguyện rón tập cầm súng cho chắc, rón hét cho to và rón nhào tránh cho giỏi. Mỗi một lăm rồi. Vừa xách súng, vừa chạy. Bên tai tiếng đạn nổ reo reo.

Ngày cuối năm dương lịch

Hôm nay, ngày cuối cùng của một năm. Buổi tối, khi tất cả đại đội di hành. thẳng bạn bảo, mình mới hay..

Ngày cuối cùng rồi mai đây, mình sẽ hơn một lần đếm trên cuộc đời bằng một vết răn ngày tháng.

Chúng tôi cầm súng, đi vòng quanh trường. Những ngọn đèn đã thắp lên, mời gọi. Hình ảnh gia đình trong đó có một người mẹ, một người cha và đàn con.

Bàn thờ đã thắp sáng... Biết bao giờ đất nước mình thực sự chan hòa màu sắc hòa bình đó ?

Cả Bọn đi âm thầm trong đêm súng đã triu nặng trên tay. Những ánh đèn phớt qua hiên hòa như đôi mắt người Mẹ. Trên trời, vì sao Đại Hùng lấp lánh trang điểm. Và ở một cõi vô cùng, tách xa hẳn những ngôi nhà này, là bóng tối.. là chết chóc thảm thê. Chúng nó là bóng tối quân thù đang nằm trong bóng tối. Một vì sao đã rụng. Như linh cảm, mình gật mũ chào. Nhà ai đang tung bừng trong ngày đám cưới. Chú rể, cô dâu đang cúi lạy trước bàn thờ. Năm mới, chúc hai bên sống trăm năm hạnh phúc, đẻ nhiều con, nhưng cầu trời đừng cho mắt thơ ngây thấy lại cảnh quê hương như cha chúng nó đã thấy...

Nhà thờ đã tràn ngập người. Mình qua, cố tìm đôi mắt Chúa nhưng không thấy. Chỉ nghe lời cầu kinh nào nuốt vang lên.

TRẦN-QUÍ-SÁCH

THỜI - SỰ VĂN - NGHỆ

Các nhà văn Á-Phi

Hội nghị nhà văn các nước Á-Phi năm nay họp tại Liban. Nga gửi tới một phái đoàn, cầm đầu là thi sĩ Evtouchenko. Trung cộng bị Liban toa rập với Nga cấm cửa vào hội nghị, Trung cộng bèn tẩy chay. Tuy vậy, ba nhà ngoại giao^o Trung cộng lại trá hình thông tin viên để lọt vào chỗ họp.

Di nhiên, cả đôi bên Nga Hoa giành giật với nhau như thế không phải là vì văn chương. Những cuộc họp mặt như thế ảnh hưởng đến thái độ chính trị của một số nhà văn các nước. Nếu Việt Nam ta cứ tiếp tục coi nhẹ sự góp tiếng của giới văn nghệ vào dư luận thế giới thì người ta dễ hiểu tại sao một số trí thức ngoại quốc cứ thỉnh thoảng lại phát ngôn về chiến cuộc tại Việt Nam những điều làm cho Hội đồng dân quân đâm giận bộ Ngoại-giao.

Việt-Nam, xứ văn hiến mà coi nhẹ văn nhân ? Ai dám bảo thế ? — Thật ít ai dám bảo điều láo xược ấy, tuy nhiên theo tập quán xứ này những lần các cây vọt gỗ, các đoàn cầu thủ «ra quân», xuất ngoại bênh vực « màu cờ sắc áo » thì dư luận môn xao dữ, các nhà diu dặt chăm sóc, báo chí nhộn nhịp. Còn năm hì mười họa có văn nhân thi sĩ Việt nào đi họp ở ngoại quốc thì sự việc diễn ra rất khiêm tốn trong sự chú ý rất dè dặt của chính quyền và dư luận đồng bào.

Các nhà văn Nga-xô

Vừa có hai nhà văn Nga xô qua thăm viếng nước Pháp trong khuôn khổ cuộc trao đổi văn hóa giữa hai nước. Đó là Kazakov và Soloukine.

Guy Le Clec'h gặp hai văn sĩ Nga, hỏi han về tình hình sinh hoạt văn giới bên Nga. Hỏi : Ở Nga, một tác giả có tác phẩm muốn xuất bản phải làm thế nào ? Soloukine trả lời : Mỗi tác giả có ba thời kỳ, thời kỳ đã nổi danh và đã chín chắn thì việc in sách không thành vấn đề ; trái lại, lúc mới vào nghề, họ phải sắm cặp giò cho dẻo chạy lui chạy tới các toà soạn, các nhà xuất bản (trừ trường hợp họ được một nhà văn tên tuổi đỡ đần).

Hỏi về mức sống, Kazakov nói : Một nhà văn, dù là hạng tầm thường, cứ mỗi năm viết được một tác phẩm thì đủ xài rộng rãi. Mới vào làng mỗi tháng được độ bảy trăm rưởi quan. Còn nổi danh như Kazakov thì mỗi tháng tiền bán sách được ba trăm rúp, ngoài ra còn có tiền viết báo nữa.

Đề cập tới chuyện các tác phẩm không được phép xuất bản, tới sự áp chế

của chính quyền, Kazakov kể lại một mẩu chuyện. Evtouchenko trước có viết tập *Les Staliniens*, không ai cho xuất bản. Độc giả cứ chép trộm, đọc lén, chuyền nhau. Evtouchenko lo rằng cứ thế tam sao thất bổn, sẽ xảy ra những điều xuyên tạc có hại cho mình, bèn viết một bức thư gửi cho thủ tướng Khrushchev, kèm theo bản thảo. Khrushchev chuyển bản thảo cho nhà Pravda : *Les Staliniens* ra đời.

Hỏi về tình trạng tinh thần giới văn nghệ hiện nay, Soloukine đáp : «Xin ông hiểu cho. Trong các xứ lạnh nhiều, bàn tay cóng lại lúc nào ta không hay. Tới khi nó nóng lại, khiếp lắm. Trong khoảng mười năm gần đây, hết lạnh hết cóng. Chúng tôi thấy khó chịu cả trong đầu óc, cả nơi bàn tay. Nhưng tính tôi rất lạc quan. Nỗi thống khổ của chúng tôi làm nền tảng cho nghệ thuật chúng tôi. Và lại một biến cố dù thế nào đi nữa cũng gây ra một phản ứng, xuyên qua lịch sử, phản ứng ấy sẽ đem lại một yếu tố tích cực. ».

Các nhà văn Hoa-kỳ

James Jones lâu nay vẫn ở Paris. William Styron vừa mới từ Hoa-kỳ bay qua ở chơi với bạn vài ba tuần lễ. Rồi ông sẽ qua Ý, rồi đi Ai cập.

Phải lang thang như vậy vì ở Hoa kỳ W. Styron thiếu chỗ nghỉ ngơi chăng ? — Cách Nữ ưóc bảy chục cây số, ông có hai ngôi biệt thự và mười sáu mẫu đất để làm vườn giải trí. Mùa đông, ở đây lạnh quá, không ra vườn được, ông bèn đi Massachusetts, tại đó ông có một ngôi nhà nữa.

Hỏi han W. Styron những điều như thế cũng lại là Guy Le Clec'h. Ông phóng viên tò mò hết tìm tới văn sĩ Nga lại tìm tới văn sĩ Mỹ, công phu của ông đáng tưởng thưởng. Bởi vậy, ông ta được William Styron truyền lại cho một bí quyết để cho có hạnh phúc ở đời : hạnh phúc gồm có hai yếu tố, một là ăn sò, hai là thả bộ lai rai trên các nẻo đường hoặc dọc theo bờ sông.

Và các nhà văn... quốc tế.

Tại Nam-tư vừa có cuộc họp của hai trăm văn nghệ sĩ thuộc 31 quốc gia. Cuộc họp kết thúc bằng một bản tuyên ngôn khuyên các nhà lãnh đạo thế giới nên củng cố tư tưởng đoàn kết giữa các quốc gia trên hoàn cầu. Đề cập tới một biện pháp cụ thể để mọi người có thể tìm hiểu nhau, đoàn kết nhau, các văn nghệ sĩ đã ủng hộ việc du lịch.

Thì ra hội nghị này chính là do hiệp hội các tổ chức du lịch quốc tế, cơ quan tư vấn Liên Hiệp quốc, bảo trợ !